

**Đà Lạt -
Danh thắng và huyền thoại**

TRẦN HUY HÙNG CƯỜNG

ĐÀ LẠT
DANH THẮNG
VÀ HUYỀN THOẠI

(Tái bản lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Đà Lạt - Lâm Đồng ĐẤT VÀ NGƯỜI



à Lạt là thành phố cấp II thuộc tỉnh Lâm Đồng, là trung tâm hành chính của tỉnh. Đà Lạt được thành lập từ năm 1893 và nay đã trở thành một thành phố du lịch lý tưởng cho du khách trong và ngoài nước, bởi khí hậu mát mẻ quanh năm, những đồi thông và những vườn hoa bạt ngàn tạo nên những bức tranh thơ mộng làm say đắm lòng người. Các loài hoa ở Đà Lạt đua nhau nở quanh năm. Mảnh đất tốt tươi và cỏi mở này đã đón nhận hầu hết tất cả các loài hoa có nguồn gốc bản địa và hoa của các vùng đất khác nhau trên thế giới. Hoa và bầu trời mù sương huyền ảo là sợi dây vô hình níu chân con người ở lại với Đà Lạt.

Bên cạnh những ngôi biệt thự, những công trình kiến trúc cổ kính ẩn mình trong những rừng thông xanh biếc hoặc những rừng hoa bao phủ là những thác nước và hồ nổi tiếng tạo cho cảnh quan Đà Lạt quyến rũ mà không nơi nào có được như thác Cam Ly, hồ Than Thở, hồ Xuân Hương, thác Prenn... Bên cạnh các ngôi giáo đường với tháp chuông nhọn vươn cao

một cách thanh thoát là những mái chùa rêu phong hiền hòa thấp thoáng dưới những hàng cây.

Mặc dù ở vùng nhiệt đới, nhưng Đà Lạt có khí hậu mát mẻ quanh năm, nhiệt độ trung bình hàng năm 18°C, bởi tính chất khí hậu của Đà Lạt vừa nhiệt đới vừa ôn đới. Đi giữa thành phố Đà Lạt mù sương nhưng du khách cứ ngỡ mình đang lạc giữa một thành phố nào đó của châu Âu bởi đa số những công trình kiến trúc mang đậm nét phương Tây hiện diện giữa khung cảnh thiên nhiên rất ư lãng mạn. Nhưng, bên cạnh nét văn minh phương Tây ấy vẫn hiện diện một cách rõ ràng những mái chùa mang dáng dấp kiến trúc đặc trưng của phương Đông mà đặc biệt là ngôi chùa Linh Phước ở Trại Mát được trang trí bằng những mảnh ve chai hoặc sành sứ tạo nên những hình ảnh hoa văn tinh xảo sống động, những đóa hoa trắng tinh ngát hương hay những căn nhà gỗ đơn sơ đâu đó bên triền đồi, con suối... cũng đủ cho tâm hồn du khách lạc vào những miền cổ tích phương Đông với những tộc người thuần chất nhiều huyền thoại. Hai nét văn hóa ấy xen kẽ, hòa quyện nhau trong tiết trời se se lạnh của bốn mùa Đà Lạt làm cho con người cảm thấy yêu thiên nhiên, yêu quê hương hơn.

Những câu chuyện kể của người dân bản địa về sự tích của mỗi danh thắng hay ngọn thác... cùng với những huyền thoại về đời sống tâm linh của người dân địa phương gắn liền với cảnh vật thiên nhiên thể hiện đời sống cộng đồng của con người nơi đây một cách sinh động. Từ những huyền thoại mang tích chất hoang đường đã đem lại những bài học luân lý và kinh nghiệm sống kết nên một bản sắc văn hóa tổng hợp của các dân

tộc anh em trên miền đất Tây Nguyên và đã được lưu giữ, bảo tồn trong kho tàng văn hóa Việt Nam đến hôm nay.

Ngay buổi sơ khai, vùng Đà Lạt chỉ có thung lũng quanh các dòng suối và các ngọn đồi được chọn làm thành phố nghỉ dưỡng với diện tích ban đầu chỉ có 67km². Đến nay, Đà Lạt đã được mở rộng gấp hơn chục lần.

Xuất xứ của tên gọi Đà Lạt. Những người Pháp đến Đà Lạt vào đầu thế kỷ XX đã tặng cho thành phố này một câu châm ngôn bằng tiếng Latinh có ý nghĩa “*Dat alliis laetitium alliis temperriem*”, nghĩa là: *Cho người này niềm vui, người kia sự mát lành*. Tuy nhiên, nếu lấy năm mẫu tự đầu tiên của năm từ này ghép lại sẽ là: “DALAT”. Do đó, người ta suy đoán một cách logic rằng, tên Đà Lạt là do người Pháp đặt. Nhưng theo tiếng dân tộc, Đà Lạt được phát âm là “Đạ Lạch” có gốc từ Dàlạc. “Đạ” có nghĩa là nước, suối, sông...; “Lạch” là tên một bộ tộc ít người cư trú trên vùng cao nguyên Lâm Viên này. Như vậy, Đạ Lạch là nước hay là quê hương của bộ tộc người Lachr.

Ngày 22-10-1956, Ngô Đình Diệm ra Sắc lệnh 143/NV đổi tên các tỉnh miền Nam mang ý nghĩa của tiếng Hán Việt. Từ đó, tên Đà Lạt được các nhà nghiên cứu giải thích theo tiếng Hán Việt, “Đa”: nhiều; “Lạt” gần như đồng âm với chữ “lạc”: vui. Vì thế, Đà Lạt mang ý nghĩa là miền đất của niềm vui. Và ngày nay, cộng đồng dân tộc Việt Nam vẫn tin và xác định rằng, Đà Lạt là tên gọi của Việt Nam.

Đà Lạt là trung tâm hành chính của tỉnh Lâm Đồng. Vị trí của tỉnh Lâm Đồng nằm trên cao nguyên Lâm Viên - Di Linh với độ cao 1.500m so với mặt nước biển và được xem là cao

nhất trong ba cao nguyên của vùng đất Tây Nguyên. Phía bắc của Lâm Đồng tiếp giáp với hai tỉnh Đắk Nông và Đắk Lắk; phía đông nam giáp các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận và Bình Thuận; phía tây nam giáp với Bình Phước và Đồng Nai.

Địa hình đồi núi và rừng chiếm hơn 2/3 toàn bộ diện tích 9.765km² của tỉnh Lâm Đồng. Mặc dù địa hình không bằng phẳng, nhưng thiên nhiên đã ưu ái ban tặng cho Lâm Đồng một loại khí hậu đặc biệt nuôi dưỡng rau quả, hoa lá, cây cối tươi tốt quanh năm làm nên những sản phẩm rất riêng của vùng đất này để làm quà lưu niệm cho biết bao du khách đến Đà Lạt như hồng, dâu, mận, đào, bơ... và hấp dẫn du khách bởi hàng ngàn loại hoa độc đáo chỉ sinh sản riêng trên mảnh đất này một cách ấn tượng như phượng tím, mai anh đào...

Dân số trung bình toàn tỉnh là 1.145.587 người^(*), gồm có trên 20 dân tộc đang cùng nhau sinh sống như Kinh, K'hor, Lachr, Mạ, Chink, Sré, Churu, M'nông... mà cộng đồng cư dân của các dân tộc này là một sự hòa nhập hết sức độc đáo. Thiên nhiên tươi đẹp đã làm cho con người Đà Lạt trở nên hiền hòa, duyên dáng đáng yêu, đầy nét thanh lịch và mến khách mà những ai đến đây cũng đều quyến luyến.

Là tỉnh có nhiều dân tộc cư trú nên Lâm Đồng có một nền văn hóa rất phong phú, đa dạng có thể nói bản sắc văn hóa của Tây Nguyên đẹp như huyền thoại với nhiều lễ hội đặc sắc. Lâm Đồng còn lưu giữ nhiều di tích văn hóa lịch sử xa xưa của các dân tộc và thời kỳ người Pháp bắt đầu xây dựng nên thành phố Đà Lạt. Đến Đà Lạt - Lâm Đồng, du khách có dịp

^{*} Theo số liệu năm 2004

đến thăm và giao tiếp với các buôn làng của các dân tộc ít người để hiểu được nét văn hóa và cuộc sống sinh hoạt rất hiền lành, rất dân tộc của họ qua những nghề mưu sinh như làm vườn, trồng trọt, chăn nuôi...

Ngoài cảnh quan thiên nhiên phong phú, khí hậu trong lành mát mẻ, du khách đến Đà Lạt còn có được thú vui ngồi xe ngựa dạo quanh thành phố trong buổi chiều sương xuống. Đối với người trẻ thích mạo hiểm sẽ thích thú hơn khi ngồi trên lưng ngựa cưỡi. Thú vị nhất là được ngồi trên lưng chú ngựa phóng nhanh lên đỉnh Lang Bian, giữa nơi đất trời lồng gió, ngựa sung sướng vì được phục vụ du khách mà hí vang lòng. Những năm gần đây, du khách thường thấy ở những khách sạn cao cấp có loại xe thổ mộ dùng để đưa khách tham quan các thắng cảnh trong thành phố nhằm làm phong phú thêm sản phẩm du lịch Đà Lạt, những cỗ xe này sử dụng bánh hơi hoặc có bánh được làm bằng gỗ sản xuất tại Đà Lạt.

Công trình thám hiểm Cao nguyên Lang Bian

Vào những năm cuối thế kỷ XIX, chính phủ Pháp đã nhờ một nhà khoa học là bác sĩ Yersin đi khám phá Tây Nguyên. Sau ba năm miệt mài với bao vất vả, Yersin đã tìm đến được cao nguyên Langbian vùng Dankia ngày 21-6-1893. Cuộc thám hiểm cao nguyên Langbian của bác sĩ Yersin rất quan trọng, đánh dấu sự ra đời của thành phố Đà Lạt.

Bác sĩ Yersin khởi hành trên con đường từ Phan Rang lên Đà Lạt theo sự dẫn đường của linh mục Robert, nhưng cũng có tài liệu cho biết là nhờ hai người dân tộc thiểu số dẫn ông đi. Sau cuộc khám phá của bác sĩ Yersin, chính phủ Pháp cử hai đoàn khảo sát lên Langbian vào năm 1897-1900. Đoàn thứ nhất do Đại úy Thouard chỉ huy với nhiệm vụ nghiên cứu để xây dựng một con đường lên vùng đất mới này, họ đã ở lại vùng Dankia làm việc trong một tháng rồi trở về Sài Gòn. Đoàn thứ hai do Đại úy Guinet chỉ huy, trong đó có bác sĩ Etienne Tardiff với nhiệm vụ của đoàn là xây dựng con đường lên cao nguyên này; trong vòng 13 tháng, đoàn thứ hai đã mở xong con đường không trải đá dài

120km từ cửa Nại đến Đơn Dương, Đà Lạt và Dankia. Bác sĩ Etienne Tardiff đã ra sức nghiên cứu về độ cao, khí hậu, đất đai, nước và các loài thảo mộc... cũng như những điều cần thiết khác để xây dựng một thành phố nghỉ dưỡng trong tương lai và ông đã làm bản báo cáo cho Toàn quyền Paul Doumer. Sau đó, Toàn quyền Doumer đích thân đi quan sát vùng cao nguyên này, đặc biệt là vùng Dankia và Đà Lạt vào năm 1899. Sau cuộc thám hiểm Toàn quyền Doumer quyết định chọn Đà Lạt làm thành phố nghỉ dưỡng và bắt đầu xây dựng từ năm 1899.

Như vậy, thành phố Đà Lạt được khai sinh qua ba sự kiện: bác sĩ Yersin đi tìm, bác sĩ Eteinne Tardiff nghiên cứu điều kiện để xây dựng và Toàn quyền Doumer quyết định chọn Đà Lạt làm thành phố nghỉ dưỡng giữa một vùng rừng núi hoang sơ khá qui mô. Tuy nhiên, chúng ta cần biết rằng, Nguyễn Thông là người đầu tiên thám hiểm Sơn quốc này và phát hiện ra vùng Nam Tây Nguyên từ năm 1862 đến năm 1877; ông đã dâng sớ xin lập đồn điền khai khẩn vùng thượng du và vua Tự Đức đã đồng ý cho Nguyễn Thông khai thác Sơn quốc, nhưng sau đó thực dân Pháp ở Nam kỳ buộc vua Tự Đức phải hủy bỏ công trình này vào năm 1877.

Alexandre Yersin

(1863-1943)

Alexandre Yersin sinh ngày 22-9-1863 tại xứ Vaud thuộc Thụy Sĩ. Cha của ông là Jean Marc Alexandre, một nhà Côn trùng học nổi tiếng người Thụy Sĩ; mẹ của ông là bà Fanny Moschell, gốc Pháp. Ông được sinh ra sau khi người cha qua đời ba tuần ở tuổi 38.

Ngày 21-7-1883, Alexandre Yersin tốt nghiệp Tú tài văn chương và đến cuối năm này ông tiếp tục theo học năm thứ nhất đại học Y Dược của Laussane tại Thụy Sĩ. Nhưng do hoàn cảnh ông phải bỏ ba qua Đức rồi qua Pháp với ý định hoàn thành việc học. Tại Pháp ông được nhận vào viện Pasteur Paris với tư cách là một bệnh nhân do ông bị thương ở tay trong khi mổ xác người bị bệnh dại. Lúc này, ông đã được cảm tình của mọi người.

Sau đó, ông trở thành người học trò và phụ tá trung thành của bác sĩ Louis Pasteur. Ông luôn theo con đường mà mình đã chọn và áp dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học của Pasteur. Ngày 25-5-1888, Alexandre Yersin bảo vệ luận án Tiến sĩ Y khoa qua đề tài: "Sự phát triển của bệnh lao thực

nghiệm" và được công nhận Thạc sĩ Y khoa trong cùng ngày. Cũng trong năm này, ông được công nhận là công dân nước pháp. Sau đó, luận án Tiến sĩ của ông đã được trường Đại học Y khoa Paris trao tặng huy chương Đồng vào ngày 21-01-1889.

Mặc dù tốt nghiệp Y Khoa nhưng ông có lòng say mê thám hiểm. Sau đó, ông làm việc cho một hãng tàu biển với vai trò Bác sĩ phụ tá của hãng vận tải đường biển Messageries Maritimes và có dịp đi

nhiều nơi trên thế giới. Ngày 13-9-1890, hãng vận tải này đã quyết định gọi Yersin lên đường đi Đông Dương. Cuối tháng 3-1891, Yersin đến Nha Trang. Cảnh đẹp Nha Trang đã làm say mê lòng ông và ông đã ở lại đây.

Ngày 29-7-1891, ông thực hiện chuyến thám hiểm dọc bờ biển Phan Rí và đi sâu vào đất liền để khám phá núi rừng, nhưng mục đích của chuyến đi này thất bại. Năm 1891-1893 ông đã tổ chức nhiều cuộc thám hiểm từ Nha trang lên cao nguyên Langbian, vượt qua dãy Trường Sơn đến Phnôm-Pênh, đến với nhiều buôn làng của các dân tộc thiểu số trên dọc dòng sông Mê Kông.

Ngày 21-6-1893, Alexandre Yersin trèo lên một ngọn núi có nhiều cây cổ thụ và phát hiện ra cao nguyên Lang Bian và



Tượng bán thân của Bác sĩ Yersin được dựng một cách trang trọng giữa công viên Yersin ở Đà Lạt.

ghi chép cẩn thận tọa độ này. Trong chuyến khám phá Lang Bian này, Alexandre Yersin đã đụng độ với băng cướp Thouk và ông đã bị thương chân phải, một nhát gươm tiện mất nửa ngón tay bên bàn tay trái và một mũi giáo đâm vào ngực... Người ta phải khiêng ông về Phan Rang bằng một chiếc võng giả chiến. Trên đường về, đoàn người khiêng ông phải băng qua nhiều sông suối. Vào một buổi sáng trên đường về, đoàn người này lại gặp một bầy voi. Trong lúc hoảng hốt, mọi người buông võng bỏ mặc ông nằm dưới đất rồi chạy thoát thân. Giây phút nguy hiểm nhất là khi con voi cái và voi con chuẩn bị húc ông, nhưng sau đó voi mẹ quay lại lối mòn để trở về rừng. Alexandre Yersin thoát nạn.

Bốn năm sau, do nhu cầu cần có chỗ nghỉ ngơi cho viên chức người Pháp theo ý tưởng của viên Toàn quyền Đông Dương, Alexandre Yersin vui mừng báo cáo về cao nguyên Lang Bian có thể đáp ứng về các yêu cầu khí hậu, nguồn nước và đường giao thông... Năm 1897, viên Toàn quyền cho đặt một trạm nghiên cứu kèm theo đài khí tượng và trồng trọt thử nghiệm nhằm tìm ra điều kiện môi trường thích hợp cho sự sống trên Lang Bian. Hai năm sau đó, toàn quyền Doumer cùng với ông Yersin đến cao nguyên Lang Bian từ đường Phan Rang mà Alexandre Yersin đã phác thảo từ năm 1893 và viên Toàn quyền này đã hài lòng để đi đến quyết định xây dựng một thành phố nghỉ dưỡng trên cao nguyên này.

Trong những năm 1893, nạn dịch hạch lan tràn vùng Vân Nam, Hồng Kông, Quảng Đông - Trung Quốc, bác sĩ Yersin cũng đã lao vào nghiên cứu về dịch bệnh. Cuối cùng, ông tìm được vi trùng dịch hạch (gọi là vi trùng Yersina Pestis) và nghiên cứu được phương pháp kháng bệnh.

Sau thời gian nghiên cứu, ông trở về Nha Trang năm 1895 dựng ngôi nhà nhỏ ở xóm Cồn để tiếp tục công việc nghiên cứu, sau này trở thành viện Pasteur Nha Trang. Đây là viện Pasteur thứ hai ở Việt Nam thời bấy giờ, đồng thời lập trạm thí nghiệm chăn nuôi bò, ngựa, điều chế huyết thanh chữa bệnh dịch hạch. Từ việc nuôi ngựa, ông lại nghiên cứu thêm các bệnh nhiễm của gia súc. Ông cũng là người góp phần vào sự phát triển nông nghiệp, là người mở đường cho ngành Thú y Việt Nam. Song song với các nghiên cứu, ông còn trồng thử nghiệm và thuần hóa một số cây trồng như cao su, cà phê, cacao, cây thuốc trị bệnh kiết lỵ và cây ký ninh trị bệnh sốt rét.

Ngoài ra, ông còn nghiên cứu thiên văn, khí tượng phục vụ cho nghề biển, cũng như đem kỹ thuật điện ảnh làm phương tiện giải trí và giáo dục cho ngư dân. Ông là người cống hiến nhiều công trình khoa học có giá trị cho nhân loại, cho nhân dân Việt Nam. Ông không lập gia đình, sống rất giản dị: một bộ Kaki vàng, một chiếc xe đạp cũ ngày ngày đến công sở, không thích rượu chè.

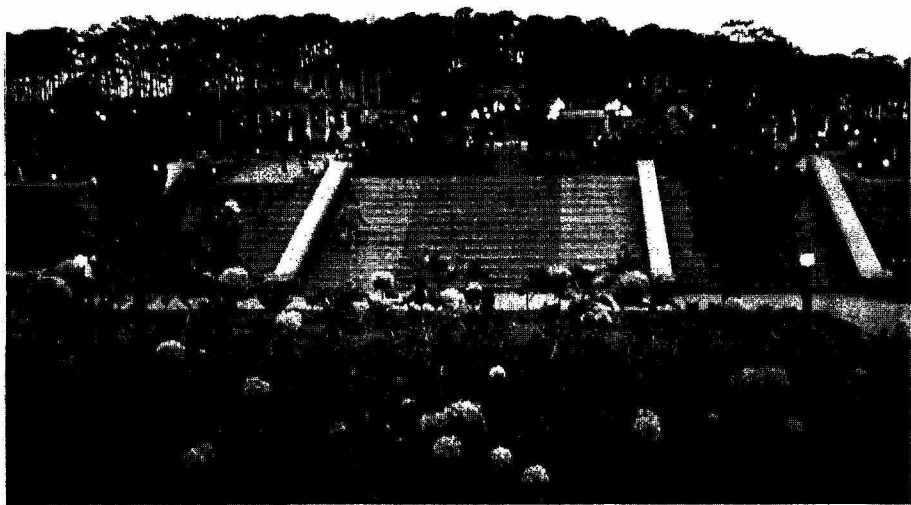
Ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng: được ủy quyền thay bác sĩ Emile Roux là giám đốc viện Pasteur Paris, Giám đốc hai viện Pasteur Sài Gòn (do bác sĩ Albert Calmette lập năm 1891) và Nha Trang, Tổng giám đốc viện Pasteur Đông Dương, được giao nhiệm vụ thành lập trường Y khoa Đông Dương đầu tiên tại Hà Nội (1902).

Một giờ sáng ngày 01-3-1943, Alexandre Yersin trút hơi thở cuối cùng và gởi thân yên giấc ngàn thu tại Suối Dầu, với ước muốn duy nhất trong di chúc khi ông còn sống: "Tôi ước muốn được chôn ở Suối Dầu. Hãy ghi tên tôi lại ở Nha Trang.

Mọi tài sản xin được gởi lại tặng cho Viện Pasteur Nha Trang và những người giúp việc...”. Theo di chúc của ông, khi khâm liệm người ta đặt ông nằm sấp, đầu quay về biển để ông mãi mãi ôm lấy mảnh đất quê hương thứ hai của mình. Cũng theo di chúc, người ta chôn ông trên một ngọn đồi con với ít hoa cảnh xung quanh, mộ được xây dựng rất đơn giản với khối hình chữ nhật cao hơn mặt đất khoảng 20-30cm, phía đầu hơi cao và quay về hướng đông, trên có đắp hàng chữ nổi “ALEXANDRE YERSIN 1863-1943”.

Chưa bao giờ người ta mục kích thấy hàng ngàn người Việt Nam đưa tang ông như thế. Có nhiều người để tang khóc lóc như đối với một người thân. Cũng chưa bao giờ nhân dân Việt Nam lập chùa Long Tuyên và Linh Sơn tại Suối Cát để thờ người nước ngoài và đặt ảnh của ông ngang với các vị Bồ tát.

Công viên Yersin ở Đà Lạt.



Lễ hội tôn vinh Người trồng hoa

T hành phố Hoa”, mỹ hiệu này đã được du khách ưu ái ban tặng cho Đà Lạt từ lâu. Thật vậy, nhờ khí hậu mát mẻ và ẩm áp quanh năm mà các nhà khí hậu học gọi Đà Lạt là “thành phố của mùa Xuân”, rất thích hợp để trồng hoa và lý tưởng đối với du khách; do đó, thế mạnh của Đà Lạt là trồng hoa và du lịch.

Nhằm tôn vinh người trồng hoa, từ năm 2005, thành phố Đà Lạt đã long trọng tổ chức lễ hội Hoa mang tên “Festival Hoa Đà Lạt” vào dịp cuối năm nhằm phục vụ người dân địa phương và thu hút du khách đến tham quan Đà Lạt. Sân khấu chính của lễ hội thường được dàn dựng trên mặt nước của lòng hồ Xuân Hương với hàng ngàn diễn viên chuyên nghiệp và quần chúng tham gia biểu diễn để diễn đạt những thông điệp của lễ hội đến mọi người. Ngoài hai chương trình khai mạc và bế mạc rất ấn tượng, còn có các chương trình đặc sắc và phong phú khác như: hội chợ triển lãm hoa, diễu hành hoa trên đường phố với nhiều xe hoa lớn nhỏ, hội chợ thương mại, lễ hội tình

yêu là lễ cưới tập thể của những đôi uyên ương từ mọi miền của đất nước tập trung về đây, lễ hội rượu vang, chương trình chinh phục đỉnh Lang Bian...

Hiện nay, tỉnh Lâm Đồng có khoảng 2.700 hecta đất trồng hoa. Mỗi năm, ngoài số lượng hoa phục vụ cho thị trường nội địa, địa phương này còn xuất khẩu hoa với doanh thu hơn ba triệu đô la Mỹ và dự kiến sẽ phấn đấu để đạt đến mức xuất khẩu 10 triệu USD trong tương lai gần. Riêng thành phố Đà Lạt có khoảng 10 công ty và hơn 3.000 hộ gia đình chuyên trồng và kinh doanh cung cấp hoa cho thị trường trong nước và quốc tế. Dịp lễ hội Hoa, Đà Lạt đưa vào sử dụng hàng trăm ngàn hoặc hàng triệu đơn vị hoa, với các loài hoa đặc trưng của Đà Lạt như hoa hồng, mimosa, xác pháo, forget me not, cẩm chướng, nhật quỳnh, cẩm tú cầu, pensée, layon, thu hải đường, thạch thảo, hoa mồm sói, phượng tím, các loài phong lan độc đáo... Ngoài ra, Ban Tổ chức còn mời các đơn vị trồng hoa chuyên nghiệp từ các tỉnh thành khác trong nước đến tham gia để làm phong phú thêm cho lễ hội, nhất là các loại bonsai đang được người chơi hoa ưa chuộng hiện nay.

Đà Lạt còn có một nguồn hoa đại phong phú khác cứ tự nhiên sinh sôi, phát triển mạnh như lan đất, bìm bìm, dã quỳ và nhiều hoa vô danh khác. Các loài hoa đại này “vô tư” mọc dưới tán cây, bên vệ đường, bờ rào, tường nhà, sườn đồi... làm tăng thêm vẻ đẹp cho Đà Lạt mà không “đòi hỏi” một sự quan tâm chăm sóc nào của con người, nhưng vẫn sống mạnh mẽ. Đây chính là linh hồn của thành phố Đà Lạt.

Đêm khai mạc là đêm tôn vinh những nghệ nhân trồng hoa chuyên nghiệp nổi tiếng ở vương quốc của các loài hoa. Các

Hoa bản khoăn.



Hoa mồm sói.



nghệ nhân này được rước trên một trong những chiếc xe hoa của đoàn xe hoa diễu hành trên đường phố Đà Lạt. Đặc biệt, lễ hội Hoa còn có biểu diễn pháo hoa với loại hình pháo phun và pháo chạy trên mặt hồ Xuân Hương...

Với những gì được thể hiện và đạt được trong lễ hội “Festival Hoa Đà Lạt” vào dịp cuối năm dành tặng cho du khách, Đà Lạt thật xứng danh với tên gọi “Thành phố của ngàn hoa”.

» Từ thành phố Hồ Chí Minh đi theo xa lộ 1 là Nội và quốc lộ 1A đến km 1832 là ngã ba Dầu Giây thuộc tỉnh Đồng Nai, cách thành phố Hồ Chí Minh 67km. Quẹo trái theo quốc lộ 20 đến Đà Lạt 232km.

» Km 76: ranh giới giữa tỉnh Đồng Nai và Lâm Đồng.

» Km 78: thị trấn Madagui, thuộc huyện Đà Huoi, tỉnh Lâm Đồng. Ngã ba bên trái vào khu Thánh địa Cát Tiên khoảng 35km.

Thánh địa Cát Tiên

Năm 1985, lần đầu tiên một di chỉ văn hóa Phù Nam được người Việt Nam phát hiện, đó là hai nhân viên trẻ của Bảo tàng Lâm Đồng tên là Hồ Thị Thanh Bình và Đinh Thị Nga cùng các cán bộ Trung tâm khảo cổ thuộc viện Khoa học xã hội TP. Hồ Chí Minh. Theo các nhà khảo cổ học cho biết, di tích Cát Tiên là một thánh địa của đạo Bà La Môn của vương quốc Phù Nam, tồn tại từ cuối thế kỷ thứ sáu đến đầu thế kỷ thứ bảy. Tuy nhiên, trải qua 20 năm với nhiều lần khai quật, các nhà khảo cổ học lần lượt phát lộ ra nhiều đền tháp chôn dưới lòng đất, nhưng vẫn chưa xác định được chủ nhân của thánh địa cổ xưa này.

Cuối năm 1994 và đầu năm 1995 là đợt khai quật lần thứ nhất trên diện tích 200m², các nhà khảo cổ học đã phát hiện được một đền mộ và một đền tháp và nhiều hiện vật có giá trị khoa học rất lớn. Trong thung lũng rộng 15km² được chọn khai quật đã có bảy nhóm di tích trong một tổng thể với khoảng 20 công trình kiến trúc.

Một năm sau đó, đợt khai quật thứ hai đã phát hiện thêm hơn 100 mảnh vàng có khắc hình ảnh các vị thần của đạo Bà La Môn. Cuối năm 1996 là đợt khai quật lần thứ ba, đoàn khai quật đã chọn di tích nằm ở vị trí đầu tiên, cao nhất và đẹp nhất, có qui mô lớn nhất trong quần thể đã phát hiện một đền tháp bình đồ hình vuông 12m x 12m, có diện tích lớn gấp bốn lần tháp đã phát hiện trước đây. Kiến trúc vòm cổng có một phần nhô ra 5m. Cửa lên xuống dẫn vào cửa chính hướng về phía đông. Dưới lòng tháp có một trụ giới thông từ nền gạch xuống hơn 3m để đỡ một linga dài 2,1m, nặng khoảng bốn tấn. Dưới bệ trụ có một hộp cát chứa toàn bộ hiện vật mang ý nghĩa tôn giáo của chủ nhân đền tháp. Rất nhiều hiện vật được phát hiện ở bên ngoài đền như tượng Phúc thần Ganesa của đạo Bà La Môn, đĩa đèn, đồ đồng, sắt, gốm và nhiều hiện vật khác trong lòng tháp như 11 vật bằng đá thạch anh, 79 mảnh gốm, 116 mảnh vàng được chạm hình ảnh các vị thần trong đạo Bà La Môn bằng kỹ thuật gò nổi (trước đó có kỹ thuật khắc chìm) và những văn tự bằng chữ Phạn (Sankrit) có 47 tấm trong số đó, một bộ bốn linga bằng vàng và một bằng đồng bịt bạc có kích thước nhỏ nhất so với những tượng linga mà các nhà khảo cổ học đã tìm thấy ở Việt Nam.

Theo đánh giá của các nhà khảo cổ, thánh địa Cát Tiên cổ kính không thua kém thánh địa Mỹ Sơn. Lại nằm trên đường tỉnh lộ nối với quốc lộ 20, nên thánh địa Cát Tiên sẽ là một điểm tham quan du lịch và nghiên cứu thuận lợi, đầy hấp dẫn và giá trị. Hiện nay, Bộ Văn Hóa - Thông tin đã hỗ trợ kinh phí để tỉnh Lâm Đồng tiến hành qui hoạch, trùng tu tổng thể quần thể di tích thánh địa Cát Tiên trải rộng trên diện tích 15km².

Tê giác một sừng VIỆT NAM

Tê giác là loài thú cổ, có trên 60 triệu năm. Đặc tính của tê giác là nhút nhát và sống đơn độc, nhưng có khứu giác và thính giác rất nhạy. Tê giác một sừng có nguy cơ tuyệt chủng cao nhất trên thế giới và loài thú quý hiếm nhất châu Á đã được đưa vào sách đỏ của Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên quốc tế. Ở châu Á có loài tê giác một sừng, có tên khoa học là *Rhinoceros Sondaicus*, còn được gọi là tê giác Java, thuộc bộ thú guốc móng lẻ. Cách đây nửa thế kỷ, loài tê giác này phân bố từ Ấn Độ, Bangladesh, Malaysia, Mianma, Thái Lan, Lào, Campuchia và Việt Nam. Hầu hết là tê giác hai sừng.

Tài liệu của Liên đoàn Quốc tế bảo vệ thiên nhiên cho biết tê giác ở Việt Nam tồn tại không đến 10 con, cư trú tại các đầm lầy ven sông Đồng Nai, nơi tiếp giáp ba tỉnh Lâm Đồng, Đồng Nai và Bình Phước. Loại thú quý hiếm và đặc hữu này đang đứng trước nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng vì số lượng cá thể quá nhỏ, vùng sinh cảnh đang bị thu hẹp, chất lượng về nguồn thức ăn nghèo nàn và cuộc săn đuổi của con người ngày càng mạnh mẽ.

Vào năm 1964, người dân thường gặp tê giác mỗi dịp lên biên giới phía tây nam. Theo thống kê không chính thức vào thời gian đó, quần thể tê giác Việt Nam có khoảng 19 con bị săn bắn, vì chiếc sừng của tê giác có giá trị hơn vàng, có đặc tính tăng lực, trị độc hoặc dùng làm đồ trang sức quý như ngọc ngà châu báu. Một số tài liệu chứng minh, trước năm 1950 có khá nhiều tê giác bị giết, trong đó có cả loài tê giác hai sừng, khiến loài này đã hoàn toàn bị tuyệt chủng ở Việt Nam.

Tháng 3-1993, nhiều đoàn cán bộ Cục Kiểm lâm, Viện Sinh thái và tài nguyên sinh vật cùng với các chuyên gia quốc tế nghiên cứu tê giác đã tiến hành điều tra khu vực ven sông Đồng Nai, thuộc khu rừng quốc gia Cát Tiên và đã xác định quần thể tê giác tồn tại ở Việt Nam. Tháng 01-1999, đoàn cán bộ các nhà khoa học Việt Nam tiếp tục điều nghiên về tê giác ở vùng này. Qua phân tích dấu chân và lối đi của tê giác trên chiều dài hơn 200km ở Cát Lộc và đã thu thập được nhiều dấu vết hoạt động của tê giác như vùng tê giác dẫm mình, phân, vết cọ vào thân cây, vết ăn cây lá và vết húc sừng... Ngoài ra, còn căn cứ vào các bản đúc thạch cao dấu chân, sự khác biệt về kích thước, hình thái móng trước, đoàn đã kết luận có khoảng bảy đến tám con tê giác còn sống sót ở khu rừng quốc gia Cát Tiên. Đêm 11-5-1999, chứng cứ khoa học đã được xác định quyết đoán sự có mặt của loài tê giác ở Việt Nam nhờ một bức ảnh đầu tiên chụp được do bẫy ảnh tự động. Các máy chụp được bấm tự động khi một vật thể cắt ngang qua đường chiếu laser được nối với máy chụp. Đến ngày 15-7-1999, một cuộc họp công bố bảy ảnh tê giác đã được chụp từ kỹ thuật bẫy

ảnh tự động. Nơi ghi ảnh tê giác là một vùng thung lũng, có vũng nước cho tê giác tắm mình, có song mây, tre nứa là món ăn khoái khẩu mà tê giác hay nhấm nháp.

Tê giác Việt Nam có tên khoa học riêng *Rhinoceros Sondaicus Annamiticus*. Tê giác một sừng nhỏ của Việt Nam được Tổ chức Bảo vệ đời sống hoang dã thế giới đánh giá là loài động vật hữu nhũ có kích thước lớn quý hiếm nhất.

► *Km 81*: đèo Chuối. Đây là ngọn đèo đầu tiên trên đường đi từ thành phố Hồ Chí Minh lên Đà Lạt. Đèo Chuối dài 4km, nằm giữa thung lũng của hai dãy núi cao. Nơi cao nhất của đèo Chuối là 350m so với mặt nước biển. Trước đây, tại khu vực đèo này có rất nhiều chuối hoang, nên người ta đặt tên là đèo Chuối.

► *Km 86*: khu du lịch Madagui - suối Tiên.

Khu du lịch rừng Madagui

Khu du lịch rừng Madagui còn được gọi là khu du lịch Suối Tiên, là một phần của mảng rừng Bắc Cát Tiên thuộc thị trấn Madagouil, huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Đây là khu du lịch sinh thái rất hấp dẫn bởi địa hình phong phú, thích hợp cho du khách yêu thích không khí trong lành, khám phá thiên nhiên. Ngoài cánh rừng nguyên sinh bao la với nhiều hang động, khe suối tự nhiên còn có dòng suối Tiên chảy qua, tạo cho khu du lịch không những lãng mạn, hữu tình mà còn có đầy đủ yếu tố phong thủy.

Địa danh Madagui xuất phát từ ngôn ngữ của người Mạ. Âm "Ma" có nghĩa là người dân tộc Mạ; âm "Đa" được phát âm

lệch thành “Đa”, có nghĩa là sông, suối; âm “Gui” có nghĩa là chỗ dừng, chỗ đứng. Như vậy, “Madagui” có nghĩa chung là vùng đất có sông suối mà người Mạ dừng lại để chọn làm nơi sinh sống. Nhưng cũng có người bảo âm “Gui” là tên của dòng sông hay dòng suối và giải thích rằng, “Madagui” là sông Gui của người Mạ. Đây là nơi cư dân người Mạ sống lâu đời nhất tại vùng này.

Khu du lịch Madagui có một mảng rừng với tổng diện tích 600 hecta, đang được khai thác gần 50 hecta để xây dựng những công trình hạng mục kết hợp với thắng cảnh thiên nhiên đa dạng để phục vụ du khách tham quan. Chiếc cầu treo dài 120m được bắc ngang để nối hai bờ của dòng suối Tiên, mở lối đi cho du khách vào tham quan khu rừng nguyên sinh.

Dòng suối Tiên là một phần của sông Đa Huoai bắt nguồn từ Bảo Lộc chảy qua rừng Madagui với chiều dài khoảng 3km. Đây là nơi sinh sống của hai loài cá lẳng và cá leo. Mùa khô, dòng nước suối trong xanh với mực nước trên dưới 1m; nhưng vào mùa mưa, nước dâng cao có thể trên 10m. Dọc bờ suối là những bãi sỏi thiên nhiên làm bãi tắm rất lý tưởng cho du khách.

Truyền thuyết về suối Tiên của người Mạ: *“Thuở xa xưa, trong một đợt hạn hán kéo dài làm khắp buôn làng người Mạ lo lắng vì thiếu nước. Trẻ con khóc thét suốt ngày vì khát nước. Có một người phụ nữ vừa sinh con nhưng không có sữa cho con bú, nên người chồng phải vào rừng tìm trái cây chua cho vợ con ăn. Chàng đã vượt qua ba ngọn núi và bảy cánh rừng. Một buổi sáng, khi mặt trời vừa lên cao, chàng phát hiện một tổ ong liền giương cung bắn. Mũi tên vừa chạm vào tổ ong, một dòng*

nước bắn thẳng vào người chàng. Chàng trai hoảng sợ bỏ chạy, tức thì dòng nước đuổi theo. Chàng chạy càng nhanh, dòng nước đuổi theo càng sát chân chàng. Đến khi kiệt sức, chàng gục xuống bên cánh rừng và thiếp đi, dòng nước cũng dừng lại và lan rộng. Dòng nước lan rộng mãi và tạo thành một vũng nước sâu. Nhờ dòng nước này mà buôn làng người Mạ được cứu sống sau đợt hạn hán đó và tồn tại cho đến ngày nay.

Cách suối Tiên khoảng 2.000m là suối Voi nằm sâu trong khu rừng hoang sơ, có chiều dài khoảng 1km. Bà con người dân tộc phát hiện dòng suối này là nơi đàn voi rừng thường xuyên đến uống nước và đùa giỡn với nhau, nên gọi là suối Voi. Dòng suối chảy qua nhiều ghềnh đá. Vào mùa mưa, nước chảy cuồn cuộn tạo nên dòng nước trắng xóa như một dải lụa trải dài giữa rừng xanh; đến mùa khô, nước chảy róc rách bên những khe đá được tạo thành bởi những tảng đá hoa cương to nằm kề sát nhau, có thể là nơi dừng chân cho khách tham quan. Nơi đây từng là bãi đào khai thác vàng của dân địa phương trước đây. Ngoài ra, trong khu rừng du lịch này còn có nhiều dòng suối ngấm chảy len lỏi trong các hang đá.

Hang động của khu du lịch rừng Madagui gồm hai hệ thống được tạo thành bởi những khối đá granite khổng lồ: hệ thống hang động nằm sâu dưới lòng đất, cách mặt đất từ 10-20m; và hệ thống hang động nằm trên cao, cách mặt đất khoảng 10m. Điểm chung đặc biệt của hang động rừng Madagui là không khí bên trong mát lạnh; vào cửa này và ra cửa khác, vì lối quay lại rất khó đi. Các hang động nơi đây hiện nay đã được khai thác để giới thiệu cùng khách tham quan như: hang Tử thần, hang Thầy, hang Dơi, hang Cô, hang Thần

núi... và còn nhiều hang động khác nằm sâu trong rừng được bao phủ bởi rễ của những loài cây cổ thụ.

Hang Tử thần là một hang đẹp tự nhiên nằm sâu trong rừng, được bao phủ bởi nhiều rễ cây. Trong hang có những khu vực sâu thẳm tạo cho du khách cảm giác hồi hộp khi thám hiểm.

Hang Thầy được tạo thành bởi một tảng đá to, có vòm nghiêng như một mái nhà kết hợp với những phiến đá lớn, phẳng lì khác tạo nên một hang động kín đáo. Trong hang có dòng suối ngầm chảy len lỏi dưới các phiến đá. Chuyện kể rằng: “Trước đây, có một người đàn ông cao tuổi đến sống và tu tại hang động này. Không ai biết rõ ông đến từ đâu. Lúc ông ra đi và đi về đâu cũng không một người nào biết. Ông chỉ để lại dấu tích của những ngày trú ngụ nơi đây là một chiếc bàn được ghép và kê bằng những phiến đá phẳng và bộ chuông mõ”. Từ đó, dân địa phương gọi nơi đây là hang Thầy.

Thạch Lâm là một quần thể đá giữa rừng, gồm hàng chục khối đá hoa cương khổng lồ trong một khuôn viên rộng khoảng hai hecta. Những khối đá này xếp chồng lên nhau tạo nên những hình thù kỳ lạ, kích thích trí tưởng tượng cho du khách đến tham quan.

Động Dơi là nơi tập trung các loài dơi núi về đây trú ngụ, là hang động chính trong khu vực Thạch Lâm nằm giữa rừng bằng lăng. Hang động này có chiều dài khoảng 50m, có ba lối vào. Lối đi trong hang khúc khuỷu, khó đi. Du khách vào hang tham quan có cảm giác như đang đi vào lòng đất, nhưng thực ra là đi lên đỉnh hang trên mặt đất.

Hang Cô còn có tên là hang Voi, có chiều dài khoảng 20m. Lối đi lên hang khá hẹp và vất vả vì độ dốc cao. Hang động này là nơi đàn voi rừng thường ghé vào để nghỉ ngơi trước đây. Chúng khéo léo đi vào hang qua những bậc đá có sẵn. Trong hang có nhiều tảng đá nhẵn do voi cọ lưng vào.

Hang Thần núi là một trong những hang động hấp dẫn nhất trong hệ thống hang động của khu du lịch rừng Madagui. Qua miệng hang trên mặt đất, du khách sẽ được đi sâu vào lòng đất để tham quan. Hang có chiều dài khoảng 200m, sâu khoảng 5m, chiều rộng khoảng 3m. Trong hang có dòng suối ngầm đang ngày đêm tuôn chảy. Bên trong hang khá tối. Địa hình lồi lõm. Lối đi ngoằn ngoèo như một địa đạo tự nhiên hoàn toàn bằng đá. Có những đoạn hẹp rất khó đi nên phải lách người chen qua tạo cảm giác rừng rợn. Hang Thần núi có ba tầng, mỗi tầng cách nhau khoảng 30-40m. Tầng thứ nhất có khoảng sân rộng chừng 100 m², làm nơi nghỉ chân cho du khách để tiếp tục vào khám phá tầng hai và tầng ba.

Hệ thống thực vật của khu du lịch rừng Madagui rất phong phú với hàng trăm loại cây lạ và gỗ quý như: lô ô, tre, me keo, cây si, tung, gỗ, bằng lăng... và các loại hoa quý được nuôi trồng trong các công viên quanh khu rừng của khu du lịch. Những cây cổ thụ có hàng trăm năm tuổi khoảng chục người ôm với bộ rễ dài nổi cuộn trên mặt đất và một số cây mọc trên đá. Đặc biệt là loài cây konia đặc trưng của núi rừng Tây Nguyên, được xem là loài cây thiêng của bà con người dân tộc. Ngoài ra, khu du lịch này còn xây



Du khách đang tắm suối ở khu
du lịch rừng Madagui.

Cầu treo bắc ngang suối Tiên của
khu du lịch rừng Madagui.



Một lối vào hang
động của khu du lịch
rừng Madagui.



Suối Voi của khu du
lịch rừng Madagui.



dựng khu rừng mưa nhiệt đới nhằm góp phần vào việc bảo tồn rừng nhiệt đới cũng như tạo môi trường tham quan, học tập, nghiên cứu thiên nhiên cho học sinh, sinh viên; đồng thời giữ vai trò điều hòa khí hậu, chống xói mòn, giữ nước nuôi cây trồng tái tạo rừng.

Bên cạnh đó, khu du lịch còn có bộ sưu tập tre trong khoảng diện tích 10 hecta với hơn 40 loài tre khác nhau. Bộ sưu tập vườn cây ăn trái rộng 12 hecta với những giống cây trái phổ biến của mọi miền đất nước, cho trái quanh năm để phục vụ du khách như ổi, mận, chôm chôm, nhãn, sầu riêng, táo, sari, măng cầu, cam, bưởi, quýt...

Động vật của khu rừng này cũng đa dạng như voi, cheo, nhím, heo rừng, sóc, dúi (thú gặm nhấm sống trong hang đất, tự đào củ và rễ cây để ăn) và các loài ong, bướm, côn trùng khác.

Ngoài thắng cảnh thiên nhiên, khu du lịch sinh thái này còn có nhiều dịch vụ vui chơi, giải trí như câu cá, cưỡi ngựa, khu mê cung, khu karaoke, khu văn nghệ công chiêng Tây Nguyên, nhà Tarzan, hồ bơi, tắm suối, ảo thuật, sân tennis, bắn súng, các trò chơi dân gian, xiếc thú: bồ câu, khỉ, chó... và các khu dịch vụ ẩm thực, khu nhà nghỉ dành cho khách lưu trú qua đêm được xây dựng giữa cảnh quan yên tĩnh, không khí trong lành, đầy đủ tiện nghi.

Khu vực dành riêng cho du khách cắm trại có diện tích khoảng 10 hecta gồm đồi Gió, đồi Mai Vàng, đồi Bò Cạp, đồi Bằng Lăng, đồi Anh Đào... với thảm cỏ xanh rợp bóng mát

trải dọc theo bờ suối Tiên. Hệ thống lều trại hiện đại và các dịch vụ cắm trại khác...

Hiện nay, khu du lịch nguyên sinh rừng Madagui là điểm tham quan, nghỉ ngơi lý tưởng thu hút rất nhiều du khách trong và ngoài nước đến vui chơi, nghỉ dưỡng. Đây cũng là điểm tham quan lý thú cho các đoàn du khách dã ngoại, picnic, cắm trại với các dịch vụ văn nghệ, sinh hoạt múa hát cùng bà con đồng bào dân tộc Tây Nguyên bên đồng lửa trại và các món ăn dân dã như bắp nướng, khoai nướng và có cả tiệc barbecue với rượu cần. Đặc biệt, đây là môi trường giáo dục bổ ích cho các đoàn học sinh, sinh viên đến đây tham quan thực tế về môi trường sinh thái, luyện tập kỹ năng sống hòa mình với thiên nhiên để cùng nhau bảo vệ môi trường xanh của hành tinh đang ngày càng bị ô nhiễm.

» Km 98: đèo Bảo Lộc. Đây là một trong những đèo đẹp, có nhiều khúc quanh nhất trên quốc lộ 20 đến Đà Lạt. Đường đèo Bảo Lộc do Pháp xây dựng từ những năm thập kỷ 30 của thế kỷ XX. Công trình này có sự góp sức của khoảng 70 kỹ sư và 1.500 công nhân làm việc liên tục suốt với gian chín năm mới hoàn thiện. Đường đèo Bảo Lộc rất hẹp nên phải cẩn trọng khi đi lên xuống. Vì thế, du khách muốn vượt đèo phải mất thời gian hai ngày.

» Km 102: đèo An Bình. Đây là điểm dừng chân của du khách trên tuyến đường quốc lộ 20.

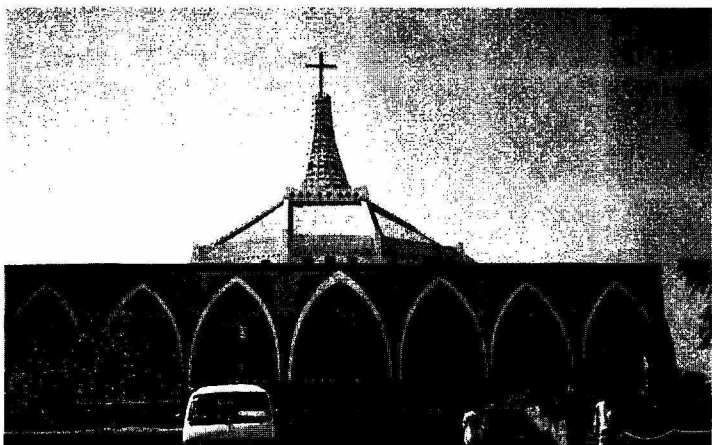
» Km 104: suối nước nóng Tràm Cỏ do ông Đặng Hà thành lập. Suối nước nóng Tràm Cỏ đã từng được đèo tại đây, là điểm dừng chân của du khách và nghỉ ngơi trên quốc lộ 20.

» Km 118: có nhiều cửa hiệu doanh trà nổi tiếng của Bảo Lộc.

» Km 120: trung tâm thị xã Bảo Lộc, đây là trung tâm trà của miền Nam và miền Trung. Vùng đất Bảo Lộc là nơi người Ma đã sinh sống qua nhiều thế kỷ và họ cũng đã từng giao lưu mua bán với người Việt và Xiêm. Người Ma có tục cắt răng và cạo tai. Đồ gốm của người Việt thời Lý, Trần và Lê đã được tìm thấy ở vùng đất này.

Phía tay phải có nhà thờ Bảo Lộc, một công trình kiến trúc Công giáo lạ và đẹp mắt được thiết kế kết hợp hình ảnh trời tròn đất vuông với nhiều đường nét cách điệu hiện đại. Ngôi thánh đường này được xây dựng vào những năm cuối cùng của thiên niên kỷ thứ hai. Giáo xứ Bảo Lộc được thành lập từ năm 1936, do Linh mục Gioan Baotixita Cassigne.

Ngay bưu điện Bảo Lộc có ngã ba, rẽ trái vào thác Đamb'ri khoảng 20km.

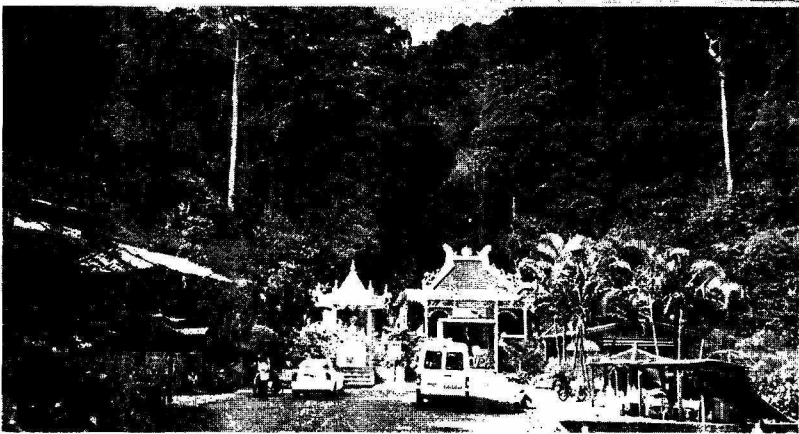


Nhà thờ Bảo Lộc.

Học sinh Bảo
Lộc đang
đến trường.



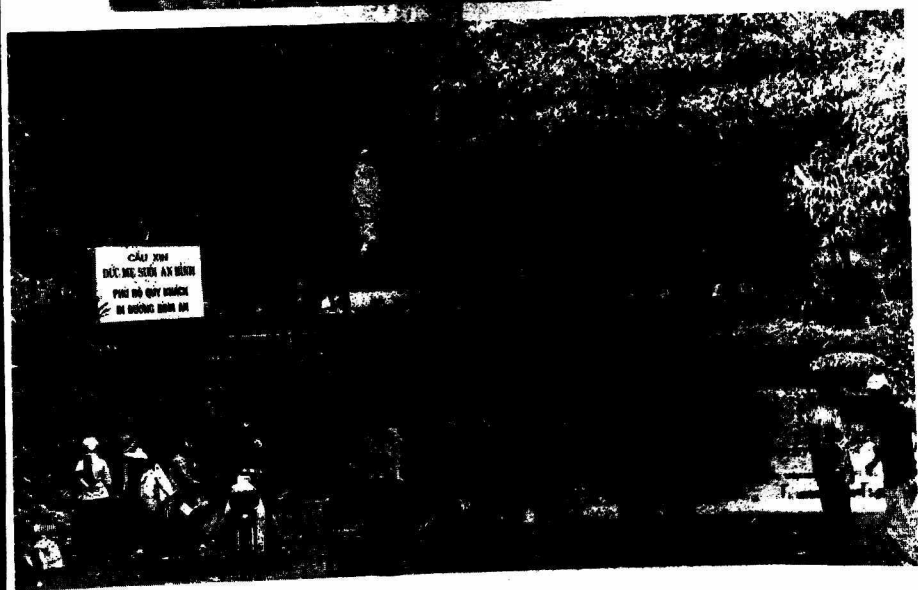
Điểm dừng chân của
du khách và bà con
Phật tử tại miếu Ba Cô.





Trước tượng đài Đức Mẹ suối
An Bình lúc nào cũng nghi
ngút khói hương của hành
khách dừng chân.

Khu vực dừng chân của
du khách ở tượng đài
Đức Mẹ suối An Bình.



Thác Đamb'ri

Khu du lịch sinh thái thác Đamb'ri thuộc Bảo Lộc - Lâm Đồng. Hai bên đường, từ quốc lộ 20 ngay thị xã Bảo Lộc vào thác là những vườn trà xanh um bạt ngàn.

Thác Đamb'ri cao khoảng hơn 60m, được xem là một trong những ngọn thác cao, đẹp và hùng vĩ nhất Lâm Đồng. Đây là một khu rừng nguyên sinh có diện tích rộng hàng trăm hecta. Vào mùa mưa, dòng thác càng trở nên mạnh mẽ, đứng xa hàng chục mét mà du khách cứ ngỡ mình đang đi giữa vùng mưa bay. Tiếng thác đổ ầm ào, tạo nên những âm thanh hùng tráng vang vọng khắp cả một vùng rộng lớn. Trong khu rừng này còn có nhiều cây cổ thụ và loài chim lạ đang tập trung sinh sống.

Đặc biệt từ tháng Tư đến tháng Mười Một, du khách đến tham quan thác Đamb'ri, đứng gần chân thác với khối nước giăng kín như đang lạc vào chốn bồng lai tiên cảnh. Có thể đi theo những bậc tam cấp được xây dựng men theo sườn dốc hoặc đi bằng phương tiện thang máy xuống chân thác để thưởng thức những đàn cá tung tăng bơi lội trong làn nước trong xanh, hay sờ tay vào dòng nước để nghe hơi lạnh như nước đá của dòng nước miền Cao Nguyên đang tuôn đổ.

Ngoài ra, du khách có thể đi về phía thượng lưu của dòng thác để khám phá những sản phẩm mang nét đặc trưng của núi rừng: bông bênh trên chiếc cầu dây được làm bằng thứ vật liệu của rừng sâu, đó là những sợi song, mây... bện chặt; hoặc tìm đến buôn làng của người dân tộc để tìm hiểu về đời sống sinh hoạt cũng như những nét văn hóa đặc trưng của họ. Bên cạnh đó, khu du lịch sinh thái thác Đamb'ri còn nuôi nhiều loài thú quý hiếm để phục vụ nhu cầu giải trí cho du khách đến tham quan như voi, khỉ, hươu, nai, gấu...

Khu du lịch sinh thái thác Đamb'ri rất thích hợp cho nhiều loại hình du lịch tham quan, picnic, dã ngoại, cắm trại... với đủ các dịch vụ tiện nghi như khách sạn, nhà hàng, bãi đậu xe, nhiều dịch vụ vui chơi giải trí như cưỡi voi, xe ngựa và quây lưu niệm.

Thác Đamb'ri.



Tu viện Bát Nhã

Tu viện Bát Nhã tọa lạc trên một ngọn đồi cao có diện tích 18 hecta thuộc thôn 10, xã Đamb'ri, thị xã Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Công trình kiến trúc tôn giáo này cách khu du lịch sinh thái thác Đamb'ri khoảng 2km, gồm hai khu: khu Tăng được gọi là Rừng Phương Bối và khu Ni được gọi là Bếp Lửa Hồng.

Tu viện này đã được khởi công xây dựng từ năm 1998, do Thượng tọa Thích Đức Nghi khai sơn. Công trình có nét kiến trúc độc đáo mang màu sắc của Á đông với mái ngói hai tầng cong vút cổ kính được kết hợp với không gian thiên nhiên làm cho công trình càng nổi bật giữa những rừng chè bạt ngàn, tạo nên cảnh quan đẹp, thơ mộng trong khuôn viên rộng 35 hecta. Trong khuôn viên tu viện, ngoài rừng thông là loài cây phổ biến của vùng đất Tây Nguyên, còn có các loài cây hoa kiểng quý giá như cau, thiên tuế, tùng...

Đây là nơi dành cho các vị Tăng Ni tu tập theo môn phái Tịnh Độ của Thiền Sư Nhất Hạnh. Tất cả những sinh hoạt hàng ngày như đi đứng, nằm ngồi, ăn mặc v.v... đều được tập trung cao độ gọi là “chánh niệm”. Ăn cơm trong chánh niệm:

theo triết lý nhà Phật, ngoài ý nghĩa đơn giản của ăn cơm là nhai thật kỹ thức ăn nhằm giúp chuyển hóa tốt để nuôi sống cơ thể, còn hàm chứa bao điều sâu xa khác như quán niệm trong khi ăn, quán niệm về những thứ ta đang ăn là những sản phẩm do đất trời và con người tạo tác; hiện hữu trong bát cơm thơm ngon, trắng tinh ấy có hình ảnh lam lũ, vất vả của người nông dân trên cánh đồng; hành trình của hạt gạo phải chịu “một nắng hai sương” và bao công đoạn xay, giã, dần, sàng; và hình ảnh của biết bao con người còn đói khổ, không có cơm ăn áo mặc... Quán niệm để hiểu được những điều như thế trong mỗi hành động của con người sẽ giúp ta biết sống san sẻ, yêu thương nhau, trân trọng những tạo vật của đất trời và giá trị cuộc sống của con người.

Phía bên phải chánh điện, đường dẫn lên đồi trước rừng thông là pho tượng Quan Thế Âm Bồ tát cao 350cm ngự giữa hòn giả sơn, tay cầm bình tịnh thủy nhỏ từng giọt nước trong vắt nhiệm mầu cho những ai cần xoa dịu cơn bệnh và nỗi khổ đau. Đây là một khu vườn được thiết kế, xây dựng rất đẹp, tạo cảnh quan cho ngôi tu viện càng tăng thêm nét thâm nghiêm nhưng không kém phần thơ mộng. Hòn giả sơn cao gần 10m, là nơi du khách và Phật tử thường lên ngồi dưới chân Quan Thế Âm niệm Phật hoặc chiêm ngưỡng cảnh đẹp thanh tịnh quanh đồi. Dưới chân hòn giả sơn là hồ nước rộng và những chiếc cầu được bắc quanh tạo cảnh quan và là nơi dành cho du khách nghỉ ngơi ngắm cảnh.

Đây là một điểm tham quan mới, một nét du lịch tâm linh trong những chuyến hành hương của văn hóa Việt, một điểm dừng chân lý tưởng dành cho du khách được kết hợp với điểm

Cổng lên tu
viện Bát Nhã.



Chánh điện tu viện Bát Nhã.



tham quan thác Đamb'ri tạo nên tuyến du lịch thú vị của địa danh Bảo Lộc. Khi du khách đặt chân lên miền Cao Nguyên đây vẻ quyến rũ này, lại được nhìn ngắm ngôi tu viện từ xa sẽ khiến tâm hồn cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thản để quên đi những gánh nặng đời thường.

Cây trà Việt Nam

Cây trà có tên khoa học là *Camelia Sinencis*, thuộc họ Theaceae. Ở Việt Nam, tùy từng địa phương gọi tên loại nông sản này là “trà” hoặc “chè”. Trà có hoa trắng, lá xanh tốt quanh năm. Thân cây trà mọc hoang có chiều cao từ 5-10m; nhưng trong đồn điền, người ta cắt xén cho thân cây trà cao khoảng từ 50-120cm, để người nông dân dễ dàng hái lá và nụ khi thu hoạch. Người ta thường cắt ngang thân những cây già để chồi mới được phát triển; phương pháp này giúp cây trà đạt đến tuổi thọ 100 năm là bình thường.

Theo các tài liệu nghiên cứu cho biết, người ta đã tìm thấy dấu tích của lá và cây trà hóa thạch ở đất tổ Hùng Vương thuộc tỉnh Phú Thọ. Người ta còn đặt vấn đề, cây trà đã có từ thời đồ đá thuộc Văn hóa Hòa Bình. Hiện nay, ở vùng Suối Giàng thuộc tỉnh Yên Bái, nơi có độ cao khoảng 1.000m so với mặt nước biển có một rừng trà hoang với khoảng 40.000 cây trà dại; trong đó có một cây trà cổ thụ mà ba người ôm không giáp. Như vậy, có thể nói, Việt Nam chính là một trong những chiếc nôi cổ nhất của cây trà trên thế giới và kết luận của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước cũng đã khẳng định điều này.

Hạt trà được ươm sau sáu tháng có rễ chuột (rễ chính), thân dài khoảng 30cm sẽ được nhổ lên cắt lông tơ và một phần nhỏ của đuôi chuột. Sau đó, dùng nọc xoi vào đất và đặt cây trà vào, chèn đất thật chặt. Sau ba năm, trà có thể được thu hoạch. Hiện nay, người ta có thể chiết cành giâm vào bầu đất, chờ đến khi phát triển thành cây thì mang đi trồng và có thể thu hoạch được sản phẩm sau hai năm; với kỹ thuật này có ưu thế là xác định được giống trà một cách rõ ràng. Thời gian khai thác cây trà dài hay ngắn tùy vào phương pháp chăm sóc và tuổi bón của nhà nông, có thể kéo dài đến 100 năm.

Vào mùa nắng, cần phải giữ độ ẩm cho cây trà bằng cách tưới nước thường xuyên. Người ta thường dùng phương pháp tưới phun. Tùy kỹ thuật của mỗi nhà nông và vùng đất mà bón phân thích hợp cho cây trà. Thường xuyên cắt tỉa, để thân cây trà vừa tầm tay người thu hoạch. Để bảo quản tốt vườn trà, các cây trà bị sâu cần phải được nhổ bỏ ngay, vì cây trà kỵ thuốc trừ sâu rầy. Mỗi tháng, thu hoạch trà từ 3-4 lần. Việc hái trà cũng rất quan trọng và được qui định rõ ràng: trà xanh được ngắt hai lá, trà Ô Long được ngắt ba lá to và búp...

Trà xanh là loại trà không ủ cho lên men, phân biệt với trà đen, có hương tự nhiên, không ướp hóa chất hoặc bất kỳ hương liệu nào. Trà được rang trong chảo bằng gang. Lá trà được cuộn bằng tay hoặc bằng máy rồi đem rang một lần nữa. Trà xanh được ướp hương hoa như sen, lài, cúc, sồi, ngâu... được gọi là trà xanh hương lài, trà xanh hương sen... Đặc biệt, trà hương sen là loại trà quý chỉ dùng để tiếp đãi khách tri âm hoặc làm quà biếu.

Trà đen là loại trà được ủ cho lên men. Chế biến trà đen phức tạp hơn trà xanh. Sau khi thu hoạch từ vườn về, trà phải được xử lý ngay trong ngày, không để qua đêm bằng cách xào, luộc, hấp hoặc đem phơi nắng trong khoảng 24 giờ. Sau đó, trà được cuộn bằng tay hoặc đưa vào máy se lại. Tiếp tục ủ men ấm trong 3-5 giờ rồi đem sấy khô. Đó là những khâu sơ chế. Sau khi tinh chế, trà được đem phân thành nhiều loại.

Có rất nhiều loại trà như trà lá, trà búp, trà xanh, trà đen, trà hạt, trà bột, trà cám, trà mộc hay trà ướp hoa... nếu không phải là người sành điệu cũng không dễ dàng phân biệt. Ngày nay, người ta thường hay uống trà xanh là lá trà tươi được rửa sạch rồi đem hãm trong nước sôi. Nước có màu vàng xanh, mùi thơm dịu. Loại trà này, khi uống có kèm thêm phong kẹo đậu phộng là ngon tuyệt.

Loại trà xanh được sơ chế bằng phương pháp thủ công rất được người Việt Nam ưa dùng và thường được gọi là trà móc câu. Trà móc câu là trà búp non, cánh săn và nhỏ, có dáng cong như hình chiếc móc câu. Nhưng cũng có người gọi là trà “móc cau” với lý luận là trà tròn cánh, có móc trắng như móc cây cau.

Trà, dù được chế biến hay uống bằng cách nào vẫn thể hiện một thú đạo, đó là “Đạo trà” và nghệ thuật thưởng trà là một trong những nghệ thuật ẩm thủy hàng đầu của người Đông Nam Á. Tục uống trà ở Việt Nam đã có từ lâu và rất phong phú, từ cách uống cầu kỳ, cổ xưa cho đến cách uống bình dân hay hiện đại.

Một bộ đồ uống trà có bốn chén quân và một chén tổng để chuyển trà. Trong đạo trà Việt Nam rất trân trọng cách dâng mời trà. Dâng trà là một cách thể hiện văn hóa biểu hiện sự lễ độ hay lòng mến khách. Dâng trà đúng cách là ngón tay giữa phải đỡ lấy đáy chén, ngón trỏ và ngón cái đỡ lấy miệng chén, gọi là “Tam long giá ngọc”. Người dâng trà và người nhận trà đều phải cung kính cúi đầu. Cầm chén trà uống phải quay lòng bàn tay vào trong, đưa chén trà lên mũi để thưởng thức hương vị của trà trước rồi dùng tay che miệng hóp một ngậm nhỏ để thưởng thức vị của trà. Người uống trà thường mím miệng nuốt nhẹ để hương trà thoát ra đường mũi và đọng nơi cổ họng và để từ từ cảm nhận hương và vị của trà.

Ngày xưa, muốn uống trà ngũ vị phải dùng chiếc khay có năm ô trống đựng năm loại hoa, úp năm chiếc cốc sạch lên năm ô trống của khay và đặt lên bếp lửa. Một lúc sau nhấc cốc ra, cốc sẽ đượm mùi hương thơm của mỗi loại hoa trên khay. Khi rót trà vào cốc, mỗi cốc trà sẽ có mùi hương đặc trưng của từng loài hoa. Khách từng tự thưởng thức được cả năm loại trà với năm mùi hương hoa khác nhau.

Dù trời mưa hay nắng, lòng vui hay buồn cũng không thể từ chối một ly trà nóng khi chủ nhà trân trọng mời bằng hai tay. Uống trà cũng là cách ứng xử của văn hóa, uống từng ngậm nhỏ để thưởng thức hết hương vị ngọt ngào của trà và cảm nhận hơi ấm của chén trà, uống để đáp lại lòng mến khách, uống để mở đầu cho những tâm sự, bày tỏ nỗi niềm; hay uống để bàn chuyện gia đình, chuyện xã hội, chuyện nhân tình thế thái... và uống để cảm nhận hương vị của đất trời

trong chén trà. Mời trà và cùng nhau dùng trà là một biểu hiện nét thanh cao, tình tri âm tri kỷ, thể hiện lòng mong muốn hòa hợp để xóa đi những đổ kỵ, hận thù trong văn hóa ứng xử. Qua cách uống trà của mỗi người cũng nói lên mức độ tình cảm và trình độ học vấn của người đối thoại, đồng thời có thể xét đoán tâm lý của người đối diện lúc dùng trà.

Phương ngôn có lưu truyền những câu về việc uống trà: “Trà dư, tửu hậu”, “Rượu ngâm nga, trà liền tay”... Uống trà là một triết học về sự tế nhị, thanh tao, suy ngẫm, tĩnh tâm để mưu cầu điều thiện và tránh điều ác. Do đó, cần có sự tiết độ trong việc uống trà: không uống nhiều, không uống đặc và không uống liên tục suốt ngày... để thể hiện tính giao hòa với thiên nhiên, hợp lý về thời gian, không gian, môi trường và con người. Ca dao có câu:

“Làm trai biết đánh tổ tôm()
Uống chè Liên tử, ngâm nôm Thúy Kiều”.*

Trà ngon cũng như bạn hiền, may mắn mới có được chứ không phải cầu là có. Thật vậy, do thời tiết, mua nắng mạnh yếu và trình độ người sản xuất chế biến... là những yếu tố quyết định đến chất lượng trà thành phẩm. Vào mùa hè nóng bức, người nông dân đi đồng về có được bát trà xanh pha chút đường để uống là quý nhất. Tuy nhiên, uống trà không đúng cách sẽ làm mất vị ngon của trà và ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe.

Để bảo quản, trà phải được cất giữ nơi khô ráo và thoáng mát, hạn chế tối thiểu ánh sáng để không làm suy yếu

(*) Có nơi viết “uống trà Mạn Hảo...”, “uống trà Long Tĩnh...”

hương vị của trà. Muốn uống được tách trà ngon, cần phải đun đúng nước đúng lửa. Nước tinh khiết, không có bất kỳ mùi lạ nào, không có nhiều muối khoáng; thường, người ta dùng nước mưa. Nước cần phải đun thật sôi trước khi đem pha trà và đổ bớt chút nước qua vòi ấm đun nước để tránh mùi khói vương lại đầu vòi ấm lúc đun. Bình pha trà được tráng qua một lần bằng nước sôi. Cho trà vào bình và rót nước sôi vào vừa ngập trà rồi đổ bỏ, gọi là rửa trà. Sau đó, cho nước sôi vào bình để hãm trà cho đến lúc vừa khẩu vị rồi đem mời khách.

Một chuyên gia nước ngoài có nhận xét về nền kinh tế nông nghiệp của nước ta rằng: Ở Việt Nam, ngoài lúa gạo và cà phê, chẳng có sản phẩm nào có lợi thế hơn trà khô. Thật vậy, trà Việt Nam đã thâm nhập vào thị trường của khoảng hơn 45 quốc gia, đưa nước ta trở thành một trong 10 nước xuất khẩu trà hàng đầu thế giới. Diện tích trồng trà cả nước có khoảng 90.000 hecta, với sản lượng gần 330.000 tấn mỗi năm. Ở Bảo Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng, cây trà đã được trồng từ những năm 1930 và đến nay đã có nhiều công ty chế biến trà có danh tiếng ở vùng đất này.

Nông nghiệp chủ yếu của Bảo Lộc là cây trà. Những người nông dân nơi đây là những người dân di cư từ miền Trung và miền Bắc vào ở những năm trước và giữa thế kỷ 20. Họ lập nên những vườn trà từ bao đời nay với những loại giống trà gốc Bắc. Ngày nay, trà Bảo Lộc rất đa dạng với nhiều loại giống mới.

Hiện nay, tại trung tâm thị xã Bảo Lộc có rất nhiều cửa hiệu trà danh tiếng. Trong đó, danh trà Trâm Anh ở số 807 đường Trần Phú, cũng là quốc lộ 20, thị xã Bảo Lộc là một trong những hiệu trà nổi tiếng, có kinh nghiệm trồng và chế biến trà qua ba thế hệ. Trà Trâm Anh đã tạo được uy tín đối với du khách trong và ngoài nước. Sản phẩm trà của thương hiệu này là một trong những doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu hàng đầu của Bảo Lộc với nhiều hương vị trà phong phú. Đây là một điểm dừng chân lý tưởng của tuyến du lịch Đà Lạt, du khách đến đây sẽ được thưởng thức trà và cà phê miễn phí, nhưng giá sản phẩm phục vụ không thay đổi.

Vườn trà ở Bảo Lộc.



Công dụng của trà

Uống trà là thú vui tao nhã từ xưa đến nay. Trà không những là loại nước giải khát rất tốt, mà còn có thể chữa một số căn bệnh và là một loại mỹ phẩm tự nhiên giúp bảo vệ làn da, mái tóc cho con người...

Trà đặc có tác dụng giải độc hơi than, uống nhằm kim loại, chất kiềm độc hại, thủy ngân, rượu... nhờ chất acid tanic trong trà làm lắng đọng và thải trừ kim loại, làm trì hoãn sự hấp thu chất độc của cơ thể. Khi tiết trời hanh hao, da của nhiều người hay bị nứt nẻ đến ruộm máu, bị sưng đau do chấn thương bằng cách dùng búp chè tươi giã nát rồi đắp vào chỗ vết thương, băng lại; vết nứt sẽ lành nhanh chóng. Trà giúp chữa các vết thương lở loét ở trẻ em và chống ngứa bằng cách lấy nước đặc còn ấm của nước trà tươi rửa vết thương.

Trà xanh được biết đến như một loại “mỹ phẩm” tuyệt vời dùng để làm đẹp có hiệu quả và rẻ tiền như dưỡng da, làm đẹp tóc, chống thâm quầng mắt, giảm nhăn da, chống nắng, gội đầu chống bị ngứa... Trà ủ trong nước khoáng có pha chút đường, mật ong hoặc bột gạo và lòng đỏ trứng gà dùng để thoa

mặt sẽ giúp cho làn da sáng mịn. Vào mùa hè, dùng nước trà thoa đều lên phần da hở trên cơ thể trước khi ra nắng để tránh da bị gây xạm do ánh nắng mặt trời. Nước trà đặc để nguội thoa vào chỗ thâm quầng sẽ làm dịu bớt màu thâm đen sau một đêm mất ngủ, hoặc có thể dùng trà túi đắp trực tiếp. Nước trà pha với rượu và dầu thực vật thoa lên da đầu giúp chân tóc khỏe, mượt tóc, sạch gàu.

Trà có tác dụng chữa tiêu chảy, kiết lỵ, kích thích thần kinh được tỉnh táo, giãn nở khí quản giúp hô hấp dễ dàng, chống ung thư, viêm gan, viêm thận, hạ cholesterol trong máu, chống béo phì, chống lão hóa, cung cấp một số Vitamin và khoáng chất có lợi cho sức khỏe... Trà không những là thứ nước giải khát tốt, mà còn chống được tác dụng của Strontium 90 là chất gây phóng xạ nguy hiểm nhất trong các vụ nổ bom nguyên tử có thể làm ung thư máu và các dạng ung thư khác.

Uống trà cũng cần được quan tâm đúng cách. Không nên uống trà quá nóng, vì chén trà nóng trên 65°C sẽ làm tổn thương vách trong của dạ dày dẫn đến bị đau hoặc loét. Không uống trà hoặc các loại thuốc có nhiều thành phần trà khi đói bụng, do chất chát trong trà đi vào tạng phế và làm lạnh tỳ dẫn đến triệu chứng cồn cào, nôn nao trong người, chóng mặt hay hoa mắt rất khó chịu. Không uống trà trước hoặc ngay sau khi ăn no: trà có khả năng kích thích dạ dày tiết ra nhiều chất chua và vị chua này sẽ làm mất cảm giác ngon miệng, các chất có trong trà có thể tạo ra phản ứng kết tủa với sắt trong thực phẩm và lượng sắt quý giá này coi như

bị mất. Không uống nước trà để qua đêm, do các loài vi sinh vật hoặc nấm mốc xuất hiện khi nước trà để lâu.

Trong nước trà có các nguyên tố hoạt động như cafein (cafein là chất có trong hạt cà phê và trà... dùng làm thuốc lá), các đa phenol, Vitamin các loại, muối khoáng, protein, aminoacid, glucid và một số chất hữu cơ khác... Tỷ lệ cafein trong trà chiếm khoảng từ 2% đến 4% (trong cà phê có khoảng từ 5% đến 10%). Đa phenol là những hóa chất có chức năng như rượu có tỷ lệ khoảng 25% Vitamin C, chỉ có trong trà xanh. Các đa phenol lại làm cho cafein trong trà ít nguy hiểm hơn trong cà phê. Tuy nhiên, với tỷ lệ nhỏ cafein làm cho trà thành chất kích thích thần kinh có lợi cho các hoạt động cơ bắp và trí tuệ.

Tuy nhiên, đây chỉ là những thông tin về tác dụng phong phú của trà được các nhà khoa học trong và ngoài nước nghiên cứu. Du khách muốn áp dụng cần liên hệ, tư vấn từ các nhà chuyên môn như dược sĩ, bác sĩ hay các chuyên viên thẩm mỹ... để được hướng dẫn cách sử dụng thích hợp.

Khu du lịch thác Bobla

Khu du lịch thác Bobla nằm cạnh quốc lộ 20 thuộc xã Liên Đàm, huyện Di Linh, Lâm Đồng, có diện tích 32 hecta. Thác nước này được xem như một nàng tiên tuyệt trần vừa được đánh thức, bởi vì thác đã được phát hiện khá lâu nhưng mãi đến năm 2000 mới được khai thác, giới thiệu cùng du khách.

Bobla là một dòng thác hùng vĩ có độ cao trên 50m, rộng 12m, nằm giữa hai ngọn đồi hình voi phục. Dòng nước tuôn chảy quanh năm, đổ xuống lòng hồ tạo nên âm thanh vang vọng cả núi rừng, bọt tung trắng xóa càng làm cho thác Bobla trở nên thơ mộng và hoang dã. Trong ngôn ngữ của người K'ho, Bobla do được đọc lệch từ hai âm “Pố Pla”, có nghĩa là “Đầu ngà voi”; “Pố” nghĩa là đầu và “Pla” có nghĩa là ngà voi. Người K'ho ở Di Linh luôn tự hào về lịch sử của cha ông trong những chiến công oanh liệt trước nạn ngoại xâm, đặc biệt là chàng dũng sĩ Liang Dăm đã được gắn liền với ngọn thác này.

Chuyện xưa kể rằng: “Thuở trước, vùng đất của thác Bobla là nơi giao tranh thường xuyên giữa quân Chăm và người K’ho. Thời đó, quê hương của người K’ho ở Di Linh bị giặc chiếm đóng. Người K’ho muốn được bình yên, phải thường xuyên cống nạp những sản vật quý giá cho giặc như ngà voi, sừng tê giác và những loại da thú quý hiếm...

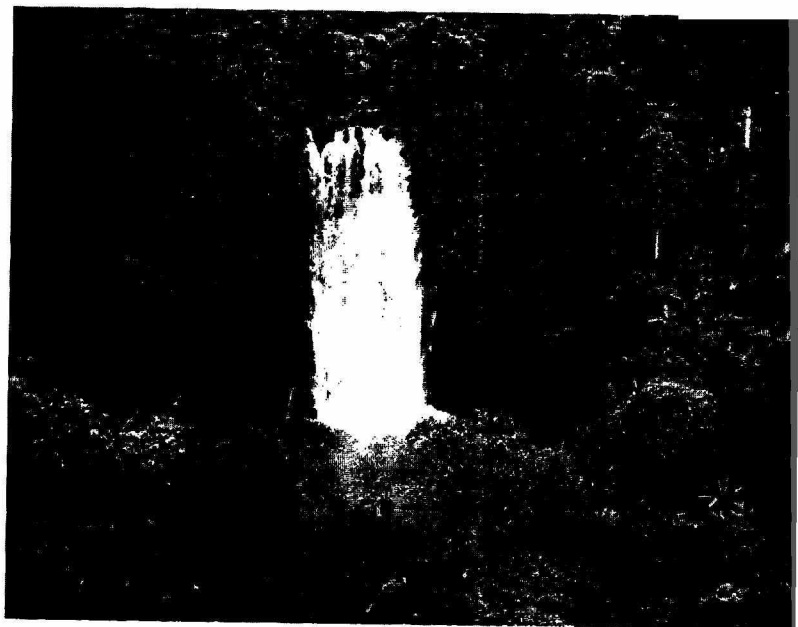
Một ngày kia, tộc trưởng của người K’ho săn được con voi có cặp ngà rất lớn và mang cặp ngà voi này dâng lên thủ lĩnh của quân giặc với lời thỉnh cầu: “Hãy để dân làng K’ho được bình yên”. Họ nhận lễ vật và hứa chấp nhận lời thỉnh cầu của người K’ho, rồi đặt tên cho thác nước nơi này là Phố Pla. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau đó, họ không thực hiện lời hứa mà còn đem quân tiến đánh người K’ho. Nhưng những lần tấn công này, họ đã phải đối đầu với sức mạnh phi thường của chàng dũng sĩ Liang Dăm.

Liang Dăm là một thanh niên mồ côi đến đây làm thuê cho người K’ho trong nhiều năm qua, nhưng không một ai biết được nguồn gốc quê hương của chàng. Khi đội quân hùng hậu của giặc tấn công các buôn làng, người dân K’ho hoảng sợ chạy tán loạn, chỉ một mình Liang Dăm bình tĩnh trụ lại buôn làng theo dõi tình hình quân giặc. Chàng tiến đến bẻ một nhánh của gốc cây trám bên dòng thác rồi hướng về phía quân thù. Một điều lạ xảy ra, cành trám trong tay chàng hướng đến đâu, quân giặc ở đấy bỏ chạy hoảng loạn. Nhân cơ hội này, một người đàn ông K’ho của buôn làng tên Lăng Ler kêu gọi dân làng cầm guom tiến lên giết giặc. Giặc tan, Lăng Ler cùng dân làng đến tạ ơn chàng thanh niên mồ côi này đã giúp cho

họ thoát được giặc ngoại xâm. Nhưng chàng Liang Dăm đi
phía ngọn thác và tan biến vào làng khói nước từ lúc nào.
Ngọn thác ấy ngày nay chính là thác Bobla và cây trâm cổ từ
ngày xưa vẫn còn tươi tốt.

Ngày nay, thác Bobla đã được xây dựng, mở rộng và kh
phục lại những khu rừng già hoang vu để đưa vào phục vụ c
khách. Nàng Sơn nữ “ngủ yên” trong rừng lâu nay đang đư
đánh thức với đầy đủ dịch vụ thu hút khách du lịch.

Thác Bobla.



» Km 156: thị trấn Di Linh. Địa danh Di Linh được Việt hóa từ ngôn ngữ của dân tộc K'ho là Djring. Tại đây có ngã tư, quẹo phải đi Phan Thiết 97km, quẹo trái đi Đăk Lăk 77km.

» Km 172: đèo Phú Hiệp. Đây là ranh giới giữa hai huyện Di Linh và Đức Trọng.

» Km 190: phía tay trái có đường vào thác Pongour 8km. Hàng năm, nơi đây có tổ chức "Lễ hội Pongour" vào ngày 15/01 âm lịch.

Thác Pongour

Thác Pongour thuộc huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Đây là một ngọn thác đẹp nổi tiếng, hoang dã nhất và cũng hùng vĩ nhất không chỉ đối với miền Nam Tây Nguyên mà còn xứng đáng để so sánh với khu vực Đông Dương, được mệnh danh là "Đông Dương đệ nhất hùng thác". Thác Pongour còn được gọi là thác Bảy Tầng, Thiên Thai hay thác Mẹ. Tại vùng đất này có nhiều kaolin, là loại đất sét mịn có màu trắng hoặc vàng được dùng để sản xuất sản phẩm gốm sứ, gạch chịu nhiệt cao và giấy.

Dòng sông Đa Nhim uốn lượn qua bao vùng đất phía trên thượng nguồn rồi trải rộng như một bàn tay nắm lấy những tảng đá núi lô nhô nơi một vực thẳm tạo nên một dòng thác

nơi đây. Thác Pongour có chiều cao hơn 50m, mặt thác trải rộng hơn 100m uốn cong hình cánh cung, nước đổ ào ào xuống một hồ lớn. Vào mùa mưa, dòng thác càng trở nên dữ dội, cả đất trời của vùng thác Pongour vang vọng trong tiếng thác rền không dứt.

Dòng thác từ trên cao đổ xuống qua từng bậc thang đá trải rộng trước khi đổ xuống vực sâu, rồi uốn lượn qua các khe đá hoa cương nhẵn và khổng lồ để chảy về phía hạ nguồn. Du khách thích thú nhất là leo lên những bậc thang đá này để ngắm cảnh hùng vĩ xa tít ở phía hạ nguồn của dòng thác và băng qua dòng nước mát lạnh đang chảy xiết mà nghe lòng vừa vui sướng vừa hồi hộp. Dưới chân thác là một thung lũng rộng lớn được bao bọc bởi các vách núi cao sừng sững, có nhiều tảng đá rất lớn như những khoảng đất trống, bằng phẳng mà thiên nhiên dành sẵn cho du khách đến tham quan thác có chỗ vui chơi và nghỉ chân.

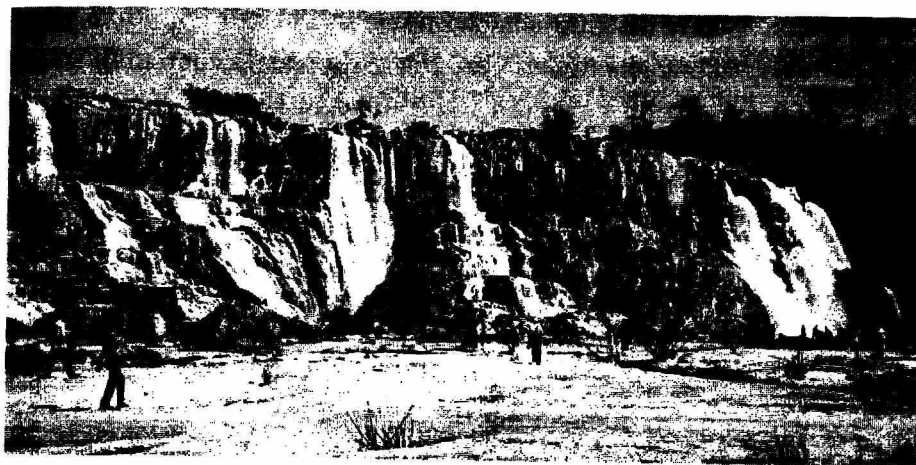
Tên Pongour có nguồn gốc từ ngôn ngữ của người K'ho là “pon” và “gou”, mà người Pháp đã phiên âm thành “Pongour”. Nhưng ý nghĩa của tên thác thì có giả thuyết khác nhau: Pon - gou có nghĩa là ông chủ của vùng đất sét trắng, hay có nghĩa là bốn sừng tê giác với nghĩa đen của từ vựng “pon: bốn” và “gou: sừng”. Trong đó, giả thuyết thứ hai được tin cậy nhiều hơn vì có tài liệu cho biết, nó có nguồn gốc từ truyện cổ tích của người K'ho, Chăm và Churu. Người ta cho rằng, thác Pongour là dấu vết của bốn con tê giác cắm xuống núi rừng Tây Nguyên trong quá trình giúp sức cho nàng Ka Nai giữ gìn và bảo vệ quê hương trong câu truyện cổ tích này.

Truyền thuyết trong truyện cổ tích của các dân tộc bản địa và các dân tộc có liên quan trong lịch sử kể rằng: “Ngày xưa, tại khu vực vùng đất Tân Hà ngày nay có một nữ tù trưởng xinh đẹp làm thủ lĩnh có tên gọi Ka Nai. Nàng có một sức mạnh phi thường, có thể chinh phục các loài thú dữ trong rừng. Đặc biệt là loài tê giác. Do đó, trong bộ tộc của nàng có bốn con tê giác to lớn mà Ka Nai thường dùng để khai phá núi rừng, đồng thời bảo vệ buôn làng.

Thuở đó, người Chăm ở vùng Panduranga của đất Ninh Thuận ngày nay thường xua quân quấy phá, đánh chiếm và bắt người dân nơi đây về vương quốc Chăm-pa để làm nô lệ hoặc phải đi lính chống lại người Kinh. Để thể hiện sức mạnh của dân tộc mình, đồng thời chống lại kiểu thống trị, hiếp tróc của người Chăm, nàng Ka Nai đã đứng lên kêu gọi các bộ tộc của miền Tây Nguyên hợp sức chống lại người Chăm.

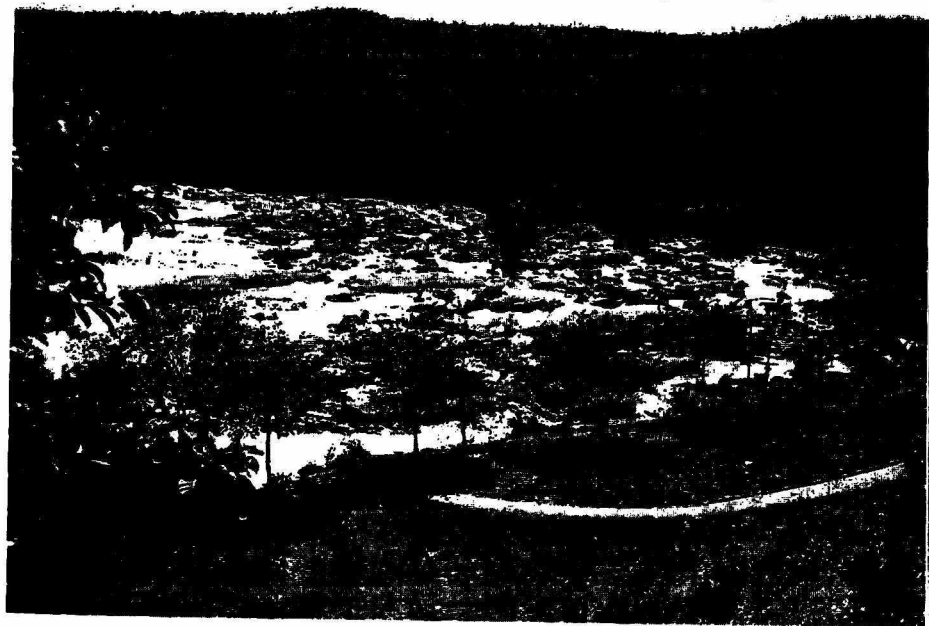
Sau nhiều lần dẫn quân đi trả thù, Ka Nai đã chiếm được bốn thành của người Chăm và giải cứu cho hàng trăm người K’ho bị quân Chăm bắt trước đây. Tuy nhiên, nàng Ka Nai rất đau khổ vì còn một số người K’ho - Mạ chấp nhận từ bỏ gia đình và người thân để ở lại Panduranga làm phu cho người Chăm, không chịu quay về với quê hương Tây Nguyên. Cuối cùng, vị nữ tù trưởng phải đành lòng quyết trừng trị những kẻ bội nghĩa vong ân.

Quê hương không còn bóng giặc, nàng Ka Nai bắt đầu tập trung xây dựng một cuộc sống mới cho buôn làng. Một cuộc sống chỉ có những con người thủy chung, biết đùm bọc, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong tình yêu thương của dân tộc. Bốn



Thác Pongour.

Dòng nước trên đầu thác
đang chực đổ xuống thung
lũng thác Pongour.



con tê giác đã giúp sức cho nàng san ủi núi đồi, khai khẩn rừng hoang cho người K'ho. Nàng Ka Nai đã chọn mùa trăng tròn đầu tiên của mùa nắng ấm sau khi quê hương được thanh bình để tổ chức ngày kỷ niệm cho bộ tộc của mình”.

Vào ngày rằm tháng Giêng hàng năm, du khách khắp nơi trở về thác Pongour để vui chơi, tưởng nhớ về ngày kỷ niệm của người K'ho xưa. Đây cũng là dịp bà con các dân tộc từ miền xuôi đến mạn ngược rộn rã du xuân. Đường xuống chân thác bằng phẳng quanh một ngọn đồi, hay theo các bậc thang đá đi dưới những tán lá rừng rồi theo các con đường mòn đến gần chân thác, băng qua những đám mây nước như mưa rào để sang bên kia bờ sông... Càng đi về phía hạ nguồn, du khách càng cảm nhận được vẻ hùng vĩ của dòng thác Pongour đang tuôn trào mạch nước.

Đêm đến, du khách có thể tham gia cùng các bạn dân tộc vui chơi bên đồng lửa trại trong các điệu nhảy Tây Nguyên và rất thú vị hơn nữa cho những du khách thích khám phá cảm giác lạ khi nghỉ lại bên thác rừng Pongour trong chiếc lều dã chiến. Chính nơi đây ngày xưa, vị vua cuối cùng của triều Nguyễn nước ta rất thích thú nghỉ đêm tại đây mỗi lần đến Pongour săn bắn.

» Km 195: thác Gougar. Ngon thác này nằm cách quốc lộ 20 khoảng 500m.

Thác Gougar

Thác Gougar còn có tên là thác Ổ Gà. Gougar là tên do người dân tộc ở địa phương đặt cho thác, còn Ổ Gà là tên của người Kinh đặt do khi đứng từ xa, người ta trông thấy thác Gougar được phân chia theo hai nhánh: một bên là dòng nước màu lòng đỏ trứng gà êm đềm chảy, một bên là dòng nước chảy âm ào tung bọt trắng xóa bao phủ một vùng tựa như lòng trắng của quả trứng; nhưng cũng có giả thuyết cho rằng, tên Ổ Gà là do phát âm trại từ hai âm “Gougar”. Theo tiếng K’ho, tên Gougar có nghĩa là: bờ sông giống cái cũi lồng.

Tuy nhiên, vào mùa mưa, lượng mưa trung bình cao nên hai dòng của thác hoà vào nhau tạo lưu lượng cao với cường độ dòng chảy lớn, thác trở nên hùng vĩ hơn. Thác cao gần 20m. Cột nước khổng lồ từ trên cao đổ xuống ì ầm suốt ngày đêm làm vang động cả núi rừng, tạo nên một bức tranh hoang dã đầy sống động của vùng Nam Tây Nguyên.

Đúng nơi dòng thác này, du khách có dịp đi ngược dòng lịch sử trở về với bao huyền thoại của các dân tộc anh em từ miền xuôi lên miền ngược. Tuy rằng, bao huyền thoại ấy vẫn

được xem là giả thuyết gắn liền với những dòng lịch sử thăng trầm của mỗi dân tộc. Theo các truyền cổ Nam Tây Nguyên, vùng đất từ núi Chai đến thác Gougar là lãnh thổ của dân tộc Churu - Chăm, có thủ lĩnh là nữ tù trưởng Ma Anh. Đa số người Churu có gốc là người Chăm di cư lên miền Tây Nguyên từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVII.

Theo giả thuyết của người Chăm, vùng đất thác Gougar ngày xưa là một vực sâu chôn giấu kho tàng của hoàng hậu Nai Biút. Truyện kể rằng: "Nàng Nai Biút gốc người Việt (Yuan?) kết hôn cùng vua Chăm. Nàng được nhà vua hết mực sủng ái nên thường bày kế tố ra yếu đuối để được vua chiều chuộng.

Thác Gougar.



Mỗi khi nằm, Biút dùng bánh tráng nướng đặt dưới chiếu để khi nàng xoay người đổi tư thế nằm, bánh tráng sẽ bẻ tạo nên âm thanh như bị gãy xương. Nhà vua quan tâm, nàng thưa: “Thiếp bị bệnh, nên cơ thể thường hay kêu răng rắc”. Vua Chăm lo lắng, bảo quan ngự y chạy chữa cho nàng. Một đại thần trình tâu với vua rằng, nên xây cho hoàng hậu một cung điện bên ngoài vương quốc Chămpa để hoàng hậu dưỡng bệnh, hy vọng hoàng hậu sẽ được khỏi bệnh “xương cốt”. Vua Chăm đồng ý và một cung điện mới dành cho hoàng hậu được mọc lên giữa vùng rừng núi này. Khi hoàng hậu mất, vua Chăm cho chôn cất nàng tại vùng rừng núi này, một kho tàng vàng ngọc châu báu được chôn theo mộ phần để nàng Nai Biút dùng khi về bên kia thế giới. Về sau, các dân tộc ở vùng đất này đã tôn nàng Nai Biút là hoàng hậu của họ”.

Lại có một truyện giả sử khác của người Chăm liên quan đến Huyền Trân Công chúa: “Nàng Nai Biút chính là Huyền Trân Công chúa đã nên duyên với vua Chăm là Chế Mân. Sau khi Chế Mân mất, Huyền Trân được Trần Khắc Chung giải cứu. Huyền Trân được trở về với đất nước Đại Việt. Nhưng không bao lâu sau đó, đoàn quân Chiêm Thành kéo ra Thăng Long xin rước nàng về để suy tôn lên ngôi hoàng hậu của vương quốc Chămpa. Huyền Trân không muốn quay trở lại sống trên đất nước của người Chăm, nên xin được đến sống ở một vùng đất không thuộc Đại Việt và Chămpa”. Và, Gougar là nơi Huyền Trân Công chúa chọn trong truyện giả sử này.

» Km 203: sân bay Liễn Khương bên tay trái.

» Km 204: cầu Liễn Hiệp, ngã ba bên trái là quốc lộ 27 đường đi Đắk Lắk 174km. Theo ngã ba này đi khoảng 9km gặp một ngã ba, rẽ phải đi thêm khoảng 9km gặp cầu Thác Voi. Tại đây có ngã ba, quẹo trái vào khoảng 100m đến thác Voi. Đường đi từ quốc lộ 20 vào thác Voi đã được trải nhựa rất đẹp.

Thác Voi

Thác Voi thuộc thị trấn Nam Ban, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Đây là một thác nước rất đẹp nhưng còn rất hoang sơ, thâm u với nhiều loại cây rừng cổ thụ. Đường xuống chân thác cheo leo, hiểm trở, rất khó đi.

Nếu thác Pongour hùng vĩ, đầy vẻ duyên dáng, quyến rũ bao nhiêu thì cảnh quan của thác Voi càng đầy vẻ mạo hiểm bấy nhiêu. Dòng suối chảy ngang cầu Thác Voi của thị trấn Nam Ban trông rất hiền hòa, nhưng vừa đến vực thẳm cách cầu khoảng 100m lại đổ xuống trông rất hùng vĩ. Từ trên đỉnh nhìn xuống chân thác là một vực thẳm sâu đầy thu hút, thôi thúc du khách trẻ yêu thích khám phá phải tìm mọi cách để xuống tham quan.



Thác Voi.

Những tảng đá đen tuyền khổng lồ dưới chân thác Voi.



Thác cao gần 100m. Bên dưới thung lũng chân thác là những tảng đá to nằm ngổn ngang với nhiều hình dáng dài ngắn, tròn dẹt khác nhau. Chiều dài mỗi khối đá trên dưới 10m, làm nơi dừng chân cho khách xuống tham quan thác. Đá có màu đen tuyền, bề mặt nhám nhở. Có khu vực, những khối đá mang hình dáng những cây cột khổng lồ nằm xếp chồng lên nhau trông giống như xưởng chế tác đá xây dựng. Có lẽ đây là dấu tích xưa của núi lửa? Là sản phẩm của nham thạch chảy ra từ miệng của những ngọn núi lửa hoạt động cách đây hàng triệu năm?

Hiện nay, địa hình của thác Voi không thích hợp cho du khách lớn tuổi, nếu lối đi xuống thác không được cải tạo, xây dựng. Tuy nhiên, đây là một thắng cảnh tuyệt vời, rất hấp dẫn đối với những du khách trẻ yêu thích khám phá. Dòng sông dưới chân thác có rất nhiều cá, là nơi người dân địa phương thường đến quăng chài, thả lưới bắt những loài cá đang sống nép mình vào những khối đá to quanh thung lũng.

Thắng cảnh Thác Voi đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích quốc gia ngày 28-12-2001.

» Km 209: ngã ba Finom. Quẹo trái là đường đi Phan Rang 100km.

» Km 218: núi Voi.

Núi Voi

Núi Voi cao 1.756m. Ngọn núi này đã được nhắc đến nhiều trong các truyện cổ và truyền thuyết của các dân tộc ở miền Nam Tây Nguyên trong việc bảo vệ quê hương, chống lại quân Chăm xâm lược vào các thế kỷ XV-XVII.

Có truyền thuyết kể rằng: “Có hai con voi ở vùng La Ngà Thượng đi dự lễ cưới của chàng Lang và nàng Bian. Khi đi đến ngọn núi Cà Đăng thuộc vùng đèo Prenn, nghe tin đám cưới của hai người biến thành đám tang nên hai con voi đã quy ngã tại đây và đau buồn đến chết. Xác của hai con voi này biến thành hai ngọn núi và người ta gọi là núi Voi. Nước mắt của voi chảy hóa thành dòng thác nên người ta đặt tên thác Voi, một ngọn thác nằm gần khu vực này.

Một truyền thuyết khác: “Tại vùng đất này có đôi tình nhân người K’ho. Chàng tên Ka Yar và nàng tên Ka Yung, họ yêu nhau tha thiết. Khi quân người Chăm tràn lên Cao Nguyên đánh chiếm vùng đất này, chàng Ka Yar phải lên đường chinh chiến và không trở về. Nàng Ka Yung đau khổ ra

suối ngòi khóc. Tiếng khóc của nàng đã làm lay động núi rừng, đất đá sụp đổ và nước mắt của nàng kết thành một dòng suối đổ ào ào, cuộn cuộn. Đó là thác Voi ngày nay.

Sau năm 1471, từ thời vua Lê Thánh Tông, quân Chiêm Thành không còn đủ sức để đánh phá Đại Việt như thời Chế Bồng Nga. Từ đó, các vua Chăm lo củng cố vùng đất Panduranga và tìm cách mở hướng đánh chiếm lên vùng Tây Nguyên với ý đồ mở rộng vương quốc. Vua Pôrômê là vị vua nổi tiếng về quân sự đã nhiều lần đưa quân đánh vùng đất Đà Lạt - Lâm Đồng và bắt dân địa phương về làm nô lệ.

Trong thời kỳ giao tranh đó, núi Voi là một trong hai căn cứ đóng quân kiên cố và vững chắc của người K'ho, Lachr, Chink... (một căn cứ khác là núi Lap Bê cao 1.732m nằm ở phía đông bắc, còn núi Voi nằm ở phía tây nam) có đủ khả năng chế ngự quân của đối phương lên đồi Cà Đăng. Quân Chăm không tấn công nổi Đà Lạt do không phá được hai căn cứ này. Các thung lũng quanh vùng này là những tuyến phòng thủ, phục binh an toàn nhất của người bản địa, đã nhiều lần đánh tan đội quân của Pôrômê tại giới tuyến đồi Cà Đăng. Đạo quân của người K'ho, Chink, Lachr khi ẩn khi hiện theo những con đường mòn dọc những con suối phủ đầy lá cây mà người Chăm không thể nào phát hiện.

Tuy không tiến chiếm được Đà Lạt, nhưng người Chăm cũng đến được cao nguyên này bằng một hướng khác để phá hủy nhiều công trình của người M'ông, Chink và Lachr. Đó là vùng Đăk Krông Nô thuộc tỉnh Đăk Lăk ngày nay.

» Km 212+700: rẽ vào ngã ba đường đất bên trái khoảng 500m; gặp ngã ba, rẽ phải vào khoảng 700m đến làng Con Gà của người K'ho.

Làng Con Gà

Làng Con Gà là một ngôi làng nhỏ nằm dưới chân núi Voi, thuộc xã Hiệp An, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng. Tại ngôi làng này có tượng chú gà trống có chín cựa, cao khoảng 5m đứng trên một bệ đá.

Tượng gà này có liên quan đến sự tích kể về một người con gái đầy bản lĩnh, vì muốn lấy được người mình yêu nên nàng chấp nhận băng rừng lội suối đi tìm cho được lễ vật thách cưới của họ nhà trai: một con gà chín cựa. Nhưng cô đã phí thời gian, vì con vật này không có thật ở trên đời. Cuối cùng, nàng đã gục chết tại đây vì quá kiệt sức. Biết chuyện, dân làng hợp sức cho xây dựng tượng con gà chín cựa nơi nàng chết để an ủi và thực hiện ước mơ của người con gái đáng thương này.

Đây là câu chuyện thể hiện tập tục cưới xin theo chế độ mẫu hệ của một ít cộng đồng dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Hình tượng voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao trên mâm lễ vật Sơn Tinh cưới My Nương là ước mơ chinh phục thiên nhiên của người Việt Nam.

Ngày nay, làng Con Gà của địa phương này đang thu hút nhiều du khách đến tham quan. Bên cạnh đó, bà con người dân tộc còn biểu diễn kỹ thuật dệt thổ cẩm để phục vụ du khách.



Tượng chú gà
chín cựa ở làng
Con Gà của
người K'ho.

Làng Con Gà của
người K'ho.



» Km 222: bắt đầu lên đèo Prenn vào thành phố Đà Lạt. Thác Prenn.

Khu du lịch thác Prenn

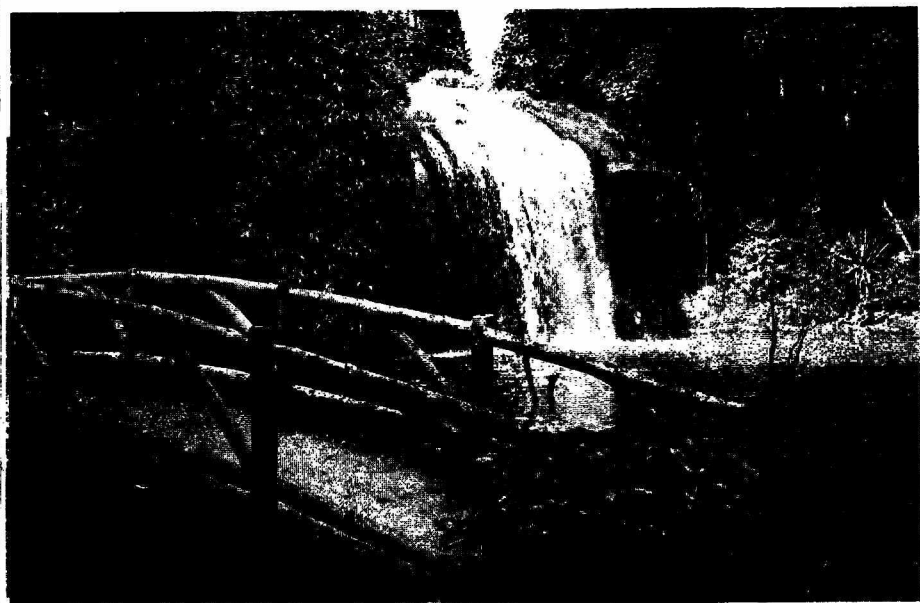
Theo ngôn ngữ của người K'ho, Prenn có nghĩa là vùng đất bị chiếm đóng. Nhưng có tài liệu cho biết, một số dân tộc ít người ở vùng đất Lâm Đồng ngày xưa gọi người Chăm là Prenn. Vào thế kỷ XVII, vua Pôrômê áp dụng biện pháp quân sự để xây dựng một vương triều hùng mạnh. Quân của người Chăm tiến đến vùng Đà Lạt để đánh chiếm vùng đất này của người K'ho, nhằm mở rộng lãnh thổ về hướng tây. Cuộc chiến tranh này kéo dài và núi Prenn được chọn là biên giới bảo vệ lãnh thổ.

Từ Đon Dương (Dran) đến chân dãy núi Prenn là vùng đất thường xuyên bị người Chăm chiếm đóng. Do đó, các dân tộc ít người của miền đất này cũng bị ảnh hưởng văn hóa của dân tộc Chăm như: K'hor, Chink, Churu, Sré... Hiện nay, nơi vùng đất này vẫn còn rải rác một số di tích và tên một số địa danh của Chăm xưa như làng K'Loong,, N'Thol... ở Đon Dương và Đức Trọng.

Thác Prenn là khu du lịch nổi tiếng của Đà Lạt nằm ở chân đèo Prenn. Thác có chiều cao 30m, rộng khoảng 20m. Dòng thác đổ xuống vực sâu như màn sương trắng xóa được kết bằng ngọc lỏng lánh. Ngay dưới chân vòm đá của thác có chiếc cầu gỗ được bắc qua dòng nước tạo thêm cảnh nên thơ cho thắng cảnh này. Du khách đi qua cầu là đi qua trong màn nước của thác đang đổ trên đầu.

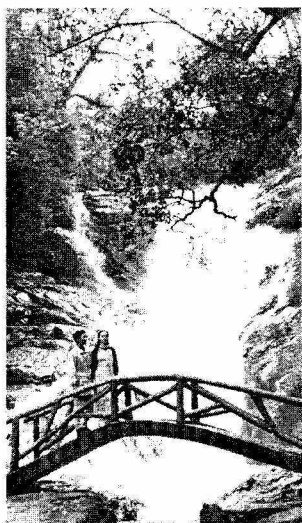
Quanh thác là những khu rừng thông thoáng đăng. Tiếng thông reo hòa vào tiếng thác đổ như một điệu nhạc của bản trường ca bất tận. Trước đây, thác Prenn cũng từng là nơi dừng chân nghỉ ngơi của vua Bảo Đại, Ngô Đình Nhu trong những lần đi săn bắn và tiếp các bộ tộc người ở cao nguyên này.

Thác Prenn.



Những năm trước và sau năm 1970, rất ít du khách đến tham quan, ngoạn cảnh ở khu du lịch thác Prenn vì lý do chiến tranh và có tin đồn voi, cọ phá chuồng về rừng nên chẳng ai dám đi thăm cảnh đẹp của núi rừng nơi đây. Đến năm 1978, thắng cảnh thác Prenn được khôi phục để đón khách du lịch đến vui chơi.

Hiện nay, thác Prenn được tôn tạo, xây dựng nhiều công trình dịch vụ phong phú để phục vụ khách khắp nơi đến với Đà Lạt như cáp treo, khu biểu diễn dệt hàng thủ công truyền thống của các dân tộc, dịch vụ thể thao trên hồ nước của thác, dịch vụ chụp ảnh lưu niệm trong trang phục người dân tộc và có cả đánh xe cưới ngựa... Bên cạnh những tán cây cổ thụ là những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc tượng người dân tộc, những bộ nhạc cụ cao nguyên như đàn đá, cồng đá; những loài thú quý hiếm được phân bố, trang trí rải rác làm cho khu núi rừng này thêm sinh động. Đặc biệt là ba đền thờ vua Hùng được mô phỏng theo kiểu dáng kiến trúc đền Hùng ở Phú Thọ xây dựng trên triền đồi đối diện với dòng thác, gồm có: đền Hạ, đền Trung và đền Thượng, thờ Lạc Long Quân và Âu Cơ.



» Ngã ba. Nếu rẽ trái, du khách sẽ vượt đèo Prenh và tham quan các điểm trên trên đoạn đường này như thác Datanla, hồ Tuyên Lâm, thiền viện Trúc Lâm và đến bến xe Liên tỉnh Đà Lạt. Nếu rẽ phải để đi theo con đường mới mở, du khách sẽ tham quan các tuyến điểm trên đường như chùa Thiên Vương Cổ Sát, vườn hoa khách sạn Minh Tâm thuộc đường Khe Sanh và đến ngã ba gặp đường Hùng Vương; tại đây: du khách rẽ phải sẽ đi đến làng Trẻ em SOS, chùa Linh Phước, thác Hang Cọp...; rẽ trái là đường đến bến xe Liên tỉnh và vào thành phố Đà Lạt.

» Km 227: thác Datanla.

Thác Datanla

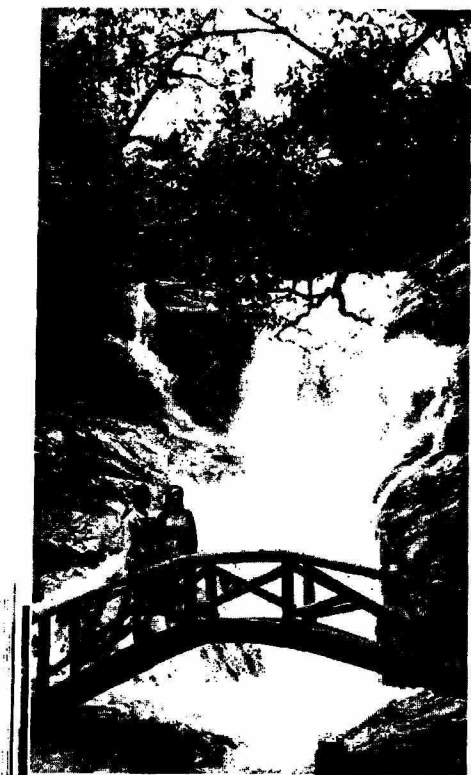
Thác Datanla nằm ở giữa đoạn đường đèo Prenh, dưới tận thung lũng sâu trượt dốc khoảng 300m. Datanla là ngôn ngữ của người K'ho có nghĩa là *nước dưới lá*. Tuy nhiên, có người gọi là suối Mây vì vùng này trước đây có nhiều cây mây; nhưng có giả thuyết cho rằng, làn hơi bốc lên từ dòng thác tựa như đám mây.

là một ngọn thác hùng vĩ đổ từ độ cao 35m, nằm cách khoảng 200m. Vào mùa mưa, thác đổ mạnh, tạo đẹp. Cảnh vật nơi đây hoang dã có sức hấp

dẫn lạ kỳ: từ những tảng đá bóng nhẵn rất đẹp, dòng nước từ trên ghềnh cao trút xuống, len lỏi qua nhiều tầng trong các khe đá rồi nhanh chóng chạy mất hút vào rừng sâu, những rặng cây cổ thụ quý hiếm, những loài dây loại chắc khỏe bám chặt lấy thân cây to tàn rộng không muốn rời xa như dòng nước muốn mãi ôm trọn lấy dòng suối, cho đến những chú sóc, chú chồn lơ lảo nhìn khách rồi thoăn thoắt chuyển càn chơi trò đuổi nhau.

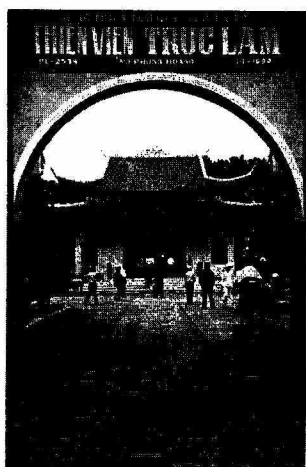
Dòng suối chảy qua Datanla có liên quan nhiều đến lịch sử của các dân tộc nơi miền Sơn quốc này, trong đó có cuộc chiến tranh giữa người Chăm, người Lachr và Chink. Trong cuộc chiến mở mang bờ cõi của người Chăm, họ đã từng bị thất bại vì thiếu nước nên đành phải rút quân sau một thời gian xua quân tấn công người Lachr để chiếm Đà Lạt; họ không ngờ được rằng, dưới lá có nước. Còn người Lachr đã bám trụ lại để giữ vững vùng đất này nhờ phát hiện ra dòng nước mát nơi đây. Datanla đã là nguồn sức mạnh hỗ trợ tinh thần cho người dân bản địa và là biểu tượng sức mạnh của các dân tộc Lâm Đồng.

Theo truyền thuyết xa xưa của người Chink và Lachr: “Khu vực thác Datanla là nơi chàng dũng sĩ tên Lang đã cứu người con gái xinh đẹp Bian thoát khỏi những lần tấn công của hai con rắn tinh và bảy con chó sói trong lúc nàng vào rừng để kiếm thức ăn cho gia đình. Từ đó, bên dòng thác Datanla trở thành nơi hò hẹn của đôi tình nhân thuộc hai bộ tộc và đôi tình nhân này đã để lại cho đời sau nhiều truyền thuyết lãng mạn trong tình yêu”.



Thác Datanla.

Một truyền thuyết khác liên quan đến tên gọi Suối Tiên nói lên sự giao hòa của đất trời: “Thuở đất trời còn gần, con người và các vị tiên rất dễ dàng gặp nhau và trở nên thân thiết. Các nàng tiên nơi miền thượng giới thường kéo nhau đến dòng suối nơi này để vui chơi, tắm mát. Đến một ngày, con người không hiểu sao các nàng tiên đi biệt, không quay trở lại. Nơi miền hạ giới này hoang vắng lại càng trở nên hoang vắng hơn, chỉ còn nghe tiếng suối chảy róc rách càng thêm buồn vì con người luôn nhớ mong các nàng tiên đến vui chơi. Từ nỗi nhớ ấy, người dân nơi đây đã đặt tên cho dòng suối các nàng tiên thường đến tắm là Suối Tiên”.



» Cách khu du lịch thác Datanla khoảng 50m có ngã ba bên trái, vào khoảng hơn 1.000m đến Thiên viện Trúc Lâm. Trước khi đặt chân đến Thiên viện Trúc Lâm, du khách có thể đến tham quan vườn thú quý hiếm cách Thiên viện khoảng 100m, có ngã ba bên phải vào khoảng hơn trăm mét. Nơi đây chuyên nuôi các loài thú cực kỳ quý hiếm của Việt Nam và thế giới như: bò tót, sói đỏ, beo lửa, báo hoa mai, diều hâu, chim ưng, phượng hoàng, gấu ngựa, chim công, ó đen... và các loài khỉ, trăn, cá sấu, nhím...

Thiên viện Trúc Lâm

Thiên viện Trúc Lâm tọa lạc trong một khuôn viên có phong cảnh thiên nhiên tuyệt mỹ trên núi Phụng Hoàng bên bờ hồ Tuyên Lâm thuộc phường 3, thành phố Đà Lạt. Tổng diện tích của Thiên viện khoảng 25 hecta, trong đó có hơn hai hecta xây dựng công trình gồm chánh điện, khu nội viện, nhà Tăng, nhà khách..., phần diện tích còn lại là khu vườn của Thiên viện được phủ đầy các loại kiểng và các loài hoa quý tuyệt đẹp.

Trúc Lâm là tên gọi một thiền phái do vua Trần Nhân Tông (1278-1293) sáng lập. Sau khi đã dẹp yên giặc ngoại

xâm nhà Nguyên và Chiêm Thành, ngài rời bỏ ngai vàng để nhường ngôi cho vua Trần Anh Tông và lên núi Yên Tử quyết chí tu hành đắc đạo, trở thành Tổ thứ I của thiền phái Trúc Lâm Việt Nam. Ngài mất vào ngày 03-11-1308.

Thiền viện Trúc Lâm được khởi công xây dựng ngày 28-5-1993, do Hòa thượng Viện chủ Thích Thanh Từ khởi xướng, đến ngày 19-3-1994 Thiền viện này được khánh thành. Công trình này do kiến trúc sư Ngô Viết Thụ thiết kế. Hòa thượng Thích Thanh Từ cũng là Viện chủ của các thiền viện Thường Chiếu, Linh Chiếu... ở Đồng Nai và thiền viện Chơn Không ở thành phố Vũng Tàu. Do đó, tất cả các công trình các thiền viện do ngài làm Viện chủ đều mang nét kiến trúc căn bản giống nhau như ngôi chánh điện được xây dựng theo kiểu kiến trúc nhà cổ tứ trụ hình vuông của Việt Nam, nóc thường lợp ngói được thiết kế có hai mái đao chồng lên nhau, cột tròn. Đây là kiểu kiến trúc trông rất thanh thoát và thâm nghiêm nhưng lại hết sức đơn sơ và gần gũi.

Mặt tiền ngôi chánh điện hướng ra hồ Tuyên Lâm. Hai bên tả hữu có lầu chuông và lầu trống. Lầu chuông có chiếc đại hồng chung nặng 1.100kg do hai Phật tử cúng dường và nghệ nhân Nguyễn Văn Sinh thực hiện. Trên mặt chuông có khắc bài thơ do Hòa thượng Thanh Từ cảm tác. Xung quanh lầu chuông tạc hình các vị tổ sư của phái Thiền tông Trung Quốc.

Từ năm 1969-1970, Thiền sư Thích Thanh Từ chuẩn bị cơ sở vật chất xây dựng thiền đường, tăng xá để quy tụ tăng chúng. Ngày 08-4-1971, nhận thấy đã đầy đủ cơ duyên nên ngài quyết định công bố thành lập tu viện Chơn Không và mở



Cổng vào và chánh điện của Thiền viện Trúc Lâm.

khóa đầu tiên tu thiền ba năm, từ năm 1971 đến năm 1974, với đường lối tu tập cao siêu thanh thoát, trừ diệt mê tín và lý thuyết suông. Chính nơi đây đã đào tạo và cống hiến cho Giáo Hội Phật giáo Việt Nam nhiều vị Tăng Ni tài giỏi để phục vụ cho sự nghiệp hưng thịnh nền Phật pháp, đồng hành cùng dân tộc và Phật tử xây dựng nước nhà vững mạnh, cùng nhau sống tốt đời đẹp đạo.

Năm 1974, Hòa thượng Thích Thanh Từ đã khởi xướng khôi phục và duy trì những đặc điểm của Thiền tông Việt Nam theo đường lối tu tập do sơ Tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông sáng lập, đề cao sự tu tập nội tâm, thanh tịnh hóa bản thân để lòng không còn vương bận ngoại cảnh. Hòa thượng

Thích Thanh Từ tên thật là Trần Thanh Từ, sinh năm 1924 tại Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long. Ngài xuất gia năm 1949 với Hòa thượng Thích Thiện Hoa, tại quê nhà.

Hiện nay, Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt là một trong những điểm tham quan nổi tiếng, thu hút hàng ngàn du khách đến vãng cảnh, lễ Phật và tìm hiểu về Thiền tông Việt Nam. Đặc biệt, Thiền viện Trúc Lâm còn là một vườn hoa muội mà khoe sắc với các loài hoa lạ và quý được du khách hết lời khen ngợi khi thưởng ngoạn như Forget me not, mai địa thảo, thạch anh, xác pháo, hồng long nhả ngọc, thạch thảo...

Trong quần thể khu du lịch hồ Tuyền Lâm và Thiền viện có hệ thống cáp treo dài 2.300m phục vụ du khách du ngoạn, chiêm ngưỡng toàn cảnh thành phố Đà Lạt, khám phá thiên nhiên của núi rừng Tây Nguyên. Đây là công nghệ hiện đại nhất của châu Âu được thiết kế, lắp đặt tại Việt Nam.

Hồ Tuyên Lâm

Hồ Tuyên Lâm tọa lạc trong một thung lũng nhỏ giữa những rừng thông ngút ngàn, mặt hồ mênh mông, xanh biếc tạo nên một khung cảnh thiên nhiên đầy vẻ thơ mộng và huyền nhiệm. Không ai biết được xuất xứ tên hồ và có từ bao giờ. Song, theo cách chiết tự để giải thích của nhiều người: “Tuyên” nghĩa là suối, “Lâm” có nghĩa là rừng, và người ta cùng hiểu rằng: Tuyên Lâm là nơi gặp nhau của suối và rừng.

Hồ Tuyên Lâm được xây dựng từ năm 1982 để đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho hàng trăm hecta ruộng lúa, hoa màu của vùng Đức Trọng. Sau năm năm xây dựng, vào năm 1987 công trình hồ nước này đã được hoàn thành với diện tích 32km², độ sâu có nơi đạt trên 30m. Hồ Tuyên Lâm được tạo thành bởi dòng suối Tĩa và sông Đa Tam bắt nguồn từ núi Voi.

Hiện nay, hồ Tuyên Lâm có dịch vụ phục vụ du khách tham quan ngắm cảnh trên mặt hồ bằng thuyền. Sau đó, du khách sẽ được tham quan những thắng cảnh đẹp như thác Bảo Đại, vào các khu vực dã ngoại để nghỉ ngơi và thưởng thức các loại đặc sản thú vị của núi rừng Tây Nguyên như rượu cần, ăn thịt rừng, vui chơi múa hát với những điệu nhảy của người dân tộc...

Hồ Tuyên Lâm kết hợp với Thiền viện Trúc Lâm tạo nên một thắng cảnh đẹp tuyệt vời. Trong những ngày màn sương giăng giăng, du khách ngỡ mình lạc giữa chốn bồng lai tiên cảnh, huyền ảo như hư như thực. Kia là mây và núi, đó là suối với rừng, đây là chốn thiền môn không nặng mang triền phược. Đến đây, du khách cảm thấy tâm hồn mình lâng lâng như vừa trút bỏ được những vướng bận đời thường để bước vào chốn thanh bình của cuộc đời.

» Km 230: bến xe Liên tỉnh. Bắt đầu vào trung tâm thành phố Đà Lạt.

» Tất cả các điểm tham quan ở thành phố Đà Lạt nằm cách xa khu trung tâm trên dưới 10km và có biển hướng dẫn cho du khách một cách rõ ràng. Ở đây, chúng tôi xin chọn hồ Xuân Hương làm trung tâm của thành phố Đà Lạt để tiện giới thiệu khoảng cách đường đi đến các điểm tham quan khác trong thành phố và các huyện lân cận Đà Lạt.

Hồ Xuân Hương

Hồ mang tên của một nữ thi sĩ Việt Nam của thế kỷ 19 được mệnh danh là “Bà chúa thơ Nôm” đã từng sáng tác những bài thơ có giá trị và được xem là một hiện tượng độc đáo trong văn học Việt Nam, một nét lạ của văn học thế giới: nữ sĩ Hồ Xuân Hương. Ngày trước, hồ Xuân Hương chỉ là một dòng suối có các tộc người cư trú như Chink, Lachr, K’ho.

Hồ Xuân Hương nằm ở vị trí trung tâm thành phố Đà Lạt, trên độ cao 1.477m so với mặt nước biển. Hồ có hình dáng gần giống như mảnh trăng lưỡi liềm với diện tích gần năm hecta và đường chu vi dài khoảng 5.000m rợp bóng cây tùng, cây thông tạo thêm vẻ thơ mộng cho cảnh quan của hồ.

Năm 1919, kỹ sư công chánh Labbé cho xây đập từ Thủy Tạ đến *quán hướng đạo* cũ theo chương trình hồi sinh thành phố Đà Lạt của Toàn quyền Paul Doumer. Năm 1923, hồ Xuân Hương được xây thêm một đập phía dưới, tạo thành hai hồ. Vào tháng 3-1932, một cơn bão lớn quét qua thành phố Đà Lạt đã làm hai đập của hồ Xuân Hương bị vỡ. Cuối năm 1934 và đầu năm 1935, kỹ sư Trần Đăng Khoa xây một đập lớn cho hồ Xuân Hương bằng đá, đó là cầu ông Đạo ngày nay (ông Đạo là tên của viên quản đạo Phạm Khắc Hòe. Trước năm 1945, ông làm ngự tiền văn phòng Tổng lý cho vua Bảo Đại).

Ban đầu, người Pháp gọi là Hồ Lớn (Grand Lac). Đến năm 1953, ông Nguyễn Vỹ là Chủ tịch Hội đồng Thị chính Đà Lạt lấy tên của nữ sĩ nổi tiếng của Việt Nam để đổi tên là hồ Xuân Hương. Thắng cảnh hồ Xuân Hương mang nét đẹp kiều diễm của phương Tây, nét trong xanh soi bóng những rặng thông già vào những mùa nắng đẹp, hay lung linh huyền ảo vào buổi ban mai phủ đầy sương trắng.

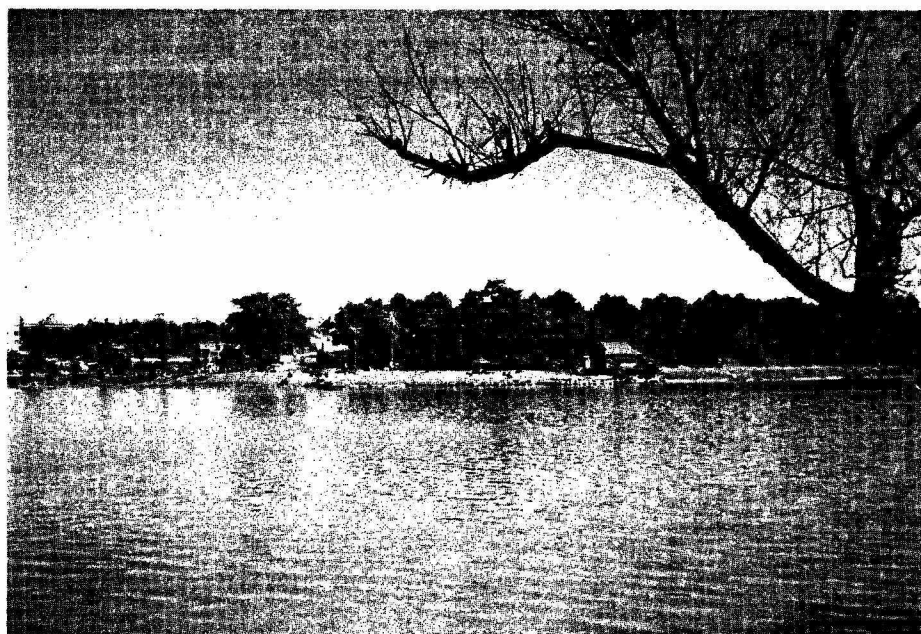
Tháng 10-1984, hồ Xuân Hương được gia cố, sửa sang và xây thêm bờ cầu Ông Đạo, đáy hồ được vét sâu hơn... Lần này, người dân Đà Lạt đã được biết thêm lịch sử của hồ qua phát hiện được một số di chỉ của con người đã cư trú tại vùng đất cao nguyên này vào thuở xa xưa.

Hồ Xuân Hương là hình ảnh thân quen, gắn liền với đời sống người dân Đà Lạt. Du khách đến Đà Lạt luôn say sưa chiêm ngưỡng cảnh hồ dọc lối đi bách bộ rợp bóng cây hay dùng xe đạp đôi cùng bạn bè thư thả quanh bờ hồ, hoặc du thuyền dạo trên mặt hồ bằng những chiếc thuyền mang dáng

hình con thiên nga... Bờ hồ là nơi du khách nhàn rỗi buông cần câu cá dưới gốc cây tùng, còn là nơi hẹn hò lý tưởng của những đôi tình nhân lãng mạn. Du khách sành điệu luôn dừng chân nơi nhà thủy tạ, ngồi thả hồn vào cảnh đẹp thơ mộng của Đà Lạt bên ly cà phê đậm đà hương vị cao nguyên.

Vì thế, từ thuở thành phố Đà Lạt được khai sinh đến nay, hồ Xuân Hương luôn là một trong những nơi có sức hấp dẫn đặc biệt đối với du khách và người dân địa phương đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là thắng cảnh quốc gia vào ngày 16-11-1988.

Một góc của hồ Xuân Hương.



Chợ đêm Đà Lạt

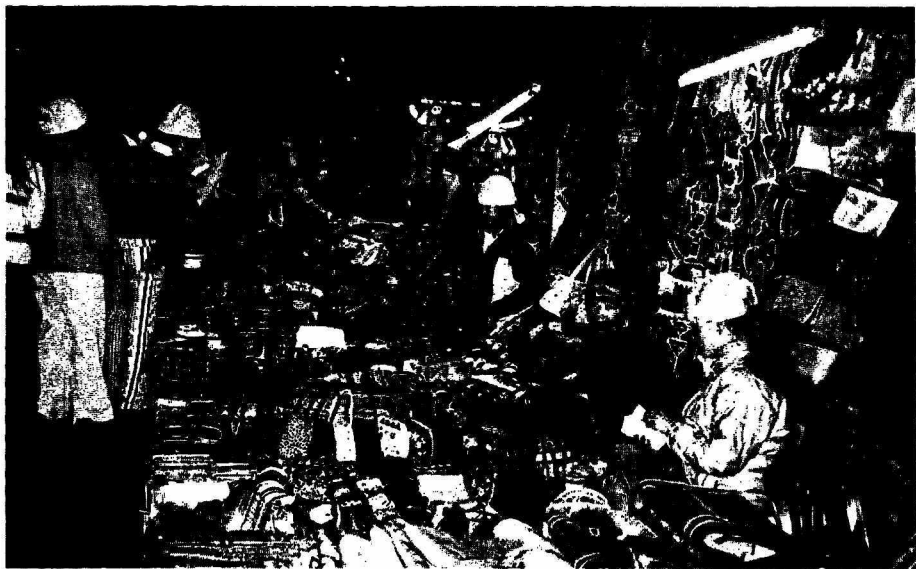
Ban ngày, du khách đến Đà Lạt thường tranh thủ thời gian đi tham quan các thắng cảnh thiên nhiên và di tích văn hóa. Đêm đến, mọi người đều thích thú tản bộ trên những con đường bằng phẳng như dải lụa để dạo quanh mua sắm ở chợ đêm thành phố Đà Lạt. Từ sáu giờ chiều, các mặt hàng đã được tập trung về đây phục vụ du khách, từ các mặt hàng lưu niệm đến các quầy hàng ăn uống rất phong phú.

Trong tiết trời se lạnh, du khách hăm hở đi sắm cho mình chiếc áo khoác ở các cửa hiệu hoặc ở các quầy hàng bày trước chợ, gồm các loại như áo len, áo da... Các loại nước giải khát: đậu xanh nóng, đậu nành nóng được bày trên con đường, góc chợ và ngay cả xung quanh bờ hồ Xuân Hương tạo nên nét văn hóa đặc biệt cho thành phố sương mù. Đặc biệt là các quầy hàng lưu niệm, các loại hàng dệt thổ cẩm của bà con dân tộc thiểu số được bày bán tấp nập và rất được du khách chú ý mua sắm làm quà cho người thân sau một chuyến du lịch Đà Lạt.



Một góc chợ hoa của Đà Lạt về đêm.

Những quầy hàng lưu niệm
của chợ đêm Đà Lạt.



Chợ Đà Lạt nổi tiếng với nhiều loại hàng hóa nông sản như trái cây, hoa và rau tươi rất dồi dào. Đây chính là nơi cung cấp hoa và rau tươi cho thành phố Hồ Chí Minh và các vùng lân cận. Vào buổi tối, chợ nông sản hoạt động nhộn nhịp để phục vụ cho người dân địa phương và cả khách du lịch với rất nhiều mặt hàng phong phú đặc trưng của xứ lạnh.

Lãng mạn nhất đối với du khách trẻ vẫn là các khu vực quán cà phê. Trong cái lạnh se sắt, sương mù giăng giăng khắp cảnh hoa ngon cỏ, từng giọt cà phê chậm chậm rơi xuống đáy ly trong ánh đèn màu nơi phố núi càng làm cho du khách thêm quyến luyến.

Vào các ngày lễ và cuối tuần, chợ đêm Đà Lạt chỉ dành cho khách đi bộ. Các loại xe không được lưu thông vào khu vực chợ.

Đôi Cù - Sân golf Đà Lạt

Đôi Cù nằm thoải thoải bên bờ hồ Xuân Hương, ngày đêm soi bóng xuống mặt hồ. Đây là một thắng cảnh nổi tiếng từ xưa và đã trở nên rất thân quen, rất gần bó với người dân Đà Lạt và du khách. Đôi Cù và hồ Xuân Hương nằm kề bên nhau, tuy hai mà một, tuy một mà hai; được kết hợp như sông với núi, như đất với trời hòa hợp từ ngàn xưa. Thiếu hai thắng cảnh này, trung tâm Đà Lạt sẽ, không còn thơ mộng, quyến rũ.

Đôi Cù là những quả đồi tròn trịa, mấp mô nối tiếp nhau như một thảo nguyên xanh bát ngát với diện tích khoảng 65 hecta. Đến nay, tên gọi đôi Cù vẫn chưa được xác định có từ bao giờ và xuất xứ từ đâu. Tuy nhiên, vẫn có hai giả thuyết về tên gọi có thể thuyết phục: Giả thuyết thứ nhất, trước kia nơi đây là điểm chơi golf, một môn thể thao quý tộc mà người Việt gọi là chơi cù hoặc đánh cù, nên nhiều người đã lấy tên của môn thể thao này đặt cho ngọn đồi này; giả thuyết thứ hai xem ra chưa đủ sức thuyết phục lắm: do hình dáng của những quả đồi nằm thoải thoải tựa như lưng của những chú cù



Đồi Cù bên bờ hồ Xuân Hương

khổng lồ, từ “cù” ở đây nếu được phát âm trại ra từ âm “cừu” là tên của một loại thú giống dê có lông dùng để chế biến thành len hoặc nỉ thì vẫn khó thuyết phục được những nhà nghiên cứu hơn giả thuyết thứ nhất.

Trước kia và ngay cả lúc Đà Lạt dưới thời Toàn quyền Doumer, khi xây dựng thành phố Đà Lạt đồi Cù vẫn còn nguyên sơ, chưa có dự án phát triển xây dựng công trình nào thực sự trên vùng đồi này. Đến năm 1942, dưới thời Toàn quyền Decoux, đồ án xây dựng thành phố đã được hoàn tất do kiến trúc sư Lagisquet thiết kế thì đồi Cù được quyết định là nơi “bất khả xâm phạm” với mục đích nhằm giữ cho thành phố có được cảnh quang thoáng đãng, lãng mạn. Và, nó đã trở thành trái tim của thành phố Đà Lạt cho đến ngày nay.

Sau đó, một sân golf chín lỗ đã được một kiến trúc sư người Anh thiết kế và xây dựng tại đây. Sau những năm 1975, hoạt động của môn thể thao này tại đồi Cù biến mất, nơi đây trở thành điểm vui chơi, cắm trại, picnic của người dân địa phương và du khách, cũng là nơi hò hẹn lý tưởng của những đôi tình nhân. Ngày 08-8-1991, môn thể thao quý tộc này được phục hồi ở đồi Cù theo giấy phép số 222/GP, một sân golf 18 lỗ được thiết xây dựng theo tiêu chuẩn quốc tế và được đưa vào sử dụng từ ngày 24-02-1994.

Vườn hoa Thành phố

Vườn Hoa thành phố còn gọi là công viên Đà Lạt nằm trong thung lũng bên bờ của thượng nguồn hồ Xuân Hương, được bao bọc bởi đồi Cù, Viện nghiên cứu Hạt nhân và trường Đại học Đà Lạt. Vườn hoa này được thành lập từ năm 1966, nhưng có diện tích nhỏ hơn. Ngày xưa, khu đất phía trước công viên là vườn Bích Câu Đà Lạt, là nơi từng ghi dấu kỷ niệm của người dân Đà Lạt. Sau một thời gian dài vườn Bích Câu không được chăm sóc, hoa và cây cảnh đã tàn lụi.

Những năm đầu của thập niên 1980, công viên này được khôi phục để trồng các loại hoa mới. Trong khu vực thung lũng này có diện tích 22 hecta thì vườn Hoa thành phố hiện nay chiếm khoảng 50% diện tích với đủ các loài hoa quý và cây cảnh có giá trị tập trung về đây. Đặc biệt, ở đây có nhiều loài phong lan và địa lan với nhiều chủng loại. Cuối năm 1995, Tòa Đại sứ Nhật Bản tặng 50 cây hoa anh đào cho thành phố Đà Lạt, Vườn Hoa thành phố nhận trồng 40 cây và 10 cây giao cho nhà thủy tạ.

Vườn hoa Đà Lạt là một bộ sưu tập khá đầy đủ về các loài hoa quý của Việt Nam và thế giới được chăm sóc chu đáo để có hoa quanh năm phục vụ như cầu thưởng lãm của du khách đến Đà Lạt.

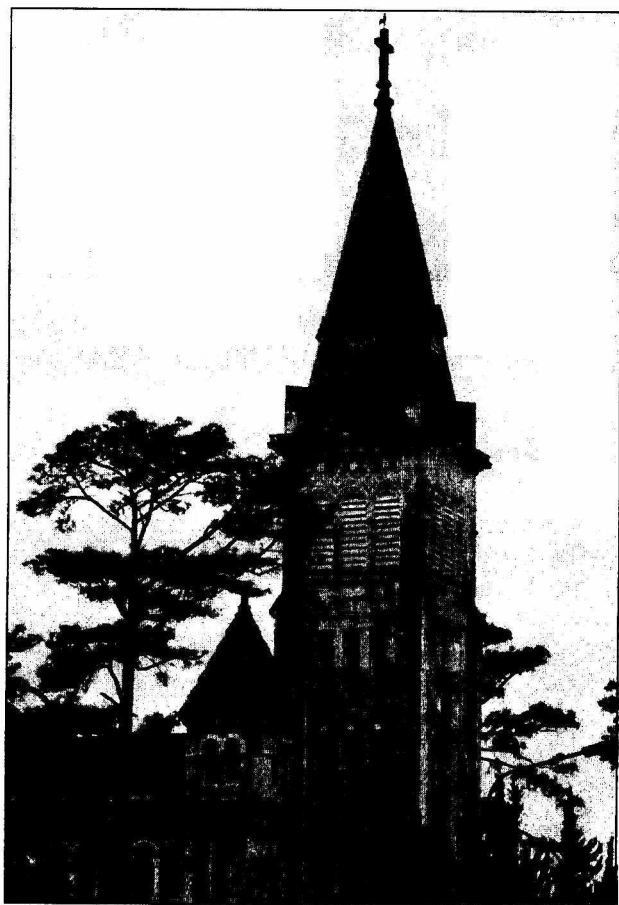
Nhà thờ chánh tòa Đà Lạt

(Nhà thờ Con Gà)

N

hà thờ Chánh tòa Đà Lạt được người dân quen gọi là Nhà thờ Con Gà, nhưng tên chính thức của Giáo hội Công giáo gọi là nhà thờ thánh Nicolas, tọa lạc trên đường Trần Phú, cách bờ hồ Xuân Hương và chợ Đà Lạt khoảng 500m. Ngôi thánh đường này được khởi công xây dựng từ ngày 19-7-1931 và được khánh thành ngày 25-01-1942.

Gọi là Nhà thờ Chánh tòa, vì đây là nhà thờ trung tâm của Giáo phận Đà Lạt. Gọi là Nhà thờ Con Gà vì trên đỉnh tháp chuông, phía trên tượng Thánh giá có tượng con gà trống bằng đồng dài gần 70cm, cao 58cm với hai ý nghĩa và chức năng: chức năng khoa học, đó là cột thu chống sét đánh, vì trước đây sét thường đánh qua khu vực này; ý nghĩa Kinh thánh, gọi nhớ về hình ảnh Thánh Phê Rô chối Chúa ba lần trước khi gà gáy khi Chúa Giêsu đi vào cuộc Tử nạn để cứu độ

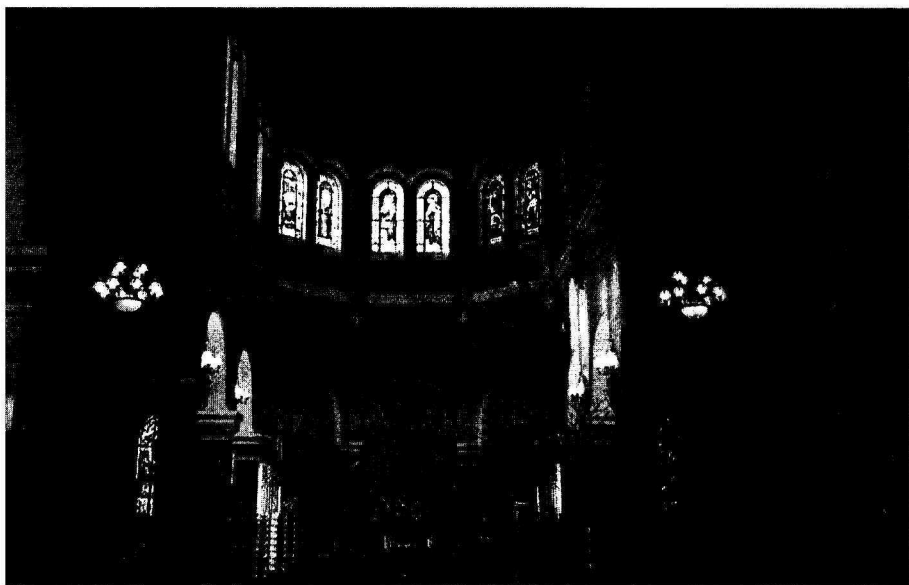


Nhà thờ Chánh tòa
Đà Lạt.

cho muôn người, người Kitô hữu trước khi bước vào ngôi thành đường bắt gặp hình ảnh này sẽ thật lòng ăn năn sám hối, chừa cải những lỗi lầm trong cuộc sống; ngoài ra, con gà này còn có chức năng dùng để xác định hướng gió, nhưng hiện nay không được bôi trơn bằng dầu mỡ nên con gà không còn quay được nữa. Tên gọi Nhà thờ Thánh Nicolas là tên thánh của linh mục khởi xướng xây dựng nhà thờ này: Nicolas Couvreur.

Ban đầu, linh mục Nicolas Couvreur là người khởi xướng Dưỡng viện cho các vị Thừa sai đau yếu tại Đà Lạt. Và từ đó là khởi điểm của việc thành lập giáo xứ Đà Lạt. Ngôi thánh

Bên trong nhà thờ
Chánh tòa Đà Lạt.



đường Chánh tòa Đà Lạt được xây dựng theo đồ án của linh mục Nicolas Couvreur, là Cha sở của họ đạo này lúc bấy giờ.

Công trình xây dựng kéo dài 11 năm, theo kiểu kiến trúc Roman, có nền tảng hình Thánh giá. Nhưng cũng có người bảo đây là kiểu kiến trúc theo cảm xúc hàng hải. Chiều dài của nhà thờ 65m, chiều rộng 14m. Tháp chuông cao 47m. Bên ngoài nhà thờ được thiết kế góc cạnh, nhưng bên trong gần như là bầu và tròn. Mái ngói rêu phong. Tường được sơn toàn một màu hồng.

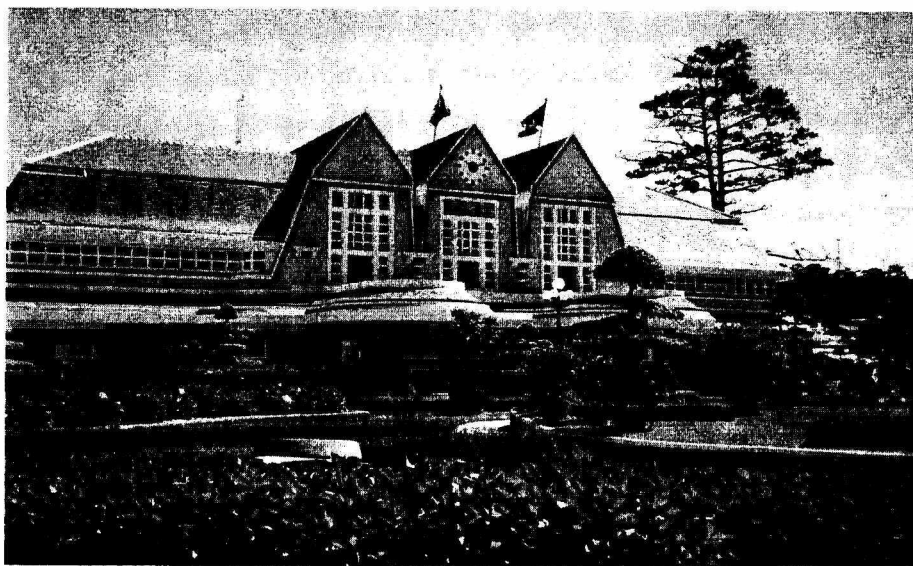
Bên trong nhà thờ và cung thánh được trang trí bằng 70 tấm kính màu có khắc họa hình ảnh của các vị thánh của Giáo hội Công giáo. Những tấm kính này được sản xuất tại xưởng Louis Balmet, thuộc tỉnh Grenoble của Pháp. Mái vòm nơi cung thánh có hình bầu dục mang kiểu kiến trúc phổ biến của châu Âu.

Nhà thờ Chánh tòa Đà Lạt là một trong những điểm tham quan hấp dẫn, thu hút nhiều du khách phương Tây và cả những du khách quan tâm đến kiến trúc. Ngoài công trình kiến trúc cổ, nơi đây còn là một thắng cảnh đẹp. Hình ảnh Nhà thờ Con Gà ở Đà Lạt cũng đã trở nên thân quen đối với tất cả du khách trong và ngoài nước.

Ga xe lửa Đà Lạt và Tuyến đường sắt thác Chàm

Dự án xây dựng tuyến đường sắt Đà Lạt - Thác Chàm dài 84km được phê duyệt từ năm 1900. Nhưng đến năm 1908, dự án mới được khởi công giai đoạn I dài 38km từ Thác Chàm đến Krông Pa và hoàn thành năm 1915. Năm 1919, giai đoạn II được khởi công xây dựng từ Krông Pa đến Eo Gió dài 10km trong thời gian 10 năm. Đầu những năm 1920, công trình được tiếp tục xây dựng các đoạn từ Eo Gió đến Đà Lạt.

Năm 1932, tuyến đường dài 84km hoàn thành và được đưa vào sử dụng. Tuyến đường sắt Thác Chàm - Đà Lạt đi từ miền biển huyền thoại của vùng đất Panduranga đầy gió cát nắng nóng băng qua những cánh rừng khô cháy của đồng bằng để đến với những rừng thông bạt ngàn thơ mộng ở độ cao 1.500m so với mặt nước biển. Suốt tuyến đường này xuyên qua nhiều địa hình khác nhau và năm đường hầm, có hầm dài nhất là 600m và hơn 16km đường sắt răng cưa. Tuyến đường sắt này là một trong ba tuyến đường xe lửa răng cưa hiếm hoi của thế giới (hai tuyến còn lại ở Jung Fraujooch và Montenvers ở Thụy Sĩ).



Nhà ga xe lửa Đà Lạt.

Ga xe lửa Đà Lạt nằm cách trung tâm thành phố khoảng 500m. Nhà ga này được kiến trúc sư Reveron thiết kế và kiến trúc sư Moncet trực tiếp chỉ đạo thi công từ năm 1932 đến năm 1938 hoàn thành. Đây là công trình kiến trúc nhà ga được đánh giá là đẹp nhất Đông Dương vào thời kỳ này.

Ga xe lửa Tháp Chàm - Đà Lạt hoạt động đến năm 1964 thì tạm ngưng vì chiến tranh. Đến năm 1992, tuyến đường sắt này được phục hồi lại khoảng 10km từ Đà Lạt đi Trại Mát để phục vụ khách du lịch. Hiện nay, du khách không được sử dụng phương tiện giao thông bằng đường sắt lên Đà Lạt, nhưng ga Đà Lạt vẫn là một điểm thu hút nhiều du khách đến tham quan.

Ngôi trường mang dấu ấn Yersin

(Trường Cao đẳng sư phạm Đà Lạt)

Tường Grand Lycée Yersin tọa lạc trên một ngọn đồi ở phía đông bắc của thành phố Đà Lạt. Đây là một trong những công trình kiến trúc cổ còn được gìn giữ tại thành phố du lịch này. Ngôi trường này được kết hợp từ hai trường Le Petit Lycée được xây dựng năm 1927 và Le Grand Lycée được xây dựng năm 1935.

Công trình kiến trúc này do một kiến trúc sư người Pháp tên Moncet thiết kế và chỉ đạo thi công. Ông đã đưa những đường nét kiến trúc quê hương Thụy Sĩ của Alexandre Yersin vào công trình để thể hiện lòng tri ân đối với một nhà khoa học đã sống một cuộc đời bình dị để cống hiến nhiều công trình khoa học có giá trị cho nhân loại nói chung và nhân dân Việt Nam nói riêng. Và đặc biệt, tên ngôi trường được đặt để ghi nhớ người đã tìm ra thành phố này: Lycée Yersin.

Đứng tại trung tâm thành phố Đà Lạt có thể nhìn thấy tháp chuông cao 54m của trường cao vút thấp thoáng trong



Trường Grand Lycée Yersin – Nay là Trường Cao đẳng sư phạm Đà Lạt.

bầu trời có ngàn thông xanh ở bên kia hồ Xuân Hương. Gọi là tháp chuông nhưng không treo chuông, đó chỉ là biểu tượng của một công trình văn hóa thể hiện sự vươn lên tầm cao tri thức của nhân loại và là nét kiến trúc đặc trưng của vùng Morger quê hương của Alexandre Yersin.

Nguyên vật liệu để xây dựng trường Lycée Yersin hầu hết được chuyên chở từ Pháp và các nước châu Âu sang như gạch ép để xây tường và ngói ardoise màu xanh để lợp mái. Đặc biệt là dãy nhà vòng cung với chiều dài phía trước hơn 77m và phía sau gần 90m gồm ba tầng lầu có 24 phòng học.

Trước đây, trường Lycée Yersin chuyên dạy chương trình Pháp. Các quan chức cai trị ở các địa phương khác gửi con em đến Đà Lạt theo học tại trường này. Trong đó có cả con em của những gia đình quyền quý, có địa vị xã hội ở các nước láng giềng như Lào, Cao Miên... cũng được gửi theo học tại đây.

Kiến trúc của trường Lycée Yersin không những có giá trị lịch sử đối với ngành kiến Việt Nam mà còn là công trình kiến trúc tiêu biểu của nhân loại trong thế kỷ XX duy nhất ở Đà Lạt. Ngày nay, trường Lycée Yersin đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là di tích kiến trúc quốc gia.

Chùa Linh Sơn

C hùa Linh Sơn được xem là một trong những danh lam bậc nhất của Thành phố hoa Đà Lạt. Chùa tọa lạc trên một ngọn đồi ở số 120 đường Nguyễn Văn Trỗi, cách trung tâm thành phố gần 1.000m về phía tây bắc.

Chùa Linh Sơn được khởi công xây dựng từ năm 1938 và khánh thành vào năm 1940, do công sức đóng góp của hai ông Nguyễn Văn Tiến, Võ Đình Dung và của nhiều gia đình Phật tử khắp nơi. Kiến trúc của chùa Linh Sơn mang phong cách Á đông giản dị và hài hòa giữa một khuôn viên rộng lớn có nhiều cây xanh cổ thụ cao thanh thoát như thông, bạch đàn, cây sao... Trước sân chùa là tượng Quan Thế Âm Bồ tát và tòa bảo tháp ba tầng có hình bát giác ở phía trái tòa chánh điện càng tạo nét uy nghiêm cho khung cảnh của ngôi chùa.

Ngôi chánh điện chùa Linh Sơn - Đà Lạt được bài trí trang nghiêm. Đáng chú ý là tượng Phật Thích Ca Mâu Ni đang tham thiền nhập định trên tòa sen được đúc bằng đồng từ năm 1952, có trọng lượng 1.250kg.

Từ lâu nay, chùa Linh Sơn - Đà Lạt là một trong những điểm du lịch tâm linh của nhiều Phật tử và là điểm tham quan được nhiều du khách yêu thích đến vãng cảnh, chiêm bái.

► Từ ngã năm Đại học theo đường Phù Đổng Thiên Vương đến khu du lịch đồi Mộng Mơ, Thung Lũng Tình Yêu và XQ Sử Quán.

Đồi Mộng Mơ

Khu du lịch đồi Mộng Mơ tọa lạc cạnh Thung Lũng Tình Yêu. Đây là một khu du lịch vừa mới được thành lập năm 2003, nhưng cũng đã trở thành một trong những điểm du lịch hấp dẫn của thành phố Đà Lạt.

Ngoài những mảng xanh như khu đồi, rừng thông, vườn hoa quý và lạ được chăm sóc tốt, khu du lịch đồi Mộng Mơ còn có nhiều công trình xây dựng được thiết kế đẹp. Qua khỏi cổng khu du lịch, du khách sẽ bắt gặp ngay tượng đài Đức Mẹ Maria đã được xây dựng từ lâu trong khu vực này và vẫn được tiếp tục lưu giữ trong khi phát triển thành khu du lịch. Bên cạnh đó là hồ Rong đang phun nước, khu vực hoa viên tượng đài mẹ Âu Cơ, Vạn lý trường thành thu nhỏ, ngôi nhà cổ Việt Nam, thác Vàng...

Ấn tượng nhất là khu Vườn thơ Hàn Mặc Tử. Các bức tường và lối vào được thiết kế xây dựng mang nét kiến trúc cổ kính. Trong vườn được trồng nhiều loài hoa kiểng quý có màu sắc rực

Hồ Rông trong
khu du lịch đồi
Mộng Mơ.



Tượng đài Đức Mẹ Maria trong
khu du lịch đồi Mộng Mơ.

Hoa viên tượng
đài mẹ Âu Cơ.





Cổng vào vườn thơ Hàn Mặc Tử.



Vườn thơ Hàn Mặc Tử.

rõ. Các bài thơ của nhà thơ Hàn Mặc Tử được khắc lên những tấm gỗ và treo khắp nơi trong vườn một cách đầy ấn tượng.

Một loại hình văn hóa thu hút nhiều du khách đến khu du lịch đồi Mộng Mơ chính là biểu diễn văn hóa công chiêng. Sân khấu công chiêng được thiết kế theo hình rẽ quạt. Khán đài là những bậc thang tam cấp rộng, có thể chứa khoảng 300 khán giả đến thưởng thức. Hàng ngày, khu du lịch đồi Mộng Mơ tổ chức biểu diễn văn nghệ công chiêng hai suất vào buổi sáng và chiều, gồm những ca khúc bằng tiếng Kinh và tiếng dân tộc, các điệu vũ công chiêng truyền thống đã từng gắn bó với đời sống sinh hoạt của bà con người dân tộc K'ho, mô phỏng lễ hội đâm trâu, lễ hội cầu mùa, lễ cúng nhà mới, lễ mừng lúa mới... Khách vẫn có thể tham gia sinh hoạt, múa hát cùng với các diễn viên người dân tộc trên sân khấu. Ở đây còn phục vụ du khách các món ăn đặc sản của Tây Nguyên như thịt nướng và rượu cần.

Khu du lịch này là một điểm rất thích hợp để tham quan được kết hợp cùng với khu du lịch Thung Lũng Tình Yêu và XQ Sủ Quán. Ngoài chức năng là một khu du lịch sinh thái bảo vệ môi trường xanh, không khí trong lành, một điểm vui chơi lý tưởng cho người dân địa phương và du khách, khu du lịch đồi Mộng Mơ còn là một không gian giúp bảo tồn các giá trị văn hóa công chiêng truyền thống.

XQ Sứ quán

XQ Sứ Quán là một trung tâm trưng bày nghệ thuật truyền thống được sắp đặt và trình diễn, nghệ thuật tranh thêu tay của các nghệ nhân... tọa lạc trong một khuôn viên rộng hai hecta trên đường Mai Anh Đào, đối diện khu du lịch Đồi Mộng Mơ và khu du lịch Thung Lũng Tình Yêu, thuộc phường tám, thành phố Đà Lạt. Trung tâm này do ông Võ Văn Quân và bà Hoàng Lệ Xuân thành lập vào cuối năm 2001.

Bà Hoàng Lệ Xuân xuất thân trong một gia đình gốc Huế chuyên thêu những sản phẩm phục vụ cho cung đình của nhà Nguyễn xưa. Bà đã thừa hưởng được những tinh hoa trong nghề truyền thống của dòng họ và phát huy sức sáng tạo trong nghệ thuật cho đến ngày nay. Chồng bà, ông Võ Văn Quân là một bác sĩ và là một họa sĩ tự học. Qua khả năng và sức sáng tạo nghệ thuật, ông Quân đã giúp cho ngành nghề thêu truyền thống của bà Xuân càng thêm thăng hoa và ngày càng phát triển mạnh. Và, họ đã lập nên những trung tâm tranh thêu tay nhằm nêu cao những giá trị làm nên văn hóa và nhấn mạnh đến vai trò của người nghệ sĩ.

Hiện nay, ngoài XQ Sử Quán Đà Lạt, tranh thêu XQ còn có cơ sở sản xuất ở Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Sài Gòn, nhằm mục đích duy trì ngành nghề truyền thống và tạo việc làm cho những người phụ nữ bình thường. Qua đó, chủ nhân của cơ sở tranh thêu tay XQ muốn đưa nghề thêu thoát khỏi phạm vi bó hẹp của nghề thủ công đơn giản và xây dựng những biểu tượng nghệ thuật mới của nghề này, đồng thời giới thiệu nghề thêu của Việt Nam đến với bạn bè quốc tế. Để từ đó, những nghệ nhân thêu cảm thấy tự hào khi gắn thân vào nghề này. Mỗi năm, XQ Sử Quán tổ chức cuộc thi bàn tay vàng dành cho tất cả nghệ nhân thêu XQ ở mọi miền đất nước về tham dự.

Qui trình sáng tạo và hoàn thành một tác phẩm tranh thêu phải trải qua nhiều giai đoạn. Sau khi họa sĩ vẽ một bức tranh, nghệ nhân thêu phải dùng kim để xăm theo đường nét vẽ xuống vải và dùng bột trắng chà lên để lấy nét thêu với các thể loại thêu như chân dung, phong cảnh, quê hương, hoa cỏ; và khó nhất là kỹ thuật thêu hai mặt. Từ đó, nghệ nhân thêu sẽ thể hiện sức sống, khả năng sáng tạo như: gương mặt góc cạnh chất chứa nội tâm của một con người, nét xù xì trên gương mặt người mẹ có cuộc đời gian khổ nhưng lại chứa đựng một niềm hy vọng tương lai tốt đẹp cho con, những vườn hoa đầy sức sống tinh nguyên và thanh khiết, sự tinh tế của ánh sáng mặt trời, của mây trời, của sóng biển, của phố núi sương giăng... và cả con phố nghèo sâu hút. Khó là thế, nhưng người nghệ nhân thêu phải thể hiện hết tính chất bên trong và cái gốc của sự vật qua mỗi tác phẩm của mình.



Nghệ nhân XQ đang thêu tranh.

Quang cảnh trong cuộc thi Bàn tay vàng của nghệ nhân thêu XQ.



Du khách đến XQ Sử Quán sẽ được hướng dẫn tham quan các khu vực như Nhà truyền thống tranh thêu XQ, Bảo tàng tranh thêu XQ trưng bày những tác phẩm đặc sắc nhất, khu phố nghệ thuật, vườn tri kỷ, khu giới thiệu nghệ thuật thêu của XQ... Những không gian đầy ấn tượng nơi đây như phòng trưng bày những quan niệm triết lý của ngành nghề để thấy được giá trị dân thân của nghệ nhân thêu; đền thờ Vũ khí xây dựng hòa bình với vật thờ của ngành nghề là cây kim và triết lý của nghề thêu: “Chữ nhân thường thêu mãi vẫn run tay”, nhằm khẳng định đức tin của nghệ nhân thêu và giá trị tuyệt đẹp của cuộc đời; vườn thơ là nơi mỗi chiều nghệ nhân thêu XQ đến để đọc thơ và chiêm nghiệm để tìm cảm xúc sáng tạo mới; căn nhà “Du ca” là nơi trưng bày tranh và chân dung của một số nghệ sĩ văn hóa Việt như: nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, nhạc sĩ Văn Cao, họa sĩ Bùi Xuân Phái, Bùi Giáng...

Đặc biệt và ấn tượng hơn nữa là khu vực Agora hay còn gọi là nơi XQ bày tỏ là quảng trường trưng bày những tác phẩm sáng tạo, sắp đặt của họa sĩ XQ. Qua đó, người thưởng lãm sẽ thấy được chân dung của người nghệ sĩ và những nghệ nhân sẽ được học tập để nâng cao bản thể, nhân cách của người thợ.

Ngày nay, nghề thêu truyền thống của Việt Nam đã phát triển mạnh và đã đạt được đến trình độ kỹ thuật cao. Những sản phẩm thêu của Việt Nam được giới thiệu ra thị trường thế giới và khách hàng quốc tế vẫn lầm tưởng đó là sản phẩm tranh thêu của Trung Quốc. Do đó, XQ Sử Quán được xây dựng cũng nhằm mục đích khẳng định khả năng nghệ thuật thêu của Việt Nam đang ở tầm cao mới.

Thung lũng Tình Yêu

Thung Lũng Tình Yêu là một thắng cảnh nổi tiếng nằm cách trung tâm thành phố khoảng 5km về phía bắc, đã trở nên rất quen thuộc đối với nhiều người khi nhắc đến Đà Lạt. Thắng cảnh thung lũng này được tạo thành do việc đắp đập ngăn dòng chảy của các con suối nhỏ từ những ngọn đồi xung quanh, tạo nên một hồ lớn là Đa Thiện từ năm 1972.

Thung Lũng Tình Yêu chìm sâu giữa những triền đồi với những rừng thông xanh biếc một màu. Đứng trên đỉnh đồi nhìn xuống, Thung Lũng Tình Yêu đẹp như một bức tranh tuyệt vời có những hồ nước phẳng lặng uốn lượn quanh những quả đồi, những con đường quanh co hướng du khách rẽ đến nhiều nơi để chiêm ngưỡng đầy đủ vẻ đẹp thiên nhiên của danh thắng này ở nhiều góc độ khác nhau. Xa xa là đỉnh Lang Bian thấp thoáng, ẩn hiện trong làn sương giăng.

Khi người Pháp đến Đà Lạt, họ đặt tên cho thung lũng là Vallée D'Amour. Dưới thời vua Bảo Đại, thắng cảnh này được gọi là thung lũng Hòa Bình. Năm 1953, Chủ tịch Hội đồng thị



Thung Lũng Tình Yêu.

Du khách đang vui chơi tại Thung Lũng Tình Yêu.



xã Nguyễn Văn có chủ trương thay đổi một số tên địa danh và tên đường phố từ tiếng nước ngoài trở thành tên Việt để thể hiện bản sắc văn hóa độc lập của dân tộc và tên gọi cũ của người Pháp là Vallée D'Amour được dịch sang tiếng Việt là Thung Lũng Tình Yêu. Tên gọi này tồn tại đến nay.

Ngày nay, Thung Lũng Tình Yêu đã là nơi tham quan, hẹn hò lý tưởng của du khách và những đôi lứa yêu nhau. Ngồi dựa lưng vào gốc thông trên những quả đồi để thả hồn theo những làn mây bay mà cảm nhận sự gần gũi của đất trời bao la, hay cùng người thân yêu đắm mình vào cõi riêng giữa không gian yên ắng của mặt hồ bằng canô du ngoạn đến một thế giới riêng để thấy được cõi lòng mình với thiên nhiên. Tất cả những cảm xúc đó sẽ mang lại cho con tim du khách cảm giác xao động một lần đến Đà Lạt.

Nhà thờ Domaine De Marie

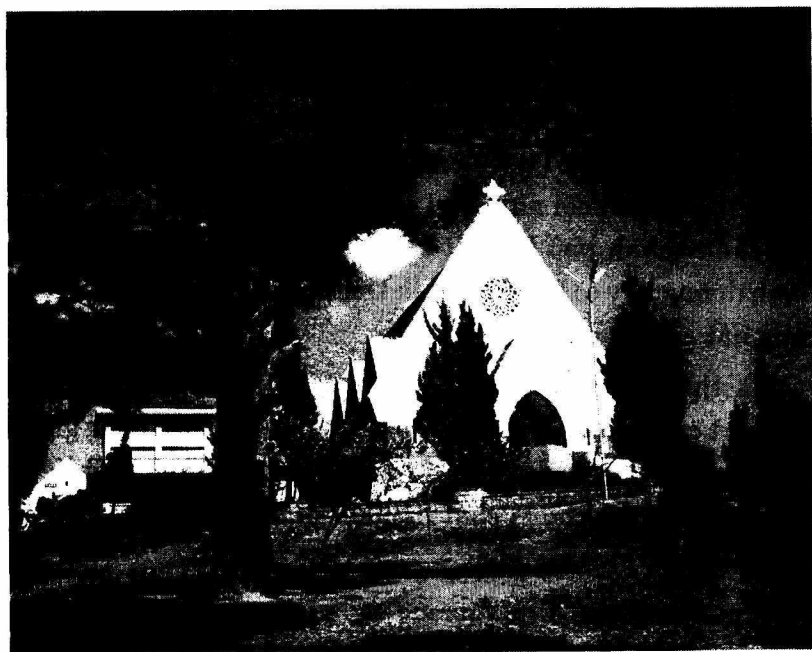
Nhà thờ Domaine tọa lạc trên đồi Mai Anh nằm ở khu Lam Sơn, tại số 01 đường Ngô Quyền, phường sáu, Đà Lạt. Nơi đây cũng là Tu viện nữ tử Bác Ái Vinh Sơn có nguồn gốc ở Pháp. Ngọn đồi này có vị trí rất lý tưởng để ngắm nhìn toàn cảnh thành phố Đà Lạt trong sương, trong nắng. Ngôi thánh đường này có tên đầy đủ là Domaine de Marie, nghĩa là Vùng đất của Đức Bà.

Nhà thờ Domaine de Marie do Phu nhân Nee Suzanne Humbert của Toàn quyền Jean Decoux đứng ra vận động giáo dân đóng góp để xây dựng từ những năm 1938-1943. Vật liệu để xây dựng được cho là chất liệu kết dính như vôi, mật mía và nhiều chất phụ gia khác.

Hiện nay, trong khu vực của ngôi thánh đường này còn có phần mộ của bà Nee Suzanne Humbert. Khi bà mất, người ta đã thực hiện tâm nguyện của bà khi cho xây dựng

ngôi thánh đường này là: được chôn trong khuôn viên nhà thờ Domaine de Marie.

Trong khuôn viên nhà thờ có trồng rất nhiều loài hoa quý được các Soeur chăm sóc rất đặc biệt. Đây cũng là nơi các Soeur nuôi dạy nghề thêu, đan và nấu ăn cho các trẻ em nghèo và người dân tộc. Ngoài ra, nơi đây còn được trưng bày nhiều mặt hàng lưu niệm có ý nghĩa do chính các nữ tu và các em làm để phục vụ du khách đến Đà Lạt.



Nhà thờ Domaine de Marie.

Từ nhà thờ Domaine, du khách có thể theo đường Ngô Quyền đi đến Phân viện Sinh Học, núi Lang Bian, Thung lũng Vàng, hồ Suối Vàng - thác Ankroet; hoặc có lối đi thẳng đến các khu du lịch: đồi Mộng Mơ, Thung Lũng Tình Yêu, XQ Sứ Quán...

Phân viện Sinh học

P

hân viện Sinh học Đà Lạt còn được là Bảo tàng thiên nhiên Tây Nguyên trực thuộc Viện Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia, tọa lạc tại số 116 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường bảy, thành phố Đà Lạt. Bảo tàng là một căn nhà bốn tầng, có 115 phòng, được thành lập từ năm 1985.

Phân viện Sinh học Đà Lạt có chín phòng được tổ chức trưng bày các hiện vật gồm động vật và thực vật của các tỉnh Tây Nguyên từ năm 1990. Các loài thực vật đang được nghiên cứu và trưng bày tại đây gồm các loại lan và cây cảnh với khoảng 400 loài. Động vật được trưng bày cũng rất phong phú theo từng bộ, lớp như: bộ gặm nhấm gồm nhím đuôi ngắn, dúi mốc lớn, sóc bay, sóc chân vàng, sóc nâu; bộ linh trưởng gồm culi nhỏ, voọc vá chân đen, voọc bạc, khỉ cộc, vượn đen; lớp lưỡng thê bò sát như các loài rắn, tò te, thằn lằn, kỳ nhông, cá sấu, trăn, vích, đồi mồi, kỳ đà, rùa núi viên... cùng các loài thú quý



Các loài động vật của rừng núi Cao Nguyên đang được trưng bày ở Viện Sinh học Đà Lạt.



Hai hai mô hình vũ trụ và mô hình sao kim, sao hỏa ở Viện Sinh Học Đà Lạt.



hiếm: tê giác, bò xám, bò tót, trâu rừng, cà toong, voi, hổ, gấu, vượn đen, hoẵng, nai, cheo cheo, lợn rừng, chó sói, gà gô, tê tê... và một số lớp khác như lớp chim và các loài côn trùng.

Đặc biệt, tại phòng tham quan đầu tiên còn được trưng bày hai mô hình: mô hình vũ trụ và mô hình sao kim, sao hỏa. Du khách đến tham quan sẽ được giới thiệu về sự vận hành của các hành tinh trong vũ trụ, sự hoạt động của tàu vũ trụ và vệ tinh nhân tạo.

Nơi tầng ba và tầng bốn của Phân viện Sinh học Đà Lạt là nơi nghiên cứu về thực vật: chiết tách các thành phần của cây thông lá đỏ để lấy chất chống ung thư; nuôi cấy các loài mô lan và hoa kiểng; nghiên cứu nuôi trồng nấm để đưa ra phương pháp, kỹ thuật phổ biến phục vụ đời sống người dân như: nấm rơm, nấm mỡ...

Mục đích của Phân viện Sinh học Đà Lạt nhằm tuyên truyền bảo vệ môi trường sống và cấm săn bắt thú rừng, phục vụ nhu cầu tham quan của du khách cũng như việc nghiên cứu học tập cho học sinh và sinh viên.

Từ Phân viện Sinh Học đi thẳng đến khu du lịch núi Lang Bian. Trên con đường này có ngã ba, quẹo trái đi khoảng hơn 10km đến khu du lịch Thung lũng Vàng.

Khu du lịch Thung lũng Vàng

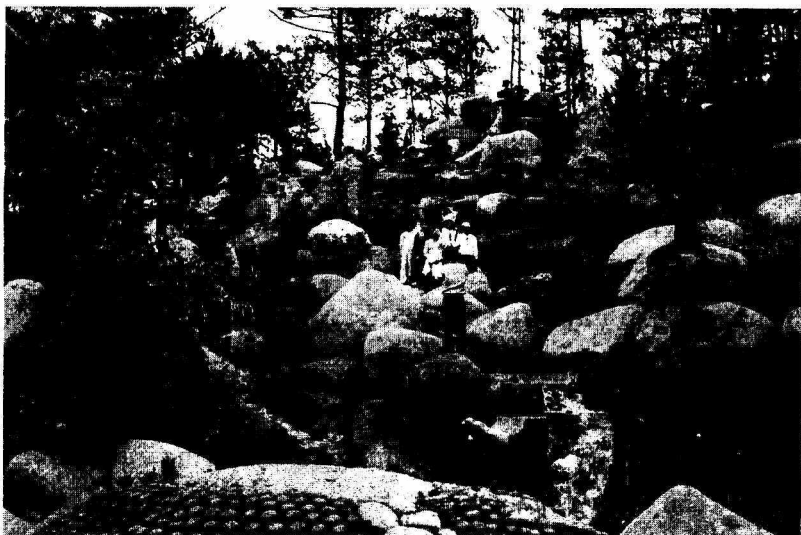
Khu du lịch Thung lũng Vàng tọa lạc trong khuôn viên của nhà máy nước Đà Lạt - Dankia. Đây là công trình hợp tác giữa Việt Nam và Đan Mạch được khởi công xây dựng ngày 20-4-1982 và hoàn thành ngày 01-7-1984.

Khu du lịch này mới được khai thác và đưa vào phục vụ du khách. Tuy nhiên, nơi đây thu hút du khách rất đông bởi địa hình đồi núi và hồ Suối Vàng - Dankia tạo cho khung cảnh càng thêm lãng mạn. Quanh khu du lịch là các triền đồi với nhiều rừng thông xanh ngát, cao vút. Trên một đỉnh đồi cao còn có một dòng thác nhân tạo Long lân qui phụng và suối Đỗ Quyên. Bên cạnh đó còn có các khu vực vui chơi như hồ Luống nghi, vườn đá cảnh, vườn bonsai, Đại viên cảnh...

Du khách rất thích lên đồi ngồi thả hồn theo những làn mây trắng bay thấp thoáng trên những ngọn thông, hoặc phóng tầm mắt theo dòng suối Vàng xa xa dưới chân đồi. Đi dạo bên những hàng thông trên đồi cũng là sở thích của rất nhiều du khách đến Đà Lạt.



Một góc ở khu du lịch Thung lũng Vàng.



Thác nhân tạo Long lân qui phụng.

Từ khu du lịch Thung lũng Vàng tiếp tục đi đến hồ Suối Vàng và thác Ankroet khoảng 3km.

Hồ Suối Vàng

Hồ Suối Vàng là một thắng cảnh nổi tiếng của tỉnh Lâm Đồng nằm cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng hơn 12km về phía bắc, đi theo đường Lạc Dương. Đây là nơi đầu tiên bác sĩ Alexandre Yersin đã từng ngắm ngó trước vẻ đẹp thơ mộng đến kỳ lạ của thiên nhiên ban tặng cho miền đất này: một hồ lớn chạy dài dưới chân dãy núi Lang Bian hùng vĩ, những đồi cỏ rộng thênh thang, mặt hồ lãng đãng khói sương và những rừng thông xanh mơn mớn soi bóng xuống mặt hồ lúc nắng lên. Nhưng sau khi khảo sát kỹ, người Pháp nhận thấy rằng: khí hậu, địa thế vùng này không thuận lợi bằng Đà Lạt. Vì thế, cho đến nay vùng hồ Suối Vàng vẫn còn hoang sơ.

Hồ Suối Vàng bao gồm hai hồ: Dankia ở thượng nguồn và Ankroet ở hạ nguồn. Hồ này được tạo bởi hai đập ngăn dòng chảy của sông Đa Dung, bắt nguồn từ núi Lang Bian. Bên cạnh đó còn có thác mang tên Ankroet đổ nước ào ạt suốt ngày đêm. Nhưng dòng thác chỉ hoạt động vào tháng mưa nhiều,



Phần thượng nguồn của hồ Suối Vàng ở dưới chân núi Lang Bian.

nước tràn đập chảy xuống thung lũng tạo thành dòng thác hùng vĩ.

Năm 1942, Toàn quyền Decoux đã chọn thác Ankroet làm nơi xây dựng nhà máy thủy điện đầu tiên tại Đà Lạt. Ngày nay, nguồn nước phục vụ cho người dân Đà Lạt và du khách đến thành phố này chính là nguồn nước từ Suối Vàng. Ngoài ra, nguồn nước hồ Suối Vàng còn được dùng để chạy máy phát điện cho nhà máy thủy điện Ankroet.

Tên Suối Vàng đến nay vẫn còn chưa xác định được do ai đặt và có từ khi nào. Tuy nhiên, có giả thuyết được kể lại rằng, trước đây vùng đất của dòng suối này có nhiều sa khoáng lẫn trong cát. Đến hồ Suối Vàng, dù ở thượng nguồn hay phần hạ nguồn, du khách được ngắm nhìn thiên nhiên

đất trời Đà Lạt một cách tuyệt vời nhất: những rừng thông xanh thắm điểm nét cho những quả đồi tròn trịa chạy dần xa tít, dãy Lang Bian duyên dáng đến kiêu hãnh như thiếu nữ sắp tuổi đôi mươi đầy sức sống, dưới chân du khách là dòng nước hồ hững chạy uốn quanh những chân đồi...

Vì thế, đến hôm nay, vùng Dankia - Suối Vàng vẫn là thắng cảnh hữu tình đầy quyến rũ đối với rất nhiều du khách và các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Nơi đây vẫn còn nhiều bản làng của đồng bào dân tộc đang sinh sống và lưu truyền các truyền thống phong tục tập quán của dân tộc, rất lý tưởng cho các nhà nghiên cứu văn hóa và dân tộc học.

Dự án thành phố lãng mạn (Romantic Town)



ề án xây dựng khu du lịch tổng hợp Dankia - Suối Vàng mang tầm vóc quốc tế trên diện tích hơn 5.000 hecta được bốn nhà đầu tư danh tiếng của Nhật Bản gồm Mitsubishi, Limtec, Mitsui và Sumitomo dự kiến khởi công xây dựng trong năm 2006. Tổng vốn đầu tư dự kiến khoảng 1,2 tỉ USD.

Khu du lịch tổng hợp thơ mộng và sang trọng này sẽ được phủ đầy hoa cỏ với vườn hoa hồng đẹp nhất thế giới trên diện tích khoảng một ngàn hecta, gồm năm triệu cây hoa hồng từ hàng trăm chủng loại dành cho du khách tham quan thưởng lãm và xuất khẩu đi các nước. Điểm nhấn ấn tượng của Thành phố lãng mạn là hoa được phủ đầy trên địa hình có sẵn của vùng Dankia - Suối Vàng này như hồ nước, đồi núi, rừng thông... nhằm tạo sức sống mới cho một nền tảng kiến trúc kiên cố vừa cổ kính vừa hiện đại vốn có của thành phố. Bên cạnh đó là hàng chục ngàn công trình kiến trúc mọc lên giữa rừng hoa

như biệt thự, trung tâm dưỡng lão, nhà thờ, tu viện, trung tâm văn hóa, thể thao, khách sạn, nhà hàng, trường học, bệnh viện, nhà hát, khu vui chơi giải trí...

Khu du lịch tổng hợp Thành phố lãng mạn mang nét kiến trúc chủ đạo của châu Âu, nhằm bức phá tính bình dân vốn có để thay vào đó là vẻ đẹp sang trọng quý tộc của thành phố du lịch nổi tiếng này. Các nhà đầu tư cho khu du lịch tổng hợp Dankia - Suối Vàng so sánh vẻ đẹp của Đà Lạt giống như vẻ đẹp trong tác phẩm Tuyết Nối của nhà văn Nhật Bản Hayashi Himiko.

Núi Lang Bian

Núi Lang Bian còn được gọi là núi Bà hay núi Lâm Viên, cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 12km, thuộc xã Lát, huyện Lạc Dương. Núi có độ cao khoảng 2.169m, đứng thứ hai sau đỉnh Bidúp (theo ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số, Bidúp có nghĩa là té ngựa) cao 2.287m và đỉnh núi Khổng Lồ (Nhút) là ba đỉnh núi lớn gắn liền với nhiều truyền thuyết của người dân trong hệ thống núi non Đà Lạt. Núi Lang Bian và núi Khổng Lồ thuộc huyện Lạc Dương, còn núi Bidúp thuộc huyện Đơn Dương giáp với tỉnh Ninh Thuận. Đây là ba ngọn núi tạo nên nhiều nguồn cảm hứng sáng tạo hội họa và thi ca.

Lang Bian đã khắc ghi kỷ niệm mối tình chung thủy của chàng Lang và nàng Bian với truyền thuyết lưu truyền rằng: “Thuở xưa, có người con trai tên Lang là tù trưởng của người Lát ở làng La Ngư Thượng (Đà Lạt ngày nay) đem lòng yêu người con gái tên gọi Bian, là con gái của tù trưởng người Chink. Do luật tục khắc khe, hai người khác bộ tộc không được cưới nhau nên nàng Bian không cưới được chàng Lang làm chồng. Hai người nguyện suốt đời bên nhau nên chọn cái chết để giữ trọn tình, đồng thời thể hiện sự phản đối đối với tục lệ cổ hủ do con người làm ra.

Khi hai người chết đi, cha của nàng Bian mới nhận ra sai lầm. Ông tỏ ra hối hận và đứng lên thống nhất các bộ tộc người Chink, Lachr và Sré... hợp nhất thành dân tộc K'hor. Từ đó, các thanh niên nam nữ trong các bộ tộc dễ dàng yêu nhau và đi đến hôn nhân". Để ghi nhớ sự kiện lịch sử đó, các bộ tộc này quyết định chọn dãy núi này mang tên hai người: Lang-Bian.

Truyền thuyết của người Lachr kể thêm rằng: "Yang (Trời) thương cho mối tình chung thủy của Lang và Bian, nên sai một vị thần tên Lombiêng (phát âm trại từ Lang Bian) xuống trần chăm sóc dãy núi này.

Thuở đó, ba ngọn núi Lang Bian, Khổng Lô và Bidúp ở cạnh nhau. Thần Lombiêng ra sức xây đắp cho ngọn Lang Bian càng cao thêm làm trung tâm định cư của người K'ho và Lachr. Trong công việc này, thần Lombiêng nhờ ông Khổng Lô và người bạn Bidúp hỗ trợ, nhưng chàng Bidúp vốn tính ích kỷ và tham ăn nên bị thần Lombiêng phạt cho một phát văng xuống phía biển. Do đó, núi Bidúp ngày nay nằm ở vị trí giáp với tỉnh duyên hải Ninh Thuận".

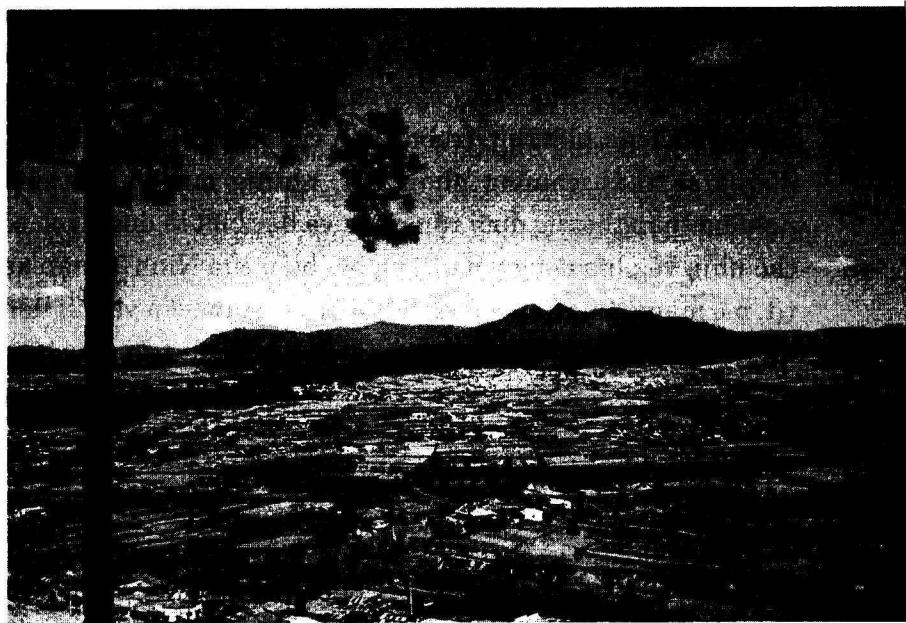
Tên núi Bà xuất hiện vào những năm người Kinh lên miền Sơn quốc này lập nghiệp. Truyền thống của người Kinh khi di cư đến một miền đất mới thường mang theo những tập tục tính ngưỡng của địa phương, tên của những vị thánh thần mà họ đang thờ kính kết hợp với truyền thuyết của dân bản địa để đặt tên địa danh những vùng đất mới trong quá trình mở đất lập nghiệp. Từ đó, núi Lang Bian trở thành núi Lâm Viên hay núi Bà. Năm 1963, người ta tin rằng, núi Bà là nơi Bồ tát



Núi Lang Bian,
núi có đỉnh cao
nhất trong hình.



Cưỡi ngựa lên đỉnh
núi Langbian.



Quan Âm hiện đến để cứu chữa cho hàng ngàn người dân Đà Lạt khỏi bệnh trong phong trào đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo ở chế độ của Ngô Đình Diệm. Và tên núi Bà xuất hiện từ đó.

Ngày nay, núi Lang Bian là địa điểm thích hợp cho các hoạt động thể thao leo núi, nhảy dù lượn, nghiên cứu các loài động thực vật và là điểm nghiên cứu lý tưởng của các nhà dân tộc học và các nhà văn hóa, bởi các dân tộc bản địa thuần nhất vẫn đang tập trung sinh sống tại chân núi này. Mặc dù ba dãy núi này không nằm trong địa phận thành phố Đà Lạt, nhưng lịch sử của nó luôn gắn liền với lịch sử phát triển của các dân tộc nơi đây: Chink, Lachr và Sré...

Đứng trên đỉnh Lang Bian vào những ngày nắng đẹp, du khách có dịp chiêm ngưỡng toàn cảnh thành phố Đà Lạt thơ mộng với những thung lũng và dòng suối, những ngọn đồi xanh như một vùng thảo nguyên mênh mông, những công trình kiến trúc: biệt thự, trường học, cao ốc, những ngôi thánh đường có tháp chuông nhọn vút, những mái chùa thâm nghiêm thấp thoáng dưới rặng cây; và đặc biệt là du khách có thể nhìn về phía đông với những bãi biển của Ninh Thuận xa tít, mơ màng. Lúc này, du khách sẽ thấy cảnh biển và núi liên kề với nhau, như một viễn cảnh tốt đẹp của đất trời giao hòa.

» Cách khu du lịch núi Lang Bian khoảng 1 km có ngã tư, rẽ trái đi khoảng hơn 3km đến thượng nguồn suối Vàng - Dankia.

Thác Camly

*“Đà Lạt có thác Cam Ly,
Có hồ Than Thở, người đi sao đành”.*

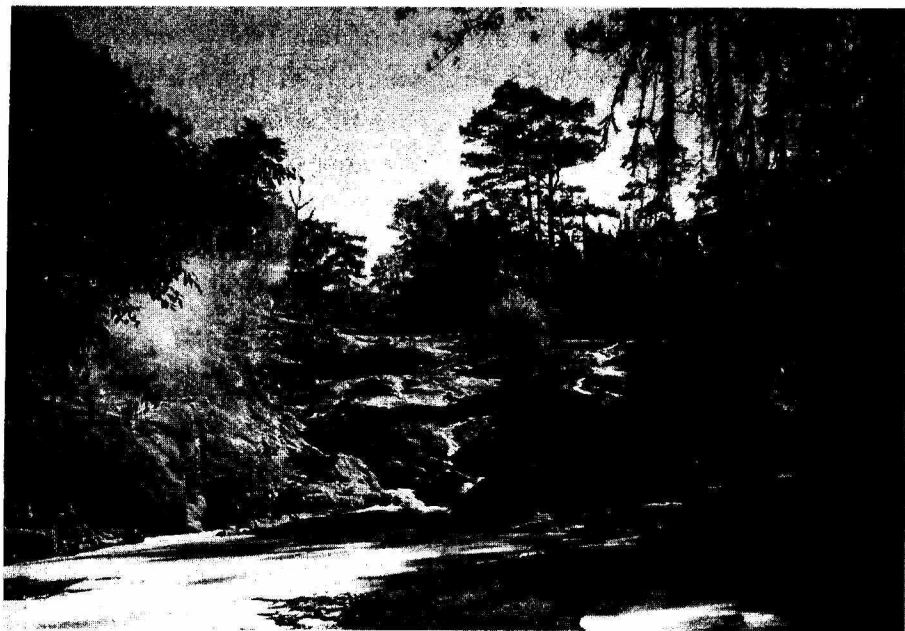
(Thơ ca nói về Đà Lạt - sưu tầm)

Thác Cam Ly cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 3.000m, là dòng nước từ hồ Xuân Hương đổ về, chảy qua những tảng đá hoa cương nằm thoải thoải. Ở phía bắc của hồ Xuân Hương có một dòng thác nhỏ đưa nước vào hồ và một dòng thác nhỏ ở phía nam của hồ lại dẫn nước từ hồ chảy qua chân cầu rồi lượn về phía tây đến thác Cam Ly. Chân cầu này là đập điều hòa mực nước của hồ Xuân Hương. Cả hai dòng thác ở phía bắc và phía nam đều có tên gọi Cam Ly.

Thuở trước, vùng đất có thác Cam Ly và hồ Xuân Hương hiện nay có ba tộc người cư trú: Lachr, Chink và K'ho. Tên thác Cam Ly do phát âm trại từ âm “K'MLy”. Đây là tên của một tù trưởng người K'ho. Khi vị tù trưởng này mất, người dân của tộc người K'ho lấy tên ông đặt cho vùng đất có con suối đi qua mà họ xem là quê hương của họ, đồng thời ghi nhớ công ơn của ông K'Mly đối với bộ tộc.

Nhìn từ xa, thác Cam Ly có hình dáng giống như một con rồng đang nằm uốn khúc giữa một khung cảnh thiên nhiên đầy thơ mộng và lãng mạn. Tuy nhiên, thác Cam Ly chỉ có được vẻ đẹp hấp dẫn vào mùa mưa với dòng thác chảy cuộn cuộn đầy sống động.

Thác Cam Ly.



» Trên đường đến thác Cam Ly, du khách sẽ gặp ngã ba đường Huyền Trân Công Chúa bên tay trái cách thác Cam Ly khoảng 1km. rẽ trái, đi theo đường Huyền Trân Công Chúa khoảng hơn 1.000m đến nhà thờ cổ Du Sinh.

Nhà thờ Cổ Du Sinh

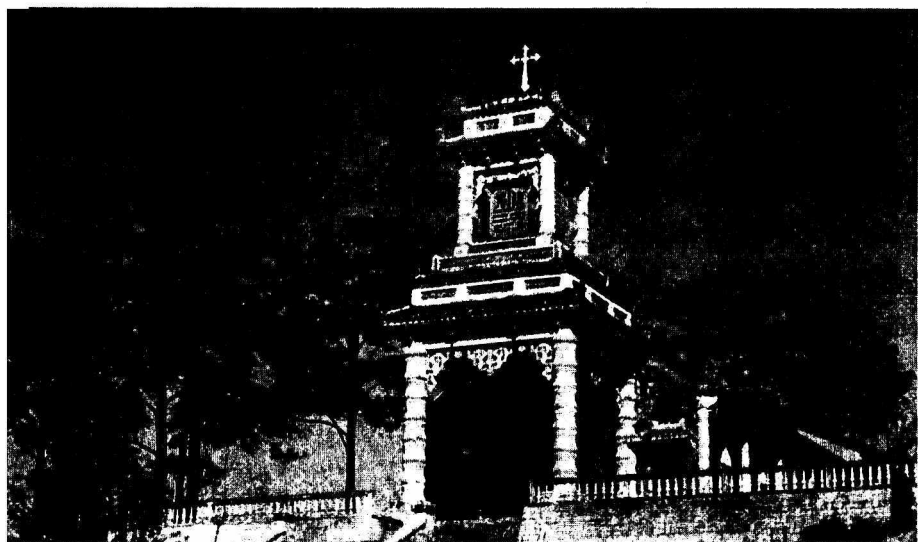
Nhà thờ cổ Du Sinh tọa lạc trên một ngọn đồi thuộc số 12B đường Huyền Trân Công Chúa, thành phố Đà Lạt. Ngôi thánh đường cổ này được xây dựng tạm năm 1955, do Linh mục Thiên Phong Bửu Dưỡng thành lập cho bà con giáo dân di cư từ miền Bắc vào. Bảo là “xây tạm”, bởi vì vị Linh mục này có mơ ước xây dựng một ngôi thánh đường mang nét kiến trúc Á đông, nhưng Cha phải vâng lời chuyển công tác quá sớm nên giấc mơ không thành.

Linh mục Thiên Phong Bửu Dưỡng là con cháu của các vua triều Nguyễn. Sau một gian theo tu học ở các ngôi chùa Phật giáo, Cha gia nhập đạo Thiên Chúa và theo tu học ở dòng thánh Đa Minh, rồi được tấn phong chức Linh mục.

Ngôi nhà thờ tạm cổ vẫn tồn tại cho đến nay với lối kiến

trúc Á đông. Bốn trụ cột của tháp chuông và các cột chính của nhà thờ được làm bằng gỗ, được chạm khắc như hình dáng của cây tre, cây trúc, là hình ảnh thân thương của người Việt. Đường kính của mỗi “cột tre, cây trúc” khổng lồ này khoảng 40cm. Trên thân mỗi cây cột đều được khắc các dòng Kinh thánh hay Thánh vịnh bằng chữ Nôm.

Hiện nay, nhà thờ cổ Du Sinh đã xuống cấp nhiều và đang được có kế hoạch trùng tu xây dựng lại nhưng vẫn được duy trì lối kiến trúc độc đáo nguyên thủy. Tuy nhiên, đây vẫn là một điểm tham quan thu hút rất nhiều du khách nước ngoài đến Đà Lạt và các du khách quan tâm đến văn hóa kiến trúc cổ.



Nhà thờ cổ Du Sinh.

Hồ Than Thở

Tên hồ đã có trên 200 năm qua, kể từ khi người Việt đặt chân lên miền sơn cước này. Thuở ban sơ, hồ Than Thở chỉ là một hồ nhỏ. Khi người Pháp đến đây phát triển thành phố Đà Lạt, họ cho xây đập chặn nước tạo thành hồ tích nước và đặt tên là Lac des Soupirs. Sau Sắc lệnh số 143/NV ngày 22-10-1956, hồ này được trở lại tên cũ là: Than Thở. Ngoài ra, hồ còn có tên gọi Sương Mai, do buổi sáng sương phủ kín mặt hồ tạo nên cảnh thơ mộng đầy huyền ảo. Nhưng người dân Đà Lạt và du khách vẫn quen gọi là hồ Than Thở gắn liền với bao truyền thuyết bí ẩn.

Hồ Than Thở nằm trên đồi cao, giữa rừng thông bát ngát cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 6km. Cảnh vật nơi đây im vắng, mặt hồ phẳng lặng, tiếng gió reo vi vu qua rừng thông như nức nở khóc thương cho những cuộc tình tan vỡ, mà những câu chuyện của họ đã kết thành truyền thuyết còn lưu lại đến ngày nay.

Có truyền thuyết kể rằng: “Bên hồ nước xanh biếc giữa núi rừng Langbian, chiều chiều có đôi tình nhân Hoàng Tùng và Mai Nương hẹn hò kết mộng, chờ ngày nên duyên. Họ là

người Việt ở miền đồng bằng theo cha mẹ lên đây lập nghiệp và gặp nhau quyến luyến như trâu với cau giữa miền Sơn quốc này.

Năm 1879, vua Quang Trung từ Huế kéo quân ra Bắc đánh đuổi quân xâm lược nhà Mãn Thanh. Dịp này, nhiều nghĩa sĩ khắp nơi từ đồng bằng đến miền sơn cước, từ trấn Gia Định đến đất Thuận Hóa đều tòng quân tham gia đánh giặc, bảo vệ bờ cõi đất nước. Nơi vùng rừng núi Langbian của Sơn quốc này, chàng Hoàng Tùng cũng chia tay nàng Mai Nương để đầu quân theo tiếng gọi của núi sông.

Nơi quê nhà, nàng Mai Nương ngày đêm trông ngóng bóng dáng người yêu trở về. Người không về nhưng tin buồn lại đến: Hoàng Tùng đã hy sinh nơi chiến trường. Lòng đau đón đến tuyệt vọng, nàng đã trẫm mình trong lòng nước xanh, quyết chết theo chàng để giữ vẹn tình chung. Xác nàng được chôn cất cạnh hồ.

Mấy tháng sau, Hoàng Tùng thắng trận trở về. Cảnh cũ còn đây nhưng người yêu đã mất, chàng đau khổ đến tận cùng nên gieo mình xuống hồ nước chết theo nàng Mai Nương để minh chứng cho lòng chung thủy sắt son.

Cách hồ Than Thở một con đường là đôi thông làm nơi yên nghỉ của nhiều người, cũng là nơi ghi dấu một thiên tình sử bi thương: “Tâm gốc người Vĩnh Long, là học viên của trường Võ bị Đà Lạt đem lòng yêu thương cô giáo Lê Thị Thảo người Đà Lạt. Mỗi ngày từ bãi tập về, Tâm thường ghé vào ngôi nhà cạnh hồ Than Thở và đặt một lá thư tỏ tình dưới mái tranh.

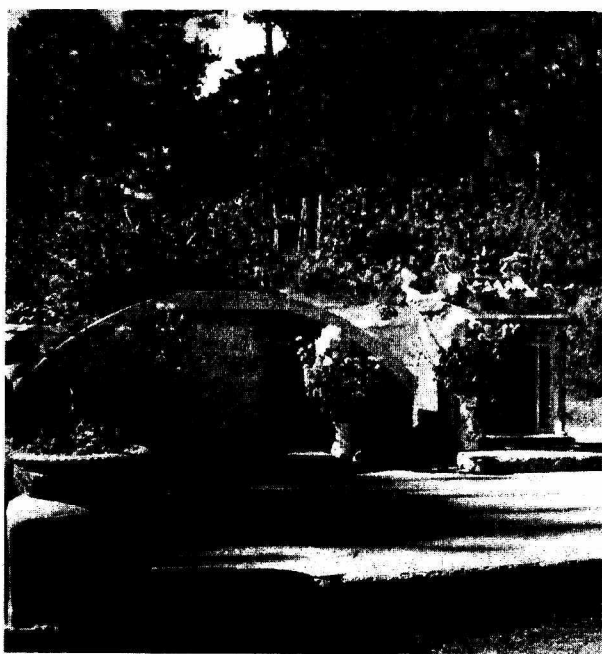
Buổi chiều đi dạy về, Thảo mở thư của chàng ra xem và đặt thư hồi âm của nàng vào chỗ cũ. Nàng nhận lời chàng, hai người yêu nhau tha thiết. Bên bờ hồ Than Thở, họ hẹn ngày kết duyên cau trầu.

Gia đình Tâm biết được chuyện tình con trẻ đành ngăn cấm. Tâm ra lính, nàng ở lại quê nhà chờ ngày Tâm trở về nên duyên. Vào một ngày kia, nàng nhận được tin báo chàng đã tử trận. Quá đau lòng cho duyên phận mình, Thảo ra bờ hồ nơi hai người vẫn thường hò hẹn khóc thương cho mối tình đầu đã sớm chia ly, rồi nàng gieo mình xuống hồ nước để giữ trọn tiết trinh với người mình yêu.

Hồ Than Thở.



Cuộc đời lăm mưu toan với kịch bản do con người dàn dựng, Tâm từ chiến trường trở về đi tìm người yêu và nhận được hung tin: nàng vì mình mà chết. Không còn gì đau đớn bằng, Tâm vội trở lại đơn vị. Sau đó, chàng cũng đã hy sinh trong một trận chiến khốc liệt. Biết tâm nguyện chung thủy của chàng với người yêu, người ta đã đem xác chàng chôn cạnh mộ nàng như lời xưa hẹn ước. Ít lâu sau, gia đình Tâm cải táng mộ chàng về quê cũ, bỏ lại mộ nàng đơn côi dưới rừng thông oán than mỗi khi chiều về”. Hiện nay, du khách đến tham quan hồ Than Thở thường tìm đến viếng mộ cô Thảo, gởi chút hương hoa cho người con gái bạc mệnh như một sự chia sẻ chân thành cho mối tình tan thương ấy.



Mộ cô giáo
Lê Thị
Thảo.

Từ đó, mỗi buổi hoàng hôn ngàn thông reo vi vu như khúc
nguyên cầu gởi người đã khuất, như lời thở than thương cho
nỗi tình hợp tan, như lời tán dương dành cho những người
mòn vì nước trợn tình.

*“Hồn thiêng em hãy đợi chờ,
Mặt hồ Than Thở bây giờ là đây”*

Hiện nay, ngay cạnh phần mộ của cô giáo Lê Thị Thảo có
ngôi miếu nhỏ đặt bài vị thờ và tấm bia mộ ghi ngày mất của
cô Thảo: 15-3-1956. Bên trong ngôi miếu có khắc bài thơ như
lời điệu văn thương tiếc nàng:

*“Nước biển non xanh dù biến đổi,
Mối tình chung thủy Thảo trong Tâm.
Chiều chưa xuống mà nắng vàng đã vội tắt,
Đêm chưa về có đã đắm sương.
Cả núi rừng ngấn lệ tiếc thương,
Cho mối tình ngang trái của
Đôi uyên ương không thành”.*

Văn hóa công chiêng Tây Nguyên

Di sản phi vật thể của nhân loại

Nhạc cụ của các dân tộc Tây Nguyên rất độc đáo, rất phong phú và đa dạng về nhạc cụ, về âm điệu, về chức năng. Có loại làm bằng tre nứa, có loại làm bằng kim loại và thời xa xưa còn có những bộ đàn đá. Có loại nhạc cụ khi chơi phải gõ bằng tay hoặc dùi, có loại thổi hơi hoặc khảy bằng tay, có loại dùng hai bàn tay vỗ vào nhau để tạo âm hưởng... Nhiều nhạc cụ Tây Nguyên ngày nay đã được cả nước và thế giới biết đến như đàn Tơ rung, Klông pút... trong đó có công chiêng. Vốn văn hóa âm nhạc Tây Nguyên ngày nay đang được khai thác góp phần làm giàu cho truyền thống văn hóa Việt Nam.

Ngày 25-11-2005, tổng giám đốc Tổ chức văn hóa - khoa học và giáo dục Liên Hiệp quốc (UNESCO) Koichiro Matsuura đã trân trọng trao bằng công nhận kiệt tác di sản phi vật thể và truyền khẩu “Văn hóa công chiêng các dân tộc Tây Nguyên - Việt Nam”. Từ đây, tiếng nói tinh thần của đồng bào dân tộc nơi đại ngàn đã được xác nhận và tôn vinh.

Cồng chiêng là một loại nhạc cụ được làm bằng hợp kim đồng. Thường, người thợ đúc công chiêng pha đồng với vàng, bạc hoặc đồng đen để chiếc công hoặc chiêng càng có thêm giá trị. Loại nhạc cụ này được làm với nhiều kích cỡ với đường kính từ 20cm đến 120cm, có núm hoặc không núm.

Cồng chiêng được dùng theo dàn với nhiều bộ. Một bộ công chiêng từ 2 đến 20 chiếc, đảm nhiệm những chức năng riêng trong một bài hòa tấu. Dùng dùi để gõ vào công hoặc chiêng hay đấm bằng tay để tạo âm thanh khi sử dụng. Trong một buổi biểu diễn, công chiêng làm nhiệm vụ điểm nhịp, tạo tiết tấu giải điệu một bè hoặc hòa tấu nhạc đa âm. Âm thanh của công chiêng được phối hợp giữa các chiếc công “cha mẹ”, công, “con”, công “cháu chắt” để làm thành thang âm điệu thức rất đặc biệt.

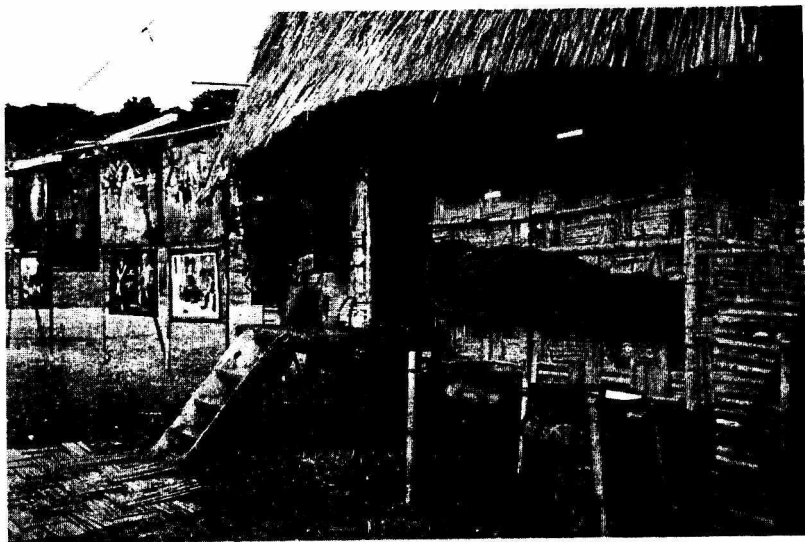
Về giá trị nghệ thuật, công chiêng Tây Nguyên có cả trên tính năng thông thường của một nhạc cụ bình thường chỉ phục vụ việc giải trí, hoặc những loại nhạc cụ điện tử hiện đại. Âm thanh của nó truyền tải cả một nền văn hóa, lịch sử, nhận thức xã hội, là sợi dây vô hình để con người ký gởi tâm linh trước cõi người và cõi đời của các dân tộc Tây Nguyên.

Âm nhạc Tây Nguyên gắn bó với đời sống của người dân Tây Nguyên từ khi sinh ra cho đến lúc từ già cõi đời, trong các lễ hội, lễ mừng được mùa, cúng thần, đâm trâu, trong lễ cưới, lễ tang, lễ bỏ mả... Không một lễ hội hay một nghi lễ đời người nào của Tây Nguyên mà không nghe thấy thứ âm thanh mộc mạc này. Mỗi gia đình đều cố gắng có ít nhất một bộ công chiêng. Gia đình khá giả có đến vài bộ. Âm thanh của công

chiêng là máu thịt của người Tây Nguyên, vang lên nơi nhà rông là trung tâm văn hóa của buôn làng, vang xa ngoài rẫy để tạo không khí hăng say lao động, vang trên rừng để làm nên sức sống chinh phục đại ngàn... là chất dinh dưỡng nuôi sống tinh thần người dân Tây Nguyên và để Tây Nguyên tồn tại. Và, trong các sử thi của Tây Nguyên đều có bóng dáng của công chiêng.

Khi biểu diễn ở hình thức vòng tròn, các nghệ nhân, nghệ sĩ vừa đánh vừa di chuyển dần công chiêng từ phải qua trái, ngược chiều với kim đồng hồ là ngược chiều với thời gian, mang ý nghĩa ngược về nguồn cội. Công chiêng Tây Nguyên đặc biệt hay, không chỉ ở sự đa dạng độc đáo của các bè trầm bổng, mà công chiêng chính là cuộc sống của người Tây Nguyên. Nghe công chiêng sẽ thấy được cả không gian sản bắn, không gian làm rẫy, không gian lễ hội...

Ngày 25-11-2005, Tổng giám đốc Tổ chức Văn hóa - khoa học và giáo dục Liên Hiệp quốc (UNESCO) Koichiro Matsuura đã trân trọng trao bằng công nhận kiệt tác di sản phi vật thể và truyền khẩu "Văn hóa công chiêng các dân tộc Tây Nguyên - Việt Nam". Từ đây, tiếng nói tinh thần của đồng bào dân tộc nơi đại ngàn đã được xác nhận và tôn vinh, bởi vì âm thanh công chiêng không còn bó hẹp nơi địa phương núi rừng Tây Nguyên hay chỉ trong địa phận quê hương Việt Nam, mà nó còn vang xa, lan rộng và hòa nhập vào âm thanh của nền âm nhạc Di sản của nhân loại.



Bộ công chiêng của các dân tộc Tây Nguyên.



Các thanh niên dân tộc K'ho đang múa công chiêng bên đống lửa trại.

► Từ bến xe Liên tỉnh đi theo đường Trần Phú sẽ gặp hai ngã ba bên trái cách nhau khoảng 500m đều mang tên đường Lê Hồng Phong. Bởi đường Lê Hồng Phong có hình bán nguyệt và hai đầu đường đều giáp với đường Trần Phú. Khi đi theo đường Lê Hồng Phong đến tham quan Dinh Bảo Đại, rẽ ngã ba đường Huỳnh Thúc Kháng đến biệt thự Hằng Nga.

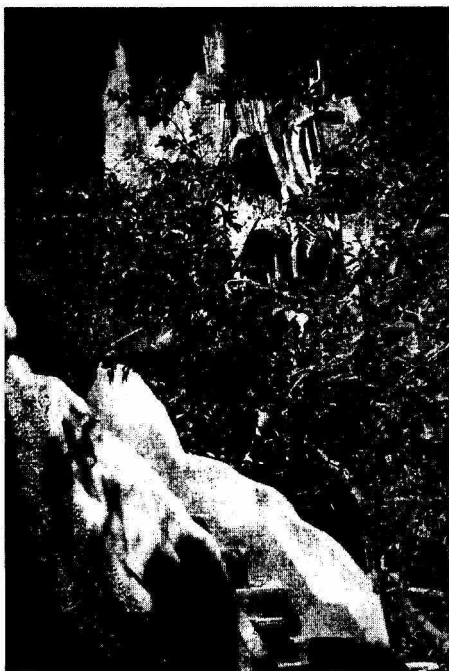
Biệt thự Hằng Nga

Biệt thự Hằng Nga còn được gọi là “Căn nhà quái dị (Crazy house)”, tọa lạc tại số 3 đường Huỳnh Thúc Kháng, thành phố Đà Lạt. Đây là một biệt thự độc đáo mang hình dáng gốc cây cổ thụ và tổ kiến khổng lồ, một kiểu kiến trúc có một không hai ở Đông Nam Á do chủ nhân là kiến trúc sư Đặng Việt Nga thiết kế và xây dựng.

“Căn nhà quái dị” được xây dựng trong một khuôn viên hơn 1.500 m² với ba căn nhà mang hình dáng ngộ nghĩnh. Tất cả những công trình ở đây đã và đang được thực hiện xây dựng từ năm 1990 đến năm 2010, gồm các mục đích và ý tưởng của kiến trúc là: trong lòng những gốc cây và các phiến đá bị cưa cụt, con người vẫn có thể tạo nên những gian phòng ấm cúng và tiện nghi, thậm chí huyền bí và hấp dẫn.

Tòa biệt thự có hình dáng kỳ lạ như gốc cây này được làm bằng bê tông, có năm tầng, mỗi tầng đều có phòng ngủ thoáng mát với đầy đủ tiện nghi. Lối lên các tầng là một cầu thang uốn lượn bao quanh thân cây. Mỗi gian phòng trong tòa biệt thự này đều được thiết kế theo một chủ đề khác nhau và được đặt theo tên các loài động thực vật được đặt trong phòng một cách sinh động như: con kiến, con cạp, gấu, đại bàng, quả bầu... Các ô cửa cũng được đục lồi lõm một cách ngẫu hứng và được giấu khéo léo trong các “mắt cây”.

Đối diện với ngôi nhà gốc cây là khu vườn nhà tổ kiến với cảnh vật được bày biện, trang trí như một tổ kiến. Từ trần nhà đến cửa đều được thiết kế tùy hứng, thả sức uốn lượn không theo một quy luật kiến trúc nào. Từ trên ban công hay những ô cửa sổ, du khách có thể ngắm nhìn những công trình và khu vườn của lâu đài với những hình dáng ngộ nghĩnh một cách thoáng đãng.



Cầu thang lên tầng năm của ngôi nhà gốc cây trong khu biệt thự hăng Nga.

Biệt thự Hằng Nga thể hiện phong cách sống và làm việc, đồng thời là phong cách sáng tạo của một kiến trúc sư có nhiều ý tưởng lạ vượt ra khỏi khuôn mẫu trong kiến trúc. Qua ngôi biệt thự này, tác giả của công trình muốn phá thể bằng cách lập nên những hình khối tự do bằng những đường cong và các mặt phẳng tự do, không lệ thuộc vào những nguyên tắc kinh điển trong bố cục hình khối và các đường thẳng, các mặt phẳng vuông vức như thường lệ, sử dụng các không gian mở về bốn phía của gian phòng để tạo sự phong phú cho tầm nhìn bao quanh.

Hiện nay, mặc dù ngôi biệt thự Hằng Nga vẫn đang được tiếp tục xây dựng các công trình, hạng mục còn lại nhưng vẫn là nơi tham quan thú vị của rất nhiều du khách trong và ngoài nước. Các căn phòng ở ngôi biệt thự này đang được đưa vào phục vụ lưu trú cho khách du lịch.

Dinh thự Đà Lạt



à Lạt có ba dinh thự lộng lẫy được thiết kế theo kiểu kiến trúc của Pháp và xây dựng trên các ngọn đồi. Đường lên đồi để tham quan các dinh thự này rất thoải mái, dễ đi. Người dân Đà Lạt và du khách từ xưa đến nay vẫn quen gọi là dinh 1, dinh 2 và dinh 3. Ngày 26-10-1955, sau khi Ngô Đình Diệm truất phế Bảo Đại để lên nắm quyền Tổng thống đã cho tịch thu ba dinh thự này để làm nơi nghỉ mát cho gia đình và quan khách cao cấp của họ Ngô.

Dinh I

Dinh I là một dinh thự đồ sộ tọa lạc trên một ngọn đồi trên đường Lý Thái Tổ, có diện tích khoảng hơn 18 hecta, cách trung tâm thành phố Đà Lạt về phía đông nam khoảng 4km. Lâu nay, người dân Đà Lạt vẫn quen gọi Dinh I là Dinh Bảo Đại. Thật ra, Dinh I vốn là của một viên chức người Pháp tên Robert Clément Bourgery. Ông nguyên là giám đốc Nhà máy điện Thượng Hải - Trung Quốc, được chính phủ thuộc địa cấp đất xây dinh thự ở Đà Lạt vào những năm của thập kỷ 1920.

Đến tháng 8-1949, Chính phủ Việt Nam do Bảo Đại làm Quốc trưởng đã mua lại dinh thự này để làm văn phòng Quốc trưởng (chúng thư đoạn mãi ngày 19, 20-8-1949 do chuồng khế Bernard Berenger lập tại Sài Gòn ngày 22-8-1949, tờ 68 quyển 286, số 682, đăng lục quyển 591 số 07 ngày 02-9-1949). Sau hơn sáu năm sử dụng, Dinh I nổi tiếng là Dinh bách hoa với các loài hoa quý được nhập từ các nước Nhật, Trung Quốc và các nước châu Âu... về trồng tại đây. Sau khi Ngô Đình Diệm lên Tổng thống đã dùng Dinh I để làm nơi nghỉ mát.

Ngô Đình Diệm cho sửa chữa hầm rượu của Bourgerie thành ba phòng làm việc dưới lòng đất sâu 10m và đào đường hầm thông ra sân bay phía sau Dinh, các lô cốt chung quanh đồi và dẫn đến Dinh II. Cửa xuống đường hầm được đặt trong phòng vệ sinh, phòng ngủ của Ngô Đình Diệm. Đường hầm này do lính Nhật đào từ tháng 3-1945, từ Dinh I rẽ đi nhiều nơi và dẫn đến Dinh II.

Dinh I là một trong những điểm tham quan ở Đà Lạt thu hút rất nhiều du khách khắp nơi từ trước đến nay. Hiện nay, Dinh I đang được trùng tu toàn cảnh để phục vụ du khách.

Dinh II

Dinh II tọa lạc trên một ngọn đồi, ở số 12 đường Trần Hưng Đạo, cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 2km. Đây là Dinh Toàn quyền Jean Decoux, được xây dựng từ những năm 1933-1937. Mỗi năm, Toàn quyền Jean Decoux lên Đà Lạt làm việc từ tháng 5 đến tháng 10 tại dinh này, nên còn được gọi là Dinh thự mùa Hạ. Đến thời Ngô Đình Diệm, Dinh II

được dùng làm nơi nghỉ mát cho cố vấn Ngô Đình Nhu và sau này là Nguyễn Cao Kỳ.

Ngày nay, Dinh II đang được khai thác làm khách sạn, nhà nghỉ để phục vụ du khách tham quan, nghỉ ngơi khi đến Đà Lạt.

Dinh III

Dinh III tọa lạc trên một đồi thông ở đường Lê Hồng Phong, cách trung tâm thành phố khoảng 2km. Đây là dinh thự dùng làm nơi nghỉ hè cho gia đình vị vua cuối cùng của triều Nguyễn ở Việt Nam - Bảo Đại, nên còn được gọi là Dinh Bảo Đại. Sau này, Dinh III còn được gọi là Biệt Điện Quốc trưởng.

Dinh III được xây dựng từ năm 1933-1938, do một kiến trúc sư người Pháp và kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát thiết kế, gồm 26 phòng lớn nhỏ. Xung quanh ngôi Biệt Điện này là những đồi thông bao phủ và những vườn hoa với các loài hoa quý bốn mùa khoe sắc. Với nét kiến trúc châu Âu được xây dựng cách đây gần 3/4 thế kỷ, nhưng Dinh Bảo Đại vẫn mang dáng dấp của một kiểu kiến trúc hiện đại.

Đến tham quan Dinh III, du khách sẽ được xem cách bài trí và nơi sinh hoạt của một gia đình hoàng tộc trong dinh, gồm tầng trệt và tầng lầu. Phòng trung bày hình ảnh và những hoạt động của vua Bảo Đại. Phòng làm việc của Bảo Đại vẫn còn lưu giữ chiếc điện thoại trên bàn làm việc của ông bên trái và chiếc điện thoại bên phải của Tổng thống Nguyễn Văn

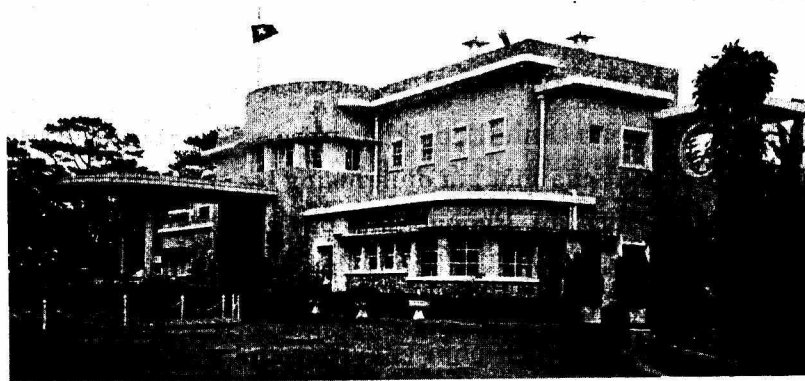


Dinh I



Dinh II

Dinh III



Thiệu, trên kệ tủ có hình vua Khải Định và tượng bán thân của vua Bảo Đại ở hai bên, bốn thanh kiếm của thị vệ đại thần, hai dây cờ tượng trưng cho mối ban giao của Việt Nam với các nước trên thế giới vào thời đó, trong kệ sách có một số sách văn học và Kinh thánh, hai ấn nổi bằng đồng của Bảo Đại lúc làm Quốc trưởng, bức ảnh gia đình Bảo Đại, hoàng hậu Nam Phương và thái tử Bảo Long. Phòng Khánh tiết dùng để hội họp và chiêu đãi yến tiệc có trưng bày bức tranh sơn mài tả cảnh núi rừng Tây Nguyên đã được tặng cho Bảo Đại nhân ngày sinh nhật của ông, bản đồ có hình ảnh những danh lam thắng cảnh tượng trưng cho nền kinh tế, văn hóa của ba miền Bắc Trung Nam và bức tranh ngói điện Kiến Trung của Đại Nội - Huế. Ngoài ra, ở tầng trệt còn có các

Phòng làm việc của Bảo Đại ở Dinh III.



phòng trưng bày khác như phòng Chờ yết kiến, phòng Khách chính, phòng tiếp khách thân mật, phòng ăn của công chúa và hoàng tử...

Trên tầng lầu của Dinh Bảo Đại có nhiều phòng dành riêng cho cuộc sống sinh hoạt thường ngày của gia đình như: phòng Bảo mẫu (công chúa và hoàng tử), phòng ngủ của công chúa Phương Liên và hoàng tử Bảo Thắng, phòng ngủ của công chúa Phương Dung và Phương Mai, phòng của thái tử Bảo Long được trang trí toàn màu vàng nhằm biểu tượng cho ngai vàng kế nghiệp của vua Bảo Đại, phòng riêng của hoàng hậu Nam Phương, phòng thêu của hoàng hậu, phòng giải trí và phòng ngủ của Bảo Đại, bên ngoài là lầu Vọng nguyệt dành cho Bảo Đại hóng mát ngắm trăng... Riêng phòng sinh hoạt chung của gia đình có sáu chiếc ghế: ghế lớn dài dành cho vua và hoàng hậu, hai chiếc ghế bành hai bên dành cho thái tử và ba chiếc ghế còn lại dành cho ba cô công chúa; đây là nơi sau buổi cơm tối, Bảo Đại cùng gia đình tập trung để trò chuyện, hàn huyên và giáo dục các hoàng tử và công chúa.

Sau này, Ngô Đình Diệm dùng Dinh Bảo Đại làm nơi nghỉ ngơi cho các quan chức cao cấp của Chính phủ họ Ngô khi lên thăm viếng Đà Lạt. Hiện nay, Dinh III là một trong những nơi tham quan hấp dẫn của Đà Lạt, mỗi năm thu hút hàng triệu du khách.

Vua Bảo Đại

B

ảo Đại là vị vua thứ 13 của triều Nguyễn. Ông tên là Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy, sinh ngày 22-10-1913, là con của vua Khải Định và bà Huệ phi Hoàng Thị Cúc, tức bà Từ Cung. Khi Bảo Đại lên ngôi vua, mẹ của ông cũng được vinh danh là Đoan Huy Hoàng Thái hậu.

Năm 1925, vua Khải Định tạ thế, Bảo Đại mới 13 tuổi đang học tại Pháp. Ngày 24-11-1925, Hoàng thái tử Vĩnh Thụy được tôn phong lên ngôi vua, lấy niên hiệu là Bảo Đại. Bảo Đại có nghĩa là “Gìn giữ, bảo vệ sự lớn lao”.

Sau khi nhận ngôi vua, ông giao công việc triều chính lại cho Hội đồng phụ chính để trở lại Pháp quốc tiếp tục học hành cho đến năm 1932, có sự chăm sóc, dạy dỗ trong bảy năm của người cha nuôi là ông Charles, cựu khâm sứ Huế.

Năm 1932, vua Bảo Đại trở về nước để nắm quyền. Ông muốn thay đổi việc triều chính, nắm quyền bính và tiến tới thiết lập một chế độ quân chủ lập hiến, nhưng kế hoạch của ông vấp phải sự chống đối của các quan bảo thủ, Khâm sứ Trung kỳ và chính phủ Pháp nên thất bại. Từ đó, nhiệt tình của một ông vua trẻ được ảnh hưởng nền giáo dục Tây phương

cảm thấy thất vọng bởi mình làm vua cũng như không, nên ông chán nản lao vào các thú tiêu khiển đời thường như thể thao, săn bắn... Ngày 20-3-1934, Bảo Đại cưới Nguyễn Hữu Thị Lan làm hoàng hậu.

Năm 1945, Cách mạng tháng tám bùng nổ và thắng lợi. Vua Bảo Đại thoái vị, giao chính quyền cho Chính phủ Cách mạng lâm thời và trở thành Cố vấn tối cao cho Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa tại Hà Nội. Từ năm 1947-1949, ông sống tá túc ở Trung Quốc trước khi trở lại cộng tác với Pháp trong vai trò Quốc trưởng Việt Nam vào tháng 4-1949.

Năm 1950, người Pháp trả Tây Nguyên cho chính phủ quốc gia, Cựu hoàng Bảo Đại lập riêng cho vùng đất này một thể chế hành chính đặc biệt, gọi là “Hoàng triều cương thổ”. Tháng 10-1956, vua Bảo Đại bị chính vị thủ tướng của ông là Ngô Đình Diệm lật đổ; để rồi sau đó, ông phải sống lưu vong tại Pháp cho đến khi qua đời.

Mặc dù bà Nam Phương hoàng hậu đưa ra điều kiện đối với Bảo Đại trước khi cưới là không được lập phi thiếp, nhưng sau năm 1945, Bảo Đại đã liên hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác trong vai trò là nhân tình hoặc vợ chính thức như cô vũ nữ Lý Lệ Hà, bà Mộng Điệp, bà Phi Anh và cô đầm lai Tàu tên Jenny Wong. Sau khi Nam Phương hoàng hậu qua đời, ông còn kết hôn với một cô đầm gốc nga là Monique Baudot làm vợ chính thức và cùng nhau sinh sống tại Pháp; ông vua “hào hoa” này đã ở trong tay cô đầm Monique cho đến lúc qua đời. Với danh sách vợ và người tình này, vua Bảo Đại không những có đủ người phụ nữ ba miền của đất nước: Nam

Phượng hoàng hậu là người miền Nam, bà Phi Ánh là người miền Trung, bà Mộng Điệp và cô vũ nữ Lý Lệ Hà có gốc miền Bắc, mà còn có cả phụ nữ ngoại quốc như Jenny Wong và Monique Baudot. Đây là một ông vua đặc biệt nhất của nhà Nguyễn trong con đường tình ái.

Những lần ngã bệnh trước đây, Cự hoàng Bảo Đại được đưa đến viện Quân y Val-de-Grâce để chữa trị. Đây là trung tâm y tế nổi tiếng ở thủ đô Paris đã từng chữa trị bệnh cho Tổng thống François Mitterrand của Pháp. Lần này, sau một tuần chữa trị, sức khỏe của Cự hoàng đã khá hơn và được chuyển đến một khu an dưỡng ở Orly thuộc vùng ngoại ô của Paris. Mấy ngày sau, bệnh của ông tái phát nặng hơn và phải trở lại bệnh viện cũ, nhưng sức khỏe của Cự hoàng không ổn. Đến năm giờ sáng ngày 31-7-1987, vị vua cuối cùng của Việt Nam đã trút hơi thở cuối cùng nơi đất khách quê người (có tài liệu ghi ngày 01-8-1987) với ba bệnh án: xuất huyết nội tại thận, sung màng óc, ung thư tử.

Do bà Monique Baudot cấm tất cả con cháu và dòng họ của Cự hoàng đến bên giường bệnh, nên trong giây phút cuối đời ông đã ra đi trong cô đơn. Ngày đưa linh cữu của Cự hoàng Bảo Đại từ bệnh viện đến nhà thờ thánh Phêrô của họ đạo Chaillot ở Trocadéro, các Hoàng tử và Công chúa con của ông cũng như bà con thân tộc không được đi theo sau xe tang, chỉ có xe của bà Monique. Những người máu mủ ruột thịt này phải đến chờ trước ở nhà thờ và cũng chẳng được sờ đến quan tài của ông. Cuối cùng, duy nhất Công chúa Phương Minh là con của bà Phi Ánh từ Mỹ sang được bà Monique ưu ái cho đội

chiếc khăn tang duy nhất theo truyền thống Việt Nam, bởi vì cô Công chúa này đã từng gởi tiền giúp cho cha lúc sinh thời nên được bà đầm này cho vào dự tang lễ. Linh cữu của vua Bảo Đại được quàng tại nghĩa trang Passy trên đồi Trocadéro, gần nhà của ông ở đường Fresnel - Paris.

Hoàng Hậu Nam Phương

Nam Phương hoàng hậu tên thật là Nguyễn Hữu Thị Lan và tên Pháp là Mariette Jeanne, con của một đại điền chủ ở Nam bộ là ông Nguyễn Hữu Hào và là cháu ngoại của một tỉ phú của đất Nam bộ xưa là ông Lê Phát Đạt tức Huyện Sỹ. Bà sinh năm 1914 trong một gia đình Công giáo tại Gò Công - Tiền Giang.

Năm 1927, Nguyễn Hữu Thị Lan sang Pháp du học. Năm 1932, bà về nước và gặp gỡ Bảo Đại tại Đà Lạt. Vua Bảo Đại say mê sắc đẹp của người con gái đất phương Nam này, nên ông cương quyết cưới Nguyễn Hữu Thị Lan làm vợ. Mặc dù hoàng tộc và triều đình nhà Nguyễn không chấp thuận. Cuối cùng, dưới áp lực của người Pháp, hoàng tộc cũng đành nhượng bộ.

Sự kiện Nguyễn Hữu Thị Lan chuẩn bị kết hôn với Bảo Đại đã gặp trở ngại lớn do lệ “Ngũ Bất”, tức năm không của triều đình nhà Nguyễn:

- Không lập hoàng hậu.
- Không lập thái tử.

- Không phong tước vương.
- Không đặt chức tể tướng.
- Không nhận bậc học vị Trạng nguyên.

Trong khi đó, Nguyễn Hữu Thị Lan cũng đưa ra những điều kiện để giữ vững lập trường của bản thân và gia đình đối với Bảo Đại và hoàng tộc trước khi làm vợ vua triều Nguyễn và những điều kiện này đã tạo thêm rắc rối cho hoàng triều:

- Phải được tấn phong ngôi Chánh cung hoàng hậu ngay ngày cưới.
- Được giữ nguyên đạo Thiên Chúa. Các con bà sinh ra phải được rửa tội theo nghi thức Công giáo và được giữ đạo theo luật của Giáo hội Công giáo.
- Vua Bảo Đại vẫn giữ nguyên đạo gốc là Phật giáo.
- Cuộc hôn nhân này phải được Tòa thánh La Mã ra phép Chuẩn cho hai người được phép kết hôn theo Luật của Giáo hội Công giáo, nhưng đạo ai nấy giữ. Hai người không có quyền ràng buộc nhau về tôn giáo.

Tất cả những điều lệ của triều Nguyễn và điều kiện của Nguyễn Hữu Thị Lan cũng được giải quyết ổn thỏa và triều đình chọn ngày 20-3-1934 làm ngày cưới, tại cung Trú Tất - Huế. Đám rước dâu được tổ chức tại biệt thự của ông Nguyễn Hữu Hào tại đường Taberd (nay là đường Nguyễn Du) - Sài Gòn, do vua Bảo Đại cho quan triều đình vào rước hoàng hậu về Huế bằng xe hơi. Khi đoàn đưa rước dâu đến đèo Hải Vân gặp họ nhà trai đến đón sẵn tại đây và cùng nhập đoàn về cung Trú Tất.

Khi đám rước dâu về đến triều đình, Bảo Đại đưa Nguyễn Hữu Thị Lan vào lạy tạ bà Từ Cung là mẹ của vua Bảo Đại. Ngày 24-3-1934, Bảo Đại tuyên bố lập Nguyễn Hữu Thị Lan làm hoàng hậu, điều mà trước đây các bà Thái hậu chỉ được tôn phong sau khi vị hoàng đế chồng bà đã băng hà. Từ đó, bà được gọi là Nam Phương hoàng hậu, nghĩa là Hương thơm của phương Nam (Parfum du Sud). Điều đặc biệt hơn nữa là, bà được vua Bảo Đại chuẩn cho được mặc phẩm phục màu vàng da cam, đó là màu sắc cao quý chỉ dành riêng cho các hoàng đế.

Lễ tấn phong được cử hành ở đại sảnh trong điện Cần Chánh. Giữa hai hàng quan chức triều đình nghênh đón, Hoàng hậu Nam Phương trong sắc phục của hoàng triều đội mũ cửu phương và mang hia mũi nhọn từ từ tiến về phía nhà vua đang ngồi trên ngai vàng chờ đón. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam có một người phụ nữ tự mình tiến cung. Bà Nam Phương hoàng hậu cùng với Bảo Đại có năm người con:

1. Hoàng tử Bảo Long sinh ngày 04-01-1936. Bảo Long được tôn làm Đông Cung Hoàng Thái Tử ngày 27-7-1938. Năm 14 tuổi, Hoàng tử Bảo Long theo học trường ADRAN ở Đà Lạt. Sau đó, Nam Phương hoàng hậu đưa Bảo Long sang Pháp du học và ông đã tốt nghiệp trường Võ bị Quốc gia Pháp. Bảo Long được điều sang Algeria nhận nhiệm vụ và được phong cấp hàm Đại úy. Về sau, ông giải ngũ và chuyển sang công tác ngân hàng. Hoàng tử Bảo Long không cưới vợ, nhưng lại sống chung với một người phụ nữ tên Isabel Ébey và đã có hai người con.

2. Công chúa Phương Mai sinh ngày 01-8-1937. Tên bà đã được đặt cho một ngôi trường Trung học của Việt Nam đầu tiên tại Đà Lạt năm 1954, đó là trường Bùi Thị Xuân ngày nay. Bà kết hôn với một người Hoàng tộc của nước Ý và đã có con. Sau khi người chồng này mất, công chúa Phương Mai sống một mình tại Pháp.
3. Công chúa Phương Liên sinh ngày 03-11-1938. Bà kết hôn với một người Pháp công tác ở ngân hàng và rất có hiếu với Cựu hoàng Bảo Đại. Đã nhiều năm, vợ chồng công chúa Phương Liên làm việc tại Hồng Kông.
4. Công chúa Phương Dung sinh ngày 05-02-1942. Bà kết hôn và sống với một người Pháp tại Bordeaux. Đây là công chúa nghèo nhất của Bảo Đại và Nam Phương hoàng hậu nhưng rất có hiếu với mẹ.
5. Hoàng tử Bảo Thăng sinh năm 1943. Ông bị bệnh phì. Vị hoàng tử này sống độc thân tại Paris, yêu thích các môn nghệ thuật như chơi nhạc, hội họa...

Hoàng hậu rất mẫu mực và quan tâm trong việc giáo dục con cái. Mặc dù đã có thầy dạy cho các con bà ngay trong triều đình, Nam Phương hoàng hậu vẫn cho các cô con gái theo học trường nữ Đồng Khánh để được hội nhập với cuộc sống bình thường bên ngoài. Những lúc đi đón con học về, Hoàng hậu nhìn thấy con mình bị các bà giáo phạt quỳ úp mặt vào tường nên đau lòng lắm, nhưng vẫn cố quay mặt đi để tỏ lòng cung kính đối với các bà giáo.

Ngoài việc lo dạy dỗ con cái, Hoàng hậu còn phải cùng với Bộ Lễ lo tổ chức các nghi lễ và thường xuyên thăm hỏi sức

khỏe bà nội của chồng như các bà Tiên Cung, Thánh Cung và mẹ chồng là bà Từ Cung. Bà được xem là một hình ảnh nòng dâu mẫu mực, hiếu thảo của thời bấy giờ. Ngoài ra, bà còn rất hăng say trong công việc từ thiện và công tác xã hội. Sau ngày Pháp trở lại gây chiến ở Nam bộ, Nam Phương hoàng hậu đã gửi một thông điệp đến bạn bè ở châu Âu và thế giới để yêu cầu họ lên tiếng tố cáo sự trở lại của quân đội Pháp làm đổ máu đồng bào Việt Nam.

Mỗi khi vua Bảo Đại sắp bị thực dân Pháp bắt ép ký những văn bản có hại cho dân cho nước, Nam Phương hoàng hậu luôn tìm cách khuyên nhà vua đi nghỉ mát ở nơi xa hoặc lên rừng săn bắn để không phải ký vào những văn bản ấy. Năm 1939, vua Bảo Đại và Nam Phương hoàng hậu đã được tiếp kiến Đức Giáo hoàng tại Rô Ma và đã để lại nhiều tình cảm tốt đẹp.

Sau khi vua Bảo Đại thoái vị, Nam Phương hoàng hậu cùng mẹ chồng và các con sống ở cung An Định bên bờ sông An Cựu. Năm 1949, bà cùng các con sang Pháp sinh sống. Năm 1963, Nam Phương hoàng hậu bị bệnh ung thư và mất tại Pháp.

Vườn hoa Minh Tâm

Vườn hoa Minh Tâm tọa lạc tại số 20A đường Khe Sanh, trong một khu vườn có diện tích khoảng 18 hecta đã sô là rừng thông. Ban đầu, nơi đây là khu biệt thự của chủ nhân người Pháp tên David, được xây dựng từ năm 1938. Sau khi về Pháp, vị chủ nhân người Pháp đã bán lại khu biệt thự này cho ông Nghiệp Đoàn, bố của ông Minh Tâm.

Từ năm 1990, khu biệt thự này được dùng để khai thác du lịch. Vườn hoa Minh Tâm có nhiều loài hoa quý đẹp khoe sắc như cẩm tú cầu, cẩm chướng, Mimosza lá bạc, hoa chống muỗi đa sắc (pelargonium), phù dung, hoa xác pháo có màu đỏ rực, hoa hồng với nhiều màu sắc lai tạo... Đặc biệt, trong khu vực kinh doanh hoa của nhiều chủ nhân đang trưng bày ở đây, có rất nhiều loài hoa quý tộc được giới thiệu để phục vụ du khách mang về trồng ở địa phương. Giữa khu vườn hoa là khách sạn Minh Tâm được cải tạo lại từ ngôi biệt thự cũ để phục vụ du khách.

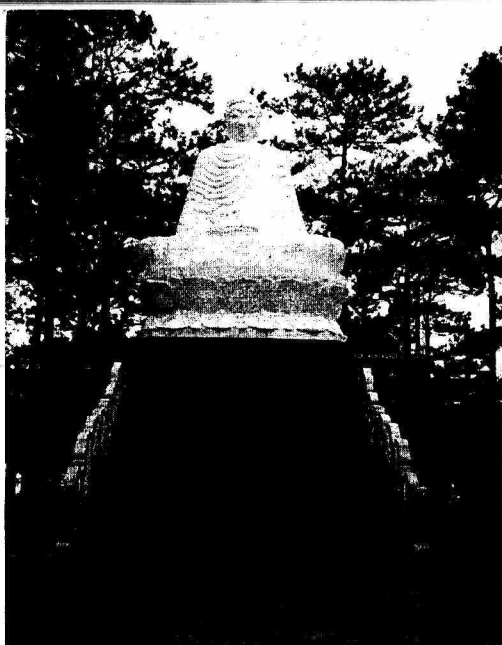
Du khách yêu thiên nhiên đến Đà Lạt thường lưu trú nơi đây để được mãn nhãn nhìn ngắm các loài hoa quý trong vườn, vừa có thể thả hồn mình hòa với rừng thông xanh trải dài xa tít dưới thung lũng.

Thiên Vương Cổ Sát

(Chùa Tàu)

Thiên Vương Cổ Sát còn được gọi là chùa Tàu hoặc chùa Phật Trầm tọa lạc trên đồi thông ở đường Khe Sanh, thuộc khu phố 2, phường 10, thành phố Đà Lạt, cách hồ Xuân Hương hơn 3km và cách vườn hoa Minh Tâm khoảng 1km. Chùa được xây dựng vào năm 1958 với các loại vật liệu truyền thống của thời kỳ đó là cột gỗ mái tôn. Năm 1989, chùa Thiên Vương Cổ Sát được trùng tu kiên cố như ngày nay gồm ngôi Tiền đường và Chánh điện.

Được gọi là chùa Tàu vì các vị tu sĩ nơi đây theo hệ phái Phật giáo Huê Nghiêm của Trung Quốc, có lẽ đây là địa danh quen thuộc nhất đối với du khách người Hoa; hơn nữa, người xây dựng ngôi chùa này là Hòa thượng Thọ Dã người của Hội quán Trung Hoa và ba tượng Phật Tây phương Tam thánh đang được tôn trí thờ tại chánh điện của chùa có xuất xứ từ Trung Quốc: Phật Thích Ca, Quan Âm Bồ tát và Đại Thế Chí Bồ tát. Tên gọi chùa Phật Trầm do mùi hương tỏa ra từ ba tượng Phật Tây phương Tam thánh được làm bằng gỗ trầm hương, mỗi tượng cao 4m, có trọng lượng 1.500kg. Theo các nhà khoa học, ba tượng Phật này chưa xác định được niên đại



Tượng đài Phật Thích Ca trên đỉnh đồi phía sau chùa Thiên Vương Cổ Sát.

nhưng có đường nét mang dáng dấp điêu khắc thế kỷ XVI của Trung Hoa được Hòa thượng Thọ Dã đặt từ Hồng Kông, thỉnh về cùng với năm ngôi chùa được xây dựng.

Trên đỉnh đồi sau chùa là tượng đài Phật Thích Ca được thiết kế uy nghi, thanh thoát. Tượng Đức Phật cao 6m được tôn trí trên tầng lầu, xung quanh được trang trí bằng hình ảnh cửu long.

Tầng trệt dưới mái của tượng đài là nơi cho du khách dừng chân và thưởng lãm hình ảnh khắc họa về cuộc đời của Đức Phật từ khi đản sanh cho đến khi nhập Niết bàn.

Thiên Vương Cổ Sát là một trong những điểm tham quan trọng của du khách đến Đà Lạt, là nơi du khách và Phật tử thường đến cầu phúc lộc. Bước qua ngôi Tiền đường, du khách bắt gặp ngay nụ cười “vô tư” của Phật Di Lặc mà cảm thấy lòng an vui trong cuộc vui chơi. Bước lên Thích Ca Phật đài, đứng bên tượng Phật uy nghiêm dưới những tán thông xanh mà nghe lòng hoan hỷ giữa đất rộng trời cao. Bởi thế, Thiên Vương Cổ Sát là điểm đến mà du khách hiếm khi bỏ qua mỗi khi đặt chân lên Đà Lạt.

» Cách cổng lên chùa Thiên Vương Cổ Sát khoảng hơn trăm mét có chiếc bàn tròn cổ được làm bằng gỗ quý có thể tự quay khi có người đặt tay lên mặt bàn và ra lệnh. Cũng có rất nhiều người đã thử và không thành công như lời nhiều người đã tuyên truyền. Tuy nhiên, đây cũng là một điểm dừng chân vui chơi cho khách tham quan khi đến Đà Lạt, đồng thời khám phá những hiện tượng lạ.

Khách du lịch đang vui chơi giải trí bên chiếc bàn tự quay.



Vườn hoa Trần Lê Gia Trang

Vườn hoa này nằm cuối con hẻm nhỏ trên đường Trần Hưng Đạo. Với diện tích 3.100m², vườn hoa Trần Lê Gia Trang được so sánh như một bảo tàng hoa thu nhỏ với hơn 100 loài hoa bản địa và hoa ngoại nhập từ các nước như Pháp, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan...

Năm 2003, ông Trần là chủ nhân của vườn hoa Trần Lê Gia Trang xây dựng ngôi nhà vườn để làm nơi nghỉ dưỡng ở Đà Lạt, không ngờ nó lại trở thành một điểm du lịch được nhiều người ưa thích, thu hút rất nhiều du khách đến tham quan.

Đối với các vườn hoa tư nhân ở thành phố Đà Lạt, vườn hoa Trần Lê Gia Trang được xem là một trong những vườn hoa đẹp nhất.

» Từ bến xe Liên tỉnh Đà Lạt tiếp tục theo quốc lộ 20, hướng về đèo Dran và Phan Rang, còn được gọi là đường Hùng Vương để tham quan Làng Trẻ em SOS, chùa Linh Phước và thác Hang Cọp.

Làng trẻ em SOS Đà Lạt

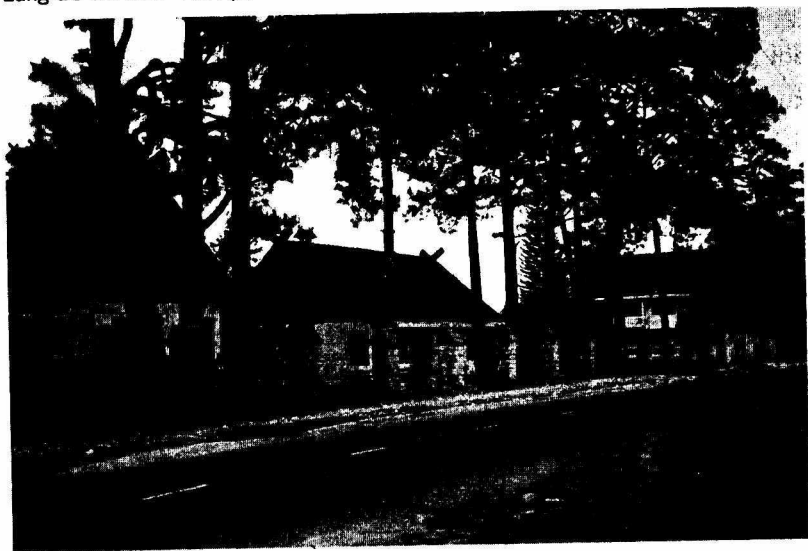
Làng trẻ em SOS Đà Lạt tọa lạc tại số 67 và 69 đường Hùng Vương, thuộc phường chín. SOS là những chữ được viết tắt của hai từ có nguồn gốc từ tiếng Latin “Societas Socialist”, có nghĩa là Công tác xã hội. Đây là một tổ chức Từ thiện xã hội phi chính phủ, phi tôn giáo có Trụ sở chính (Head Office) được đặt tại thủ đô Viên của nước Áo và Văn phòng Tài chính (Financial Office) được đặt tại Đức.

SOS hoạt động tại Đà Lạt từ năm 1989, chuyên nuôi dạy trẻ em mồ côi theo kiểu mẫu gia đình. Nghĩa là, trong khu làng Trẻ em SOS có nhiều ngôi nhà, mỗi ngôi nhà mang một tên gọi như Hướng dương, Đỗ quỳ, Phong lan, Pensée, Thủy trúc, Thủy tiên... Mỗi căn nhà có một bà mẹ chăm sóc một đàn con trên dưới 10 trẻ với nhiều lứa tuổi, từ bé nhất đến lớn nhất, giống như anh chị em trong một gia đình. Khi đến tuổi trưởng thành, các trẻ sẽ được tách riêng đến ở tập trung tại



Trường Hermann Gmeiner.

Làng trẻ em SOS - Đà Lạt.



một lưu xá hoặc được đưa đi học nghề chuyên môn để ra đời tự lập mưu sinh và hòa nhập vào cuộc sống của cộng đồng. Làng trẻ em SOS Đà Lạt hiện nay có 14 ngôi nhà và một lưu xá với tổng số hơn 130 cháu đang được nuôi dạy tại đây và gần trăm em đang được đi học chuyên môn ở các nơi khác.

Điều kiện để được làm mẹ trong làng Trẻ em SOS cũng rất nghiêm ngặt. Trước hết, phải là một người phụ nữ hoàn toàn có cuộc sống độc thân, tiếp theo là những yêu cầu lý lịch rõ ràng, đạo đức và các chuyên môn khác.

Các em mồ côi từ khắp nơi trong nước được nhận về đây thông qua chính quyền địa phương hoặc các trẻ em bị bố mẹ bỏ rơi. Các cháu được đưa về đây nuôi nấng, chăm sóc chu đáo. Khi đủ tuổi, các cháu sẽ được đi học theo chương trình phổ thông tại trường Hermann Gmeiner giống như những đứa trẻ bình thường khác. Ở nơi đây, các cháu được hưởng một cuộc sống thanh bình, đầm ấm và hạnh phúc. Các em không phải làm bất cứ một công việc gì, ngoài việc học và vui chơi.

Trường Hermann Gmeiner tọa lạc cạnh làng trẻ em SOS và trực thuộc tổ chức này. Hermann Gmeiner là một bác sĩ quân y người Áo. Sau đệ nhị thế chiến, ông nhận thấy chính trên quê hương của ông có quá nhiều trẻ em mồ côi và ông đã đứng ra vận động để thành lập một trung tâm nuôi dạy các em này.

Sau khi hoàn tất chương trình phổ thông, các em sẽ được học tiếp lên trung học chuyên nghiệp, hoặc đại học hay một ngành nghề tự chọn. Tổ chức SOS sẽ chăm lo cho các em đến khi các em có thể sống tự lập. Hiện nay, đã có nhiều em

trưởng thành được cho đi học tại các trường đào tạo chuyên môn khắp nơi trong cả nước.

Làng trẻ em SOS Đà Lạt có một khung cảnh thơ mộng, thoáng mát với nhiều loài hoa quý được trồng để trang điểm cho vườn nhà. Du khách có thể đến tham quan và tìm hiểu về những sinh hoạt và cuộc sống của các trẻ em mồ côi nơi đây. Ngoài ra, đây cũng là một địa chỉ lý tưởng cho du khách yêu thích công việc xã hội, vừa đi tham quan du lịch lại có cơ hội hoạt động từ thiện.

Chùa Linh Phước

Chùa Linh Phước tọa lạc trên đường Hùng Vương (cũng là quốc lộ 20) thuộc phường 11, cách trung tâm thành phố Đà Lạt khoảng 8km, trên đường đi Trại Mát. Chùa được xây dựng từ năm 1949, do một số Tăng Ni, Phật tử đến đây hợp sức xây dựng. Đến năm 1990, chùa Linh Phước đã được trùng tu và xây thêm nhiều công trình mới.

Điểm nổi bật làm cho nhiều Phật tử và du khách quan tâm đến chùa Linh Phước là nét kiến trúc đặc biệt được xây dựng rất công phu. Một kiểu kiến trúc phương Đông với những đường nét tạo dáng thâm nghiêm cổ kính, lại được trang trí bằng những mảnh sành sứ và ve chai tạo nên những hình thù đặc sắc cho ngôi chùa từ bên ngoài cho đến bên trong chánh điện. Vì thế, chùa Linh Phước còn được dân gian gọi là chùa Ve Chai.

Ngôi chánh điện của chùa Linh Phước được thiết kế xây dựng rất quy mô với pho tượng Bốn sư Thích Ca Mâu Ni được tôn trí uy nghi trên tòa sen. Hai hàng cột rồng dọc chánh điện được trang trí bằng những mảnh sành rất tinh tế, sống động. Phía trên hai hàng cột là bức phù điêu diễn tả về lịch

sử cuộc đời của Đức Phật Thích Ca cũng được làm bằng mảnh chén...

Đặc biệt là con rồng dài 49m có vẩy được thiết kế trang trí bằng 50.000 vỏ chai bia tọa lạc trong vườn Long Hoa. Đầu rồng vươn cao che phủ tượng Bồ tát Di Lặc ngự trên đỉnh hòn Giả Sơn. Một công trình khác mang kiến trúc đồ sộ là tòa Linh Tháp có bảy tầng, cao 36m. Đây là nơi thờ và tôn trí xá lợi Phật, cũng là bảo tàng viện được xem là ngôi tháp chùa cao nhất Đà Lạt hiện nay.

Chùa Linh Phước.



» Từ chùa Linh Phước tiếp tục đi theo quốc lộ 20 khoảng hơn 4km gặp ngã ba, quẹo trái vào hơn 1km đến thác Hang Cọp. Từ trung tâm thành phố Đà Lạt đến thác Hang Cọp khoảng 15km.

Thác Hang Cọp

Thác Hang Cọp là một thắng cảnh còn rất hoang sơ mới được khai thác từ năm 2000. Khu du lịch sinh thái này có diện tích khoảng ba hecta trong một mảng rừng rộng 154 hecta tọa lạc tại thôn Túy Sơn, xã Xuân Thọ, thành phố Đà Lạt. Từ đầu nguồn Phụng Sơn, thác đổ ra sông La Bá và chảy về đập thủy điện Đa Nhim.

Từ quốc lộ 20 vào thác, con đường dốc quanh co dưới những tán thông. Từ xa, du khách có thể nghe tiếng thác đổ bởi không gian nơi đây hoàn toàn yên ắng. Thác Hang Cọp có chiều ngang khoảng hơn 10m, cao khoảng hơn 30m. Dòng thác có hai tầng: tầng trên là một thung lũng nhỏ có dòng suối lững lờ trôi qua giữa hai ghềnh đá, tầng thứ hai nghiêng nghiêng dẫn nước đến đầu ngọn thác và bất ngờ đổ từ trên cao xuống thành màn nước trắng xóa xoáy thành vực sâu rồi lặng lẽ biến mất vào rừng sâu. Vào mùa khô, nước trong xanh và mát lạnh rất thích thú nếu du khách vốc vào bàn tay để

rửa mặt hoặc tắm mình trong dòng thác. Xung quanh thác là một cánh rừng thông bạt ngàn cao thẳng tắp.

Vào năm 1950, nơi đây là một khu rừng rậm có nhiều loài thú dữ và chim muông quý hiếm. Trong đó, có loài thú nổi tiếng thường được gọi là chúa tể sơn lâm hay “ông 30” đã trú ẩn trong một hang động nơi đây. Vào thời gian ấy, bàn chân của những người thợ săn cũng tìm đến vùng đất này và chúa tể sơn lâm tại đây đã bị một dũng sĩ thợ săn người Chink bắn trọng thương một chân. Đau đớn đến lông lộn bởi vết thương, loài chúa tể này đã giận dữ cào cấu, gặm thét lên từng hồi làm vang động cả một cánh rừng rồi uất hận rời hang đi về rừng sâu. Từ đó, con người không còn phải hoang mang lo sợ bởi loài thú dữ nơi vùng đất thiêng hoang dã này.

Dấu tích của một cái hang ở Thác Hang Cọp.



Huyền thoại kể rằng: "Ngày xưa, ở vùng đất của thôn Túy Sơn, xã Xuân Thọ này có một trang trại rất lớn của một phú ông tên là Tư Mạnh. Lão phú ông này sống rất khắc nghiệt và độc ác.

Trong đám người làm thuê cho trang trại nhà ông, có chàng Xuân Trường rất khỏe mạnh, cần cù và thông minh. Ban đêm, chàng thường dùng củi đốt để lấy ánh sáng dùi mài kinh sử và tập luyện võ công. Tính tình của chàng hiền hậu và hòa nhã nên được mọi người quý mến. Nhất là tiểu thư Thục Hạnh, người con gái của phú ông luôn bị rung cảm trước nhân cách của chàng.

Thục Hạnh xinh đẹp lại nết na, thùy mị và thường hay để ý giúp đỡ những người khốn khó. Nàng luôn là đối tượng của bao nhiêu chàng trai giàu có quanh vùng ước ao được kết nghĩa trăm năm. Nhưng, nàng đã lên mẹ, dỗi cha để hẹn hò cùng chàng Xuân Trường. Biết con gái mình đã có thai với một tên làm thuê trong nhà, phú ông đã tìm cách hành hạ Xuân Trường bằng mọi cực hình: trói chàng vào gốc cây trước sân nhà và cấm ăn uống. Sau khi được bạn bè giải cứu, chàng đã trốn vào rừng sâu. Những đắng cay, bức bách dồn nén, chàng đã đập đầu vào vách đá tự tử, nhưng chàng không chết mà biến thành hổ.

Sau đó, nàng Thục Hạnh được phú ông gả cho một tên vũ phu. Biết vợ mình có thai với người tình cũ, hắn đã đánh đập Thục Hạnh dã man và ném con của nàng vào rừng đến chết mất. Sau những trận đòn roi, nàng đã bỏ trốn khỏi nhà chồng và đi lang thang vào rừng sâu tìm Xuân Trường, nhưng không may trượt chân chết dưới vực thẳm.



Thác Hang Cọp

Đêm đêm, người tình hóa hổ của nàng đi kiếm ăn và phát hiện một xác người trôi dạt ven suối bèn nhảy xuống vớt lên. Thấy xác người còn thoi thóp, hổ đã tìm cách cứu chữa và vun lá khô ủ ấm. Xác người được cứu sống ấy chính là nàng Thục Hạnh. Chính sự hiện hữu của người yêu xưa đã giúp cho hổ có một luồng điện sinh học cực mạnh có tác động mạnh để đổi lột trở lại làm người. Hai người nhận ra nhau và tiếp tục kết tóc xe tơ cho đến ngày bạc đầu”.

Hiện nay, trên đầu ngọn thác vẫn còn dấu tích của một cái hang rộng gần 2m và sâu khoảng 5m. Tương truyền, đây là nơi trú ngụ của chúa sơn lâm ngày xưa, gắn liền với câu chuyện huyền thoại của nàng Thục Hạnh và Xuân Trường. Cách dòng thác hơn 1.000m có khu vực cắm trại rộng hai hecta và ngôi làng của dân tộc K'ho đang sinh sống.

Thác Hang Cọp không hùng vĩ như những ngọn thác khác ở đất Lâm Đồng, nhưng còn rất hoang sơ không kém phần lãng mạn và thơ mộng. Du khách rất thích tắm nước mát nơi dòng suối này bởi môi trường trong lành. Đây là một thắng cảnh rất phù hợp với những du khách yêu thích loại hình du lịch sinh thái, dã ngoại.

Cầu Tích

Cầu tích là loại dương xỉ thụ trọng mọc hoang nơi đất ẩm ở miền rừng núi, bờ khe suối hay ven rừng... còn được gọi là cây kim mao, cu ly hay cây lông khi... Tên khoa học là *Cibotium barometz* (L.) J. Sm, thuộc họ Cầu tích (Dicksoniaceae). Cầu là con chó, tích là xương sống lưng. Vì thân rễ của cây giống lưng của con chó nên mang tên cầu tích. Đây là một loại cây thuốc quý của Việt Nam.

Cây cầu tích có thân yếu, chiều cao khoảng 2-3m. Lá dài, có tàn rộng, dạng lá lông chim hình trái xoan. Cuống lá dài 1-2m, màu nâu nhạt; phiến dài đến 3m, ngọn giáo dài 30-60cm tạo nên tàn của lá rộng.

Vào thế kỷ XVI-XVII, ở châu Âu, người ta cho nó là một con vật nên đặt tên là *Agnus scynthus*. Họ cho rằng, loại cây động vật này sinh ra do một hạt dính vào rễ, có máu và thịt như một động vật ăn cỏ. Con vật này không đi lại được, nên nó sẽ chết đi sau khi ăn hết cỏ nơi nó sinh ra.

Rễ cầu tích được thu hái quanh năm để làm thuốc cầu tích (*Rhizoma Cibotii*), nhưng tốt nhất nên thu hoạch vào mùa Thu - Đông. Khi thu hoạch, cầu tích được cắt bỏ cuống lá và



Cầu tích đang được bày bán trên các quầy hàng lưu niệm ở Đà Lạt.

rể con, cạo lấy lớp lông vàng để làm thuốc. Sau khi cạo sạch lông, thân rễ được rửa sạch sẽ, thái phiến hoặc cắt từng đoạn dài 4-10cm, rồi đem phơi hay sấy cho thật khô và bảo quản nơi khô ráo. Khi sử dụng thường được tẩm rượu một đêm, sau đó đem sao vàng. Có khi người ta cũng chế cầu tích với muối (gọi là diêm chế) để tăng cường tác dụng bổ thận của nó. Trong cầu tích có chứa tinh bột 30% và aspidinol. Lông vàng của cầu tích có chứa tannin (chất chát) và sắc tố.

Cầu tích có vị đắng ngọt, tính ôn, có tác dụng bổ gan và thận, làm mạnh gân cốt, trừ được phong thấp, tay chân tê bại, thận hư, đau lưng mỏi gối, di tinh, bạch đới, tiểu són hoặc bí tiểu, khí huyết suy kém, các khớp đau nhức hoặc bị bại liệt, đau thần kinh tọa... Y học hiện đại cũng ghi nhận cầu tích có tác dụng chống viêm, ức chế chủ yếu giai đoạn viêm cấp tính.

Lông vàng quanh thân rể của cầu tích có tác dụng cầm máu có tính cơ học bằng cách hút huyết thanh của máu và giúp cho máu nhanh chóng đông lại. Đông y sử dụng lông vàng của cầu tích để cầm máu bằng cách lấy lông rửa với rượu cho thật sạch, sấy khô và đắp lên vết thương đang chảy máu.

Thân rể cầu tích thường được để nguyên với bốn góc cuống lá tạo thành hình con vật có bốn chân, lông vàng. Người ta có thể phun rượu tạo ẩm để kích thích cho lông mọc nhiều, tạo nên sản phẩm lưu niệm hoặc có mục đích sẽ thu hoạch được nhiều lông để làm thuốc.

Du khách đến Đà Lạt thường bắt gặp một sản phẩm được bày bán trên các quầy hàng lưu niệm, có hình dáng giống như một chú chó hoặc chú voi bé tí với bộ lông vàng mượt, ngộ nghĩnh. Đó là loại sản phẩm độc đáo được làm từ cây cầu tích.

» Trở lại ngã ba Finom tại km 209 trên quốc lộ 20. Quẹo phải là quốc lộ 27 đường đi Phan Rang.

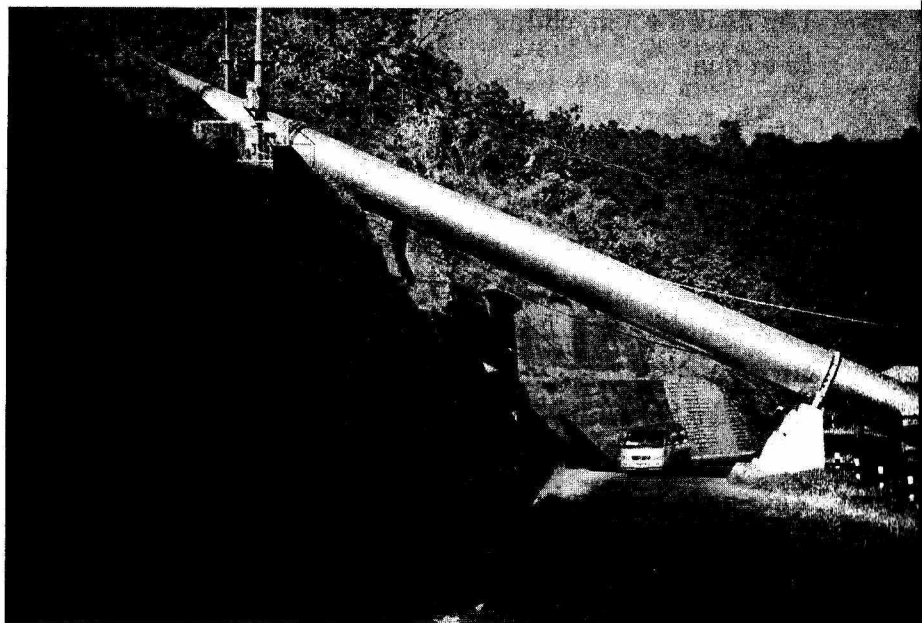
» Km 206: ranh giới giữa tỉnh Lâm Đồng và Ninh Thuận, chuẩn bị xuống đèo Ngoạn Mục. Đèo Ngoạn Mục dài gần 20km, bắt đầu từ km 206 đến 226.

» Km 216: có thể nhìn thấy hai ống nước màu trắng bạc từ trên núi hạ xuống. (H. 99)

» Km 217 & 220: nơi hai ống nước đi ngang quốc lộ 27. (H. 100)

» Km 224+900: cầu Kênh Xả, nhà máy thủy điện Đa Nhim.

» Km 236: khu du lịch Suối khoáng nóng Mỹ Á.



Đèo Ngoạn Mục

Hay còn gọi là đèo Krông Pha (một địa danh của người Chăm hiện vẫn còn) người Việt đọc thành Sông Pha, người Pháp gọi là Belle Vue (Ngoạn Mục). Đây là con đèo tuyệt đẹp nằm độ cao 980m, dài khoảng 18km, cách Đà Lạt khoảng 40km về hướng đông và là ranh giới của hai tỉnh Lâm Đồng và Ninh Thuận. Con đường quanh co, gấp khúc liên tục. Lên độ cao 400m, chúng ta có dịp nhìn lại đoạn đường chúng ta đi qua.

Khi xuống đèo, cảnh thiên nhiên cũng thay đổi dần cho đến Phan Rang. Đặc biệt khi thả dốc đèo Sông Pha chúng ta còn mục kích hai ống nước màu trắng từ trên đỉnh núi đua xuống. Đường hầm dẫn nước dài 4.878m xuyên qua lòng núi. Dưới dây đèo Ngoạn Mục là hai ống thủy áp dài 2.340m, đường kính đỉnh ống là 220cm và cuối ống là 90cm, có tác dụng tăng áp để đưa nước từ hồ Đa Nhim về đến nhà máy thủy điện ở chân đèo Sông Pha. Người ta tính 0.5m khối nước có thể cho một kw điện. Trong khi đó nhà máy thủy điện Trị An cần 12m khối nước mới cho ra một kw điện.

Sông Đa Nhim theo tiếng dân tộc thiểu số có nghĩa là nước mất, có lượng nước dồi dào. Năm 1992, người ta cho xây dựng

nhà máy thủy điện Sông Pha có công suất nhỏ cạnh nhà máy thủy điện Đa Nhim, phục vụ cho việc tiêu dùng địa phương. Nước xả của nhà máy thủy điện Đa Nhim là nguồn cung cấp nước cho Sông Pha. Hệ thống thủy điện Đa Nhim còn tạo cho Đơn Dương một hồ chứa nước tuyệt đẹp là hồ Đa Nhim, cách Đà Lạt khoảng 50km về phía đông bắc, là một thắng cảnh thơ mộng với những đồi thông vi vu nghiêng bóng nước và là một nơi lý tưởng cho hoạt động du lịch dã ngoại như săn bắn và câu cá... Ngoài ra nước thoát từ nhà máy thủy điện dùng tưới tiêu cho hơn 23.800 hecta ruộng lúa khô cần của Phan Rang.

Khi chuẩn bị xuống đèo, qua thị trấn Dran của huyện Đơn Dương. Đây là thị trấn hình thành tương tự như thị trấn Sông Pha của tỉnh Ninh Thuận, là nơi tập trung dân cư khá đông, có nhiều hàng quán. Hai khu vực này tập trung đông dân cư do trước đây lên Đà Lạt phải qua đèo Ngoạn Mục khó khăn, đường hẹp chỉ lên xuống một lượt và phải chờ thời gian thích hợp, nên nơi đây thường là nơi nghỉ đêm của khách đi xe đò. Thứ hai, ở đây còn có nhà máy thủy điện Đa Nhim, nên công nhân làm việc xây dựng công trình này cũng góp phần làm cho thị trấn này đông đúc hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Non nước Việt Nam* của Tổng cục Du lịch - Trung tâm công nghệ thông tin du lịch (Hà Nội 1999).
2. Báo Tuổi Trẻ ngày & Tuổi Trẻ Chủ nhật.
3. Báo Nhân Dân.
4. Báo Giác Ngộ.
5. *Đà Lạt trăm năm* của Trương Phúc Ân và Nguyễn Diệp - Công ty Văn hóa Tổng hợp Lâm Đồng xuất bản.
6. *Nhà Nguyễn, Chín chúa - Mười ba vua* của Thi Long - Nhà Xuất bản Đà Nẵng.
7. *Chuyện nội cung Cựu hoàng Bảo Đại (Hoàng hậu Vương phi Công chúa triều Nguyễn - tập III)* của Nguyễn Đắc Xuân - Nhà Xuất bản Thuận Hóa - Huế 1999.
8. *Huyền thoại thác Hang Cọp* của Lê Bá Cảnh - Nhà Xuất bản Hội Nhà văn.
9. Báo Sài Gòn Giải Phóng & Sài Gòn Giải Phóng Thứ Bảy.

Cùng một số thông tin, tài liệu tôi cập nhật được từ các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Mục lục

Đà Lạt - Lâm Đồng đất và người	5
Công trình thám hiểm cao nguyên Lang Bian	10
Alexandre Yersin (1863-1943)	12
Lễ hội lớn vinh người trồng hoa	17
Thánh địa Cát Tiên	21
Tề giác một rừng Việt Nam	24
Khu du lịch rừng Madagui	27
Tnác Đamb'ri	39
Tu viện Bát Nhã	41
Cây trà Việt Nam	44
Công dụng của trà	51
Khu du lịch thác Bobla	54
Thác Pongour	57
Thác Gougar	62
Thác Voi	65
Núi Voi	68
Làng Con Gà	70
Khu du lịch thác Prenn	72
Thác Datanla	75
Thiền viện Trúc Lâm	78
Hồ Tuyền Lâm	82
Hồ Xuân Hương	84
Chợ đêm Đà Lạt	87
Đồi Cù - Sân golf Đà Lạt	90
Vườn hoa Thành phố	93

Nhà thờ chánh tòa Đà Lạt (Nhà thờ Con Gà)	95
Ga xe lửa Đà Lạt và tuyến đường sắt tháp Chàm	99
Ngôi trường mang dấu ấn Yersin (Trường Cao đẳng sư phạm Đà Lạt)	101
Chùa Linh Sơn	104
Đồi Mộng Mơ	105
XQ Sử quán	109
Thung lũng Tình Yêu	113
Nhà thờ Domaine De Marie	116
Phân viện Sinh học	118
Khu du lịch Thung lũng Vàng	122
Hồ Suối Vàng	124
Dự án thành phố lãng mạn	127
Núi Lang Bian	129
Thác Camly	133
Nhà thờ Cổ Du Sinh	135
Hồ Than Thở	137
Văn hóa công chiêng Tây Nguyên	
Di sản phi vật thể của nhân loại	142
Biệt thự Hằng Nga	146
Dinh thự Đà Lạt	149
Vua Bảo Đại	155
Hoàng Hậu Nam Phương	159
Vườn hoa Minh Tâm	164
Thiên Vương Cổ Sát	165
Vườn hoa Trần Lê Gia Trang	168
Làng trẻ em SOS Đà Lạt	169
Chùa Linh Phước	173
Thác Hang Cọp	175
Cầu Tích	180
Đèo Ngoạn Mục	184

